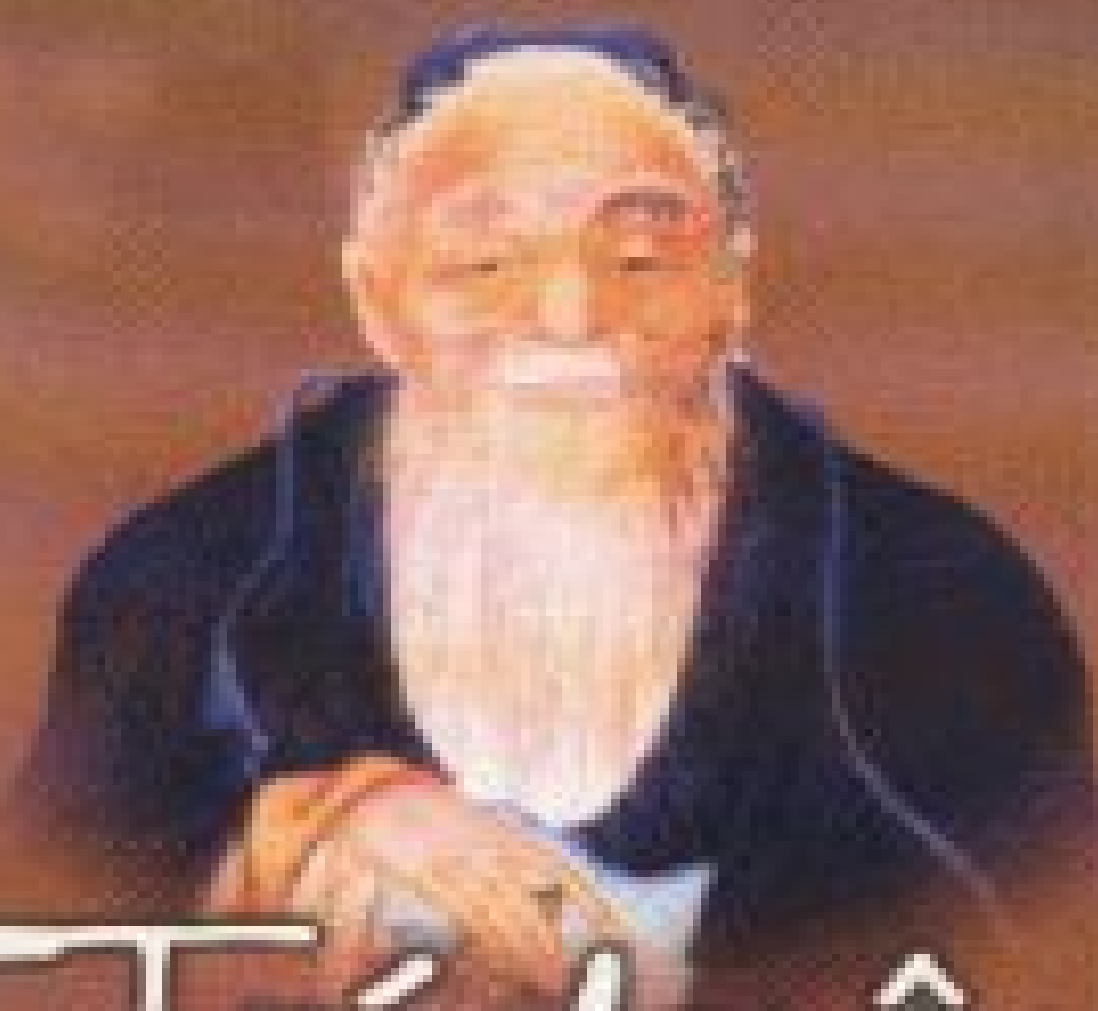


HỒ ANH THỌ

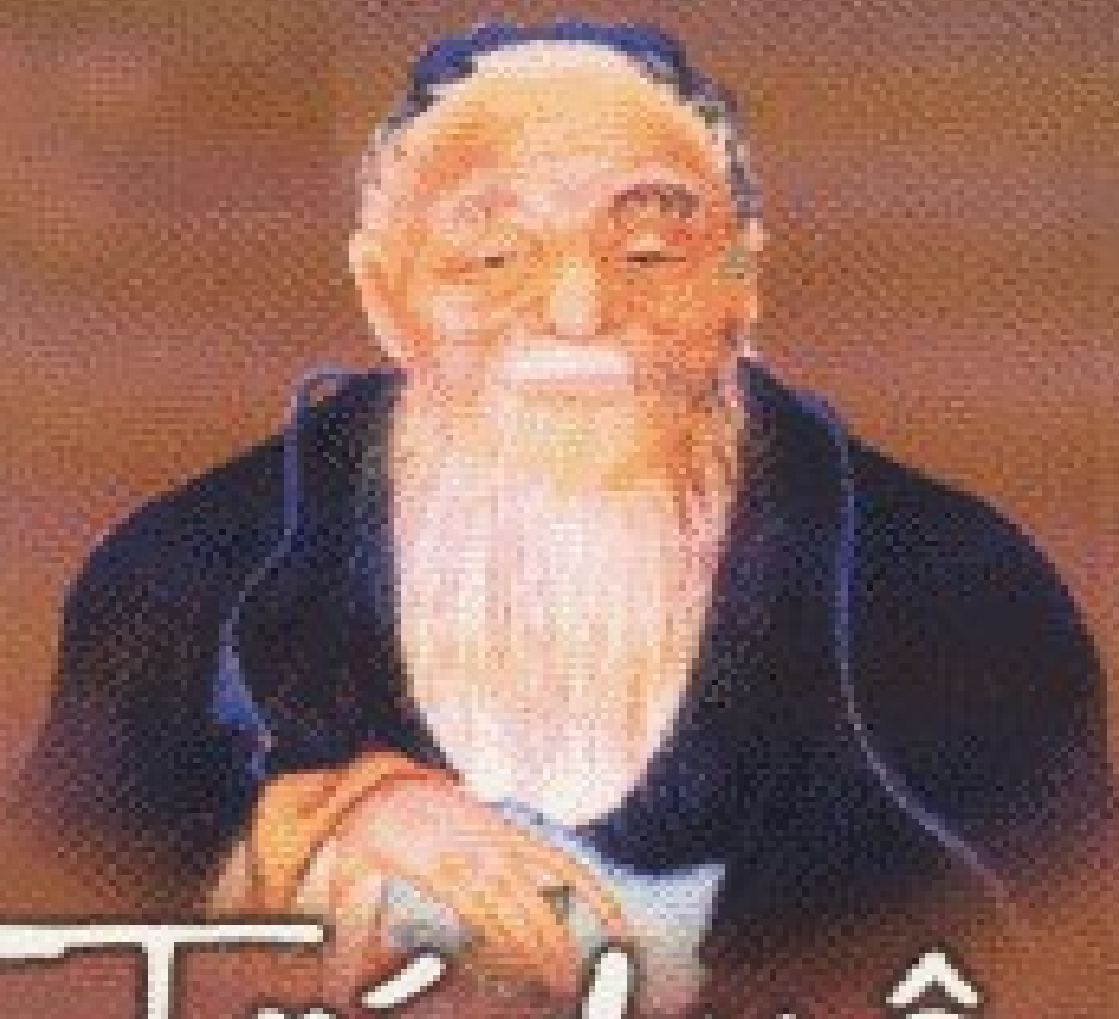


# Trí tuệ Lão tử



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

ĐỖ ANH THỢ



# Trí tuệ Lão tử



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

# Table of Contents

## LỜI NÓI ĐẦU

1. Bản thể của Đạo
2. Phúc họa đi liền nhau, đó là lẽ tự nhiên
3. Thế giới biến đổi như cái bóng theo mình
4. Lây mềm thắng cứng, lây yếu thắng mạnh
5. Trong cái không làm gì (vô vi)
- thai nghén cái làm lớn (đại tác vi)
6. Nắm và buông công việc ở đời
7. Không chiêm công lại là có công lớn
8. Quy luật vơi đầy
9. Giữ cho lòng trống rỗng.
10. Được mất chỉ một tiếng cười mà thôi
11. Có thể và không có thể.
12. Biết người không bằng biết mình.
13. Không làm việc quá độ
14. Làm cho dao bớt sắc
15. Người biết nói không biết rộng
- , người biết rộng nói không biết
16. Hòa cùng ánh sáng và cát bụi.
17. Im lặng là vàng.
18. Sau thành trước
19. Biết dùng sức người khác.
20. Như nước mềm nhưng mạnh
21. Tự tạo ra thiên thời với nhân hòa.
22. Coi trọng thiên hạ hơn thân thể mình.
23. Đây thì phải xả bớt
24. Chỉ cần có tình thì không sợ đời không hiểu
25. Tháp núi càng nhọn, càng dễ đổ.
26. Việc khó làm từ dễ, việc lớn làm từ nhỏ
27. Dành những khoảng trống để phát triển.
28. Sông thanh thoi, chết bình thản.
29. Nhìn từ chỗ vi diệu
30. Loại bỏ dục niệm
31. Thấy đầu mà không thấy đuôi
32. Uyên sâu không dễ nhận biết
33. Không bị kích nộ
34. Đục mà hóa trong.
35. Biết bỏ tức hay chế ngự bản thân mình.
36. Cuộc sống hư tĩnh.
37. Sự sống và cái chết.
38. Sự quay trở về gốc.
39. Không kê công lao
40. Lời nói đẹp, hành động đẹp
41. Đỉnh cao của học:
- Sống vô lo, hòa mình với tự nhiên
42. Như sóng gợn yên tĩnh ngày đêm
43. Xem thường lợi
- thì có gì phải tranh giành nhau
44. Mưa bão dữ dội thì sẽ chóng tan
45. Học theo trời đất

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>  
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>  
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

TRÍ TUỆ

LÃO TỬ

Đỗ Anh Thơ  
(Biên soạn, chú giải và bình luận)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI  
2006

# LỜI NÓI ĐẦU

Theo sử gia Tư Mã Thiên thì Lão tử là người thôn Khúc Nhân, làng Lê, huyện Khô (苦 縣)<sup>[1]</sup> nước Sở (thuộc Lộc Ấp, nay là trấn Chu Khẩu tỉnh Hà Nam. Có sách nói là tỉnh An Huy, Trung Quốc; tên thực là Lý Nhĩ, tự Bá Dương, làm quan giữ kho sách của nhà Chu (*Thủ tàng thư chi lại*), sống cùng thời với Khổng tử vào cuối đời Xuân Thu (770-476 TCN). Ông còn có tên là Lão Đàm (聃). Nhưng có sách lại nói ông là Lão Lai tử (老子) hoặc chính là Thái sử Đàm (儋), sống vào thời Tần Hiếu công (362-345 TCN), tức là sau khi Khổng tử mất đến 129 năm). Như vậy tên tuổi, quê quán của Lão tử đến nay ta vẫn không biết một cách chính xác. Tư Mã Thiên viết rằng Khổng tử có lần đến gặp Lão tử hỏi về Lễ. Lão tử trả lời:

*“Những người mà ông hỏi thì nay đến xương cốt cũng đã mục nát thành tro bụi cả rồi, chỉ còn lại một số câu nói mà thôi. Làm người quân tử, nếu như sinh ra gặp thời, ra khỏi nhà có thể lên xe xuống ngựa; nếu như sinh ra không gặp thời thì sống phiêu diêu cảnh nhà tranh nón lá. Tôi nghe nói người đi buôn khôn ngoan thì biết cất giấu hàng hóa giống như thứ gì mình cũng không có; người quân tử có đức hạnh cao thì bề ngoài tỏ ra như kẻ ngu dân. Ông hãy loại bỏ cái kiêu căng, ham muốn sắc thái và những hoang tưởng đi. Bởi vì những thứ đó đối với ông đều vô ích. Điều mà tôi muốn nói với ông chỉ có như thế mà thôi”?*

Lúc ra về, Khổng tử đã đánh giá Lão tử với học trò như sau: *"Loài chim ta biết chúng bay được. Loài cá ta biết nó bơi được; loài thú thì nó chạy được. Chạy thì ta có thể giăng lưới, bơi thì ta có thể dùng câu, bay thì ta dùng tên, còn như loài rộng cưỡi gió mây mà bay lên trời thì ta không sao biết được. Hôm nay tư tưởng của người mà ta đến gặp, ta không thể nắm bắt được. Người đó có lẽ là rộng chăng?"*

Gần đây (năm 1994), theo tài liệu của Trương Cảnh Chí, Chủ tịch Hội Lão học Lộc Ấp công bố trên mạng, thì Lão tử sinh vào đời Lỗ Tương công năm thứ 2 (571), bố tên là Lý Càn làm lại trong triều nhà Chu. Con ông tên là Lý Tông làm tướng nước Ngụy, cháu là Chú. Con Chú là Cung, cháu của Cung là Lý Giá làm quan đời Hán Hiếu công.

Hiện nay ở Trung Quốc và đặc biệt là quê ông - Lộc Ấp có rất nhiều di tích thờ Lão tử như Lão quân đài, Thái thanh cung, Động tiêu cung, núi Ân dương, giếng Cửu long, nơi Khổng tử vấn lễ, Lễ hương câu, Lý mẫu phân (mộ mẹ Lão tử), bãi thả trâu của Lão tử.

Lão tử làm thủ thư cho nhà Chu nên có lẽ đã đọc được nhiều sách về văn minh cổ từ thiên văn đến triết học của thế giới như Ấn Độ, Ai Cập, Hy Lạp . . .

Về sau thấy triều đại Chu suy vi, các chư hầu xưng hùng xưng bá khắp nơi nên ông chán thế sự thường cười trâu đi du ngoạn đó đây. Một thời gian sau bỏ hẳn chức tước mà đi ở ẩn. Thân thể ông, ta chỉ biết qua Tư Mã Thiên có vậy. Cuộc đời, sự nghiệp, lúc sống ông đã xem như không có, thì lúc chết, người đời cũng không nên truy cứu nhiều làm gì. Nguyễn Hiến Lê đã dành ra gần 50 trang để trích dẫn rất nhiều tài liệu xung quanh tên họ, quê quán, mối quan hệ bạn bè về đời ông. Theo tôi đây là điều không cần thiết. Ta không nên băn khoăn nhân vật này có thực trong lịch sử Trung Hoa hay không. *Đạo đức kinh* có phải là do ông viết hay không, vì về mặt văn bản học ta không có một tác phẩm nào khác của ông và không có người bạn nào của ông có tên trong sử sách. Về chuyện Khổng tử đi gặp ông hỏi về Lễ cũng vậy Bởi vì ông là một kẻ lánh đời giấu tên, giấu tuổi kia mà! Hơn nữa, làm như thế tức là ta đã dùng phương pháp nhị nguyên (tồn tại và không tồn tại) để chứng minh một triết lý nhất nguyên, đó là đạo Lão.

Thuyết *Vô vi* không phải là chuẩn tắc trị nước của giai cấp thống trị. Nhưng năm 166 Hán Hoàn đế đã phong Lão tử làm Thái thượng Lão quân và đích thân làm lễ tế. Đường Thái Tông tức Lý Thế Dân vì tin rằng mình cũng họ Lý với Lão tử nên tự xưng là hậu duệ của ông. Năm đầu Càn Phong (666),

Đường Cao Tông truy phong Lão tử làm Thái thượng huyền nguyên hoàng đế. Đời Tống Huy Tông cảm dân chúng đặt tên là Nhĩ, Đàm, Bá Dương v.v . . .

Còn trong dân gian, người đời thù ghét nên không biết bao nhiêu huyền thoại về ông, nào là từ bụng mẹ sinh ra tóc râu ông đã bạc trắng phơ phơ. Ông là vị tiên thánh bất tử, đi mây về gió cùng các tiên như Tây vương mẫu ở trên trời. ông là thủy tổ của thuyết trường sinh bất lão như thế đó. Từ hàng nghìn năm nay, những người thích sống ẩn dật như Lão tử chủ yếu đều muốn sống gần với thiên nhiên, không màng danh lợi, xem mình cũng như cây cỏ, làm bạn với chim muông, phủ định Lễ Nghĩa của Khổng tử, Vua chúa các triều đại phong kiến vốn dĩ chỉ tôn sùng Khổng Mạnh, xem đó là bảo bối để củng cố quyền lực của mình. Nhưng về già, họ lại tìm đến Lão tử mong luyện được phép trường sinh bất lão để kéo dài cuộc sống, cuộc đời hưởng thụ mà thôi.

Thành Cát Tư Hãn có lần đã cho vời Khâu Xử Cơ một đạo gia nổi tiếng đời Nam Tống lên thảo nguyên để hỏi về thuật dưỡng sinh. Chuyện đó có thật chứ không phải là hư cấu của Kim Dung.

Trong lịch sử Trung Quốc, những kẻ muốn phủ định chế độ phong kiến bất công, lợi dụng đạo Lão, làm một thứ thần quyền để tập hợp quần chúng như Trương Giác, Chu Nguyên Chương, Hồng Tú Toàn . . . Đến các phái võ thuật như Toàn Chân, Thiếu lâm từ xưa kia và Pháp luân công hiện nay tuy lấy tu luyện là chính nhưng cũng đã dính không ít tới chính sự.

Bởi vậy, chúng ta hãy bỏ qua cái huyền bí bên ngoài, những lợi dụng của các giai cấp đối với Đạo Lão mà đi vào học thuyết Vô vi, là thứ triết học biện chứng sơ khai của ông. Những học giả xưa nay, ở Việt Nam cũng như nước ngoài, phương Đông và phương Tây. . . thường tiếp cận tới Đạo - Vô vi theo hai hướng: *nhất nguyên luận* và *nhị nguyên luận*.

Nhưng đều gặp không ít khó khăn và mâu thuẫn.

- Thứ nhất về triết học, ông nói tới Đạo như là bản thể luận, vũ trụ luận, là hình nhị thượng học (metaphysic), là thể duy nhất, nhưng ngay sau đó, ông lại nói sang Đức là cái vỏ ngoài, cái *Dụng* cái *Khí* của Đạo, ấy là đã đi sang *hình nhi hạ* (physic), thể phân chia của vật chất: *nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*.

Thứ hai là ông thường nhấn mạnh tới *nhu*, tới *bất tranh*, tới *vô vi* nhưng rồi lại nói *nhu thắng cương, vô danh và hữu danh, thiện và bất thiện, trị và bất trị* của thánh nhân . . . tức là nói tới hai mặt tồn tại và đối lập, *tương sinh tương khắc* của vật chất với vật chất và vật chất với tinh thần và có khi đi đến cực đoan là bài xích khoa học tiên bộ, chủ trương con người trở về với cuộc sống thuần phác hoang sơ. Do hạn chế bởi thời đại, ông không chứng minh được cái lý tận cùng *cuộc sống là cạnh tranh*. Vì ngay cả cây cỏ, muông thú . . . cũng có cạnh tranh để tồn tại: cây cỏ cạnh tranh vươn ra chỗ có ánh sáng, có nguồn nước; muông thú giành nhau môi trường có thức ăn. . . từ *vô thức* đến *hữu thức*. Không khí và nước do nặng nhẹ khác nhau, cũng giành nhau lên cao hoặc xuống thấp. Nước tuy chảy xuống chỗ trũng nhưng rồi lại bay hơi lên cao !

Vậy thì bất tranh ở chỗ nào? Bất tranh không phải là quy luật tồn tại phát triển mà là quy luật triệt tiêu, ít nhất cũng là quy luật "*ngu*" và "*ngu đông*", nhằm tiết kiệm năng lượng của vạn vật, để cân bằng phục hồi sức, chuẩn bị vào cuộc đua mới.

Nghiên cứu, trình bày học thuyết Vô vi xưa nay vốn rất khó. Đạo đức kinh chẳng khác gì viên đá thô nhưng trong có chứa ngọc. Chỉ làm công việc chú giải thuần túy, trích dẫn sách vở làm ta lẫn lộn ngọc với đá. Ngày nay với thời đại con người đua tranh vào vũ trụ, nó chẳng khác gì một công việc nhằm chán, vô bổ, không còn giúp ích được gì cho cuộc sống muôn loài (trong đó có con người). Bởi con người đã chót "*cưỡng lại*" tự nhiên, đứng thẳng lên, bộ óc chiếm vị trí cao nhất trong thân thể, tự duy theo chủ quan, đi theo hướng công nghệ kỹ thuật... tức là hướng ngược chiều với bản năng, muốn hay không muốn, nó phải phá vỡ dần môi trường tự nhiên. Ta nói tới thuyết bất tranh, thuần phác hiện nay chẳng khác gì đứng trước đám thanh niên đang giành nhau chiếc vé vào xem World Cup 2006 hay đang gắng xoay sở tiền để mua chiếc xe mô tô đời mới nhất. . . mà ta cứ lải nhải rằng: "*Các cháu ơi, Lão tử là thánh nhân đã dạy bảo chúng ta đừng nên tranh giành nhau cơ mà!*".

Nhưng nếu xét về phương diện cân bằng cực, cân bằng sinh thái, phát triển bền vững giữa cuộc sống con người và tự nhiên trong đó có ta, thì học thuyết Vô vi được hiểu là *vô nhân vi, vô ngụy* (cũng đọc là wuwei nghĩa là không dối trá) thì nó thực sự có ánh ngọc sáng chói. Cái khó là ta đọc, hiểu, lý giải tư tưởng người xưa sao cho không khiên cưỡng. Phải có tư duy triết học lịch sử, không làm khúc xạ, méo mó lý thuyết mà chỉ phát triển ý niệm theo quy luật diễn tiến, tất yếu phải có của người xưa; lấy giả chứng để thực chứng, tìm cái chân lý tương đối khoa học trong những luận đề được xem là phi khoa học, ngụy khoa học, giữa cực bên này *hữu vi* mà Khổng tử là đại diện với cực bên kia là *vô vi*

của Lão tử để quan sát thế giới mà ta đang sống cho cân bằng. Tới lúc này mà ta đứng nguyên trên quan điểm nhất nguyên để giải bài toán thì bế tắc. Ta lại phải tiếp cận tới nhị nguyên luận và đa nguyên luận, tiếp cận tới sự cạnh tranh, tới thiện ác, thật giả, tồn tại và không tồn tại, vật chất và tinh thần. . . để dung hòa, để không trở nên quá cực đoan cuồng tín.

Nếu với tiêu chuẩn đề ra như vậy, soạn giả nghìn lần không dám biên soạn bộ sách này. Thế nhưng nghĩ lại, xét theo yêu cầu thanh niên trong nước, ngày nay đang có xu hướng tìm về triết học phương Đông (Lão tử, Trang tử, kinh Dịch, Luận ngữ. . .) như là đòi hỏi tìm đến sự cân bằng về tư tưởng, đạo đức, về môi trường, về sức khỏe. . . để khắc phục cái thái quá của hữu vi của con người, của công nghiệp hóa, khoa học kỹ thuật. . ., thì soạn giả lại đây quyết tâm dần bước, cầm bút để viết về Lão tử và nếu thời gian còn cho phép, tiếp đến là kinh Dịch, Trang tử. . . góp phần đẩy lùi cái bất tri của một số người, do không có điều kiện về ngữ ngôn cổ, tiếp cận tới nguyên lý luận của những trước tác xưa mà đang sa vào vòng mê tín, dị đoan. . .

Trong biên soạn, tác giả cố gắng tìm trên mạng những bản dịch và chú giải xưa nhất cũng như mới nhất để khảo dị, gạt bỏ phương pháp tư duy nhị nguyên trong đầu, nhưng đồng thời có lúc cũng phải rời xa nhất nguyên luận. Đó là khi triết học hình nhi thượng không diễn giải được thì bước sang hình nhi hạ và ngược lại. Bởi vậy soạn giả cũng rất mong bạn đọc hiểu cho rằng: ta không thể lý giải được khái niệm "*vạn vật vốn là nhất thể*", mà không tưởng tượng trên đời này có quy luật nhân quả, có báo ân báo oán, có thiện đường và địa ngục. . .

Tư tưởng triết học nước ta là kết quả giao thoa giữa các nền triết học Ấn Độ (Phật), Trung Quốc (Nho, Lão) theo tam giáo đồng nguyên. Đến nay chúng lại được tham chiếu với các loại triết học tự nhiên, triết học khoa học phương Tây từ phương pháp quy nạp của Descartes, thực chứng và giả chứng của Popper, Kuhn đến triết học hiện sinh của Jean Phút Sastre. . . Do "*nhất*" không có thì "*nhị*" cũng không thể sinh, nên ta không thể thu được một khái niệm duy nhất, càng không thể loại trừ một khái niệm duy nhất trong đầu. Không có ranh giới *vô* (không) và *hữu* (có) một cách tuyệt đối, càng không có khái niệm "*tồn tại*" hoặc "*không tồn tại*", bởi vì loài người tồn tại trong không tồn tại, chỉ trong một *sát na* (từ Phật học, nghĩa là một khoảnh khắc). Vậy ta chỉ cần mở cánh cửa thông tin về cuộc sống bản thân là ta có thể cảm thụ được *chân lý vĩnh cửu*, tức là *Đạo* mà Lão tử đã đặt ra từ hơn 2000 năm nay.

Từ khi loài người sinh ra, biết suy nghĩ họ đã phải đối diện với vấn đề cần và muốn lý giải đó là *sự sống và cái chết*, giữa *tồn tại* và *không tồn tại*, *hữu* và *vô*.

Engels cho rằng: nhờ có đôi bàn tay tiên mà con người đã vượt qua loài thú. Điều đó không hoàn toàn đúng. Mấu chốt của vấn đề là ở bộ não chứ không phải ở bàn tay, tức là ở sự *thu nhận, xử lý, sản sinh ra thông tin mới*. Loài người chỉ khác loài vật và máy điện toán thông minh ngày nay chủ yếu ở giai đoạn ba của chu trình tư duy nhờ họ đã tìm ra công cụ ghi chép lại thông tin là *lời nói và chữ viết*. Nhưng họ cũng không bao giờ chụp ảnh được ý niệm. Nói cách khác, họ không bao giờ tìm được khái niệm đích thực mà chỉ có khả năng tiến gần, đôi chiếu phát hiện cái "*sai*" hoặc phát triển ý niệm "*đúng*" của những bộ óc siêu việt của cá nhân thời đại trước đó mà thôi. Chỉ có những bộ óc xơ cứng đang tiến dần đến cái chết mới nghĩ đến cái *tuyệt đối đúng* để đặt lên bàn thờ, hoặc *tuyệt đối sai* để đem vứt vào sọt rác, không hề biết chút *phản tư* nào mà thôi.

Nghiên cứu vận dụng học thuyết Vô vi của Lão tử cũng vậy. Người ta chỉ có thể tiếp cận được tới khái niệm *Hư dụng* (công dụng của sự trống rỗng = The function of Emptiness), của sự cân bằng sinh học giữa con người và tự nhiên để kéo dài sự sống có ích chứ không thể tìm thấy sự trường sinh bất lão, thoát khỏi quy luật sống - chết được. Nhưng trường sinh bất lão lại là ước mơ của loài người. Nó trở thành cuộc sống tâm linh và là đề tài của biết bao trước tác, từ thần thoại xưa kia tới tiểu thuyết chương của Kim Dung ngày nay, làm cho con người cảm thấy sống vui hơn, có ích hơn, bớt thù hận nhau hơn. Đó là cốt lõi học thuyết Vô vi của Lão tử, học thuyết hòa đồng tới ánh sáng và cát bụi trong xã hội hiện đại và hậu hiện đại. Nó có tác dụng làm quân bình sự sống vật chất và tinh thần, cho phép ta bỏ qua, quên đi những câu hỏi không thể lý giải được, vẫn day dứt loài người từ khi họ xuất hiện trên trái đất cho đến nay và sau này.

Nguyên tắc biên soạn.

1. Để cho dễ đọc, quyển sách này được soạn giả viết theo cách tuyển của Diệp Châu (tác giả *Lão tử đích trí tuệ*), không lấy hết tất cả các phần chương cú trong Đạo đức kinh mà chỉ lấy từng đoạn, xem như là những từ khóa (keyword) để chú giải, dịch nghĩa mang tính chất tham khảo và phê phán những

cái sai của các tài liệu đã có. Phân bình đề cập tới tính thực tiễn của xã hội hiện đại như tên đã đặt cho quyển sách.

2. Tài liệu tham khảo gồm những bản xưa nhất như của Vương Bật đời Tấn, Hà Thượng Công, Lục Đức Minh (đời Đường) đến các bản của Legg (Anh), Suzuki (Nhật), Diệp Kim Sơn, Viên Phô (Đài Loan), Thu giảng Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Hiền Lê (Việt Nam) . . . để mong làm sáng tỏ hơn về khái niệm, cách hiểu và những nhầm lẫn của người đi trước.

3 . Cách làm việc tuy nghiêm túc nhưng vì thời gian, kiến thức và phương tiện có hạn nên không thể tránh khỏi những sai lầm và thiếu sót.

Mong được các vị thức giả xa gần chỉ giáo.

Soạn Giả

# 1. Bản thể của Đạo

道<sup>1</sup> 可 道<sup>2</sup> 非 常 道<sup>3</sup>

Chú âm:

**Đạo khả đạo phi hằng đạo.**

Chú giải:

Đây là đoạn câu của chương một Đạo đức kinh.

- Đạo (dao) <sup>(1)</sup>: đường, nguyên lý, quy luật.
- Đạo <sup>(2)</sup>: Có nhiều cách hiểu: nói, trình bày, khẳng định tuyệt đối
- Phi (fei): không
- Hằng (héng): bất biến, vĩnh hằng (constant), quẻ "hằng". Chữ thường 常(cháng) ở đây nguyên là "hằng" (𠂔𠂔) nhưng do đời Hán kiêng tên Hiều Văn Đế là Lưu Hằng mà viết thành *thường*. Nhiều trường hợp viết là thường nhưng nay ta vẫn đọc là hằng, ví dụ hằng số (常數), hằng nga (嫦娥).
- Hằng đạo (héng dao)<sup>(3)</sup> : nguyên lý vĩnh cửu, đạo vĩnh hằng. *Hằng đạo* mang khái niệm *nhất nguyên*. Nó không có tên. Khi ta đã nghĩ tới *có* hay *không* tức là ta đã đi sang lĩnh vực mâu thuẫn đối lập, tức là sang phạm trù nhị nguyên.

Diệp Châu (tác giả Lão tử đích trí tuệ) vì hiểu 常 là *thường* nên chú giải đó là sự hiểu biết thông thường (ordinary). Lại có người hiểu là *đạo phi thường* hoặc như Hùng Lương Sơn (chủ nhiệm khoa Triết, Học viện Hoa Trung - Trung Quốc) giải thích: *Phi thường đạo là có thể không gọi là đạo*. Theo soạn giả, đây là những cách hiểu sai từ nguyên nên đọc sai, dịch sai văn bản cổ, không theo tư duy triết học lịch sử.

Dịch:

**Đạo mà có thể diễn tả được thì đã không còn là nguyên lý tuyệt đối của vũ trụ nữa rồi.**  
Do cách hiểu như đã chú giải ở trên, nên hiện nay ở Trung Quốc phổ biến nhiều sách dịch khác hẳn:  
*Con đường có thể đi nhưng không phải cánh đi thông thường.*

(道路可以走,但不是通常走法)

(Diệp Châu - Lão tử đích trí tuệ)

*Đạo có thể gọi là đạo, cũng có thể không gọi là đạo.*

(道,可以叫道,也可以不叫道)

(Dẫn theo *Tranh luận về Đạo đức kinh* do Hùng Lượng Sơn dịch, - "Trung Hoa độc thư báo" phát trên mạng [www.gmw.cn](http://www.gmw.cn)) Bản của Diệp Kim Sơn trên mạng dịch là 肯定的道 (*đạo khẳng định*) 都不是 (純粹) 的 (道) (đều không phải là đạo thuần túy). Các bản dịch của các học giả Anh, Pháp, Nhật, Đài Loan xưa nay đều hiểu đúng là *Đạo bất biến* (unvariable way, constant way, voie éternelle v.v...). Vì vậy nó đã gây nên nhiều cuộc tranh cãi trên mạng giữa các nhà nghiên cứu về Lão xưa và nay trên thế giới.

*Bình:*

Trong "Đạo đức kinh" của Lão tử, chữ "*đạo*" mang một khái niệm triết học hoàn toàn khác với "*đạo*" trong Nho học. Đây là danh từ có tính chất thần bí của phương Đông. Có lúc nó mang khái niệm là nguyên động lực vô cùng lớn của tự nhiên; lúc biểu thị trạng thái hỗn mang, chưa phân chia (*âm dương*) của vũ trụ; khi lại chỉ cái mốc khởi đầu trong quá trình diễn tiến *sinh - thành* của vạn vật. Xưa nay, các nhà nghiên cứu phương Tây từng dịch là "*way*" (con đường) hoặc "*Reason*" (nguyên do) (xem các bản dịch của James Legge) (năm 1891), Suzuki (năm 1913), Dwight Goddard (1919) . . . nhưng đều không đạt, nên các nhà nghiên cứu Lão học hiện nay thường đề nguyên chữ La tinh "*Dao*" hoặc "*Tao*". Lão tử đề cập đến "đạo" với thái độ kính ngưỡng tuyệt đối, nhưng đó là lòng tin vào quy luật tự nhiên, khác với khái niệm quyền uy siêu hình là "thiên" (trời) của Nho giáo hay "thượng đế" của Cơ đốc giáo, Tiên Phật, thánh Ala v.v....Do đó tính quyền uy của nó càng cao hơn.

Diệp Châu hiểu đạo là *đường* và nói chữ giáp cốt xưa (chữ khắc trên xương, mai rùa) viết là " 刀 " (đao) nghĩa là con dao. Nếu đúng [2] ta có thể suy ra rằng: khi loài người ở trên cây với cuộc sống hái lượm bắt đầu xuống sống hẳn dưới đất, ở hang núi, lúc đi tìm thức ăn họ đã đi men theo mép nước đầu nguồn. Vết chân của họ để lại trên cát có hình tượng chẳng khác gì con dao. Vì vậy, họ mượn hình ảnh con dao để thông tin cho nhau một khái niệm khác là đường. Rồi từ đó họ còn dùng cách ném dao để đo khoảng cách. Ta còn biết, chữ "*nhân*", đơn vị đo chiều dài đời Chu được viết như chữ đao 仞. Lại nữa, muốn mở đường, người ta phải dùng dao. Con dao quắm của người đi rừng, đến cái liềm của người trồng cây, đều cong cong như những bàn chân có ngón xòe cong của người đi rừng. Bàn chân người Giao Chỉ sợ dĩ có ngón cong là vì phải bám trụ đường núi trơn vùng phương nam. Từ khái niệm ban đầu đó, dần dần "*đạo*" có tính trừu tượng hơn.

Nó chỉ người đi đường, cách thức đi đường, mục tiêu, cái đích mà con người phải vươn tới, nói tới. Chữ "*đạo*" của Lão tử bao hàm ý nghĩa là con đường vĩnh hằng, cái quy luật bất biến. Đạo là cái *không thấy* (vô), là bản thủy của trời đất mà biểu hiện ra ngoài là cái *tên* (danh), cái *đức* thấy được, đó là *có* (hữu). Câu trên của Lão tử, cũng như toàn bộ lý thuyết của ông là *nhất nguyên luận* mang màu sắc *bất khả tri luận*.

Vương Bật (226-249) nhà huyền học đời Tấn cũng hiểu như sau: "*Khả đạo chi đạo khả danh chi danh chỉ sự tạo hình phi kỳ thường dã cố bất khả đạo bất khả danh dã* "

(可道之道可名之名指事造形非其常也故不可道不可名也)

Nghĩa là cái đạo mà có thể diễn giải được, có thể đặt tên được thì không còn là cái nguyên lý vĩnh cửu nữa.

Viên Phổ chú là: *nếu như có thể dùng lời để nói ra thì không còn là chân đạo tự nhiên bất biến nữa.*

(如果可用言語說出來,即不是白然不變的真道)

Quá trình diễn tiến tư duy là từ sự vĩnh cửu thần kỳ đến thường thái. Tức là trạng thái dị thường, phức tạp rồi cũng trở lại trạng thái bình thường, giản dị như nắm đất, như chúng ta bóc một quả cây, một nụ hoa vậy. Cuối cùng là cái nhị hoa, cái hạt, cái mầm (tế bào). Sự biến đổi (biến dịch) của vạn vật muôn màu muôn sắc, nhưng bóc trần nó ra thì chỉ có hai yếu tố âm dương, hạt nhân có mang điện tích khác dấu, nhiễm sắc thể X, Y, đực cái, vật chất và linh hồn, cuối cùng trở lại 0 (không) là cát bụi. Nhưng từ 0 (không) đột biến lên thành có là sự huyền diệu của sự sống mà con người chưa khám phá ra được và có lẽ cũng không bao giờ có thể lý giải được. Đó là trạng thái hỗn mang ranh giới giữa hình nhi thượng (siêu hình, metaphysic) và hình nhi hạ (physic = vật lý). Lão tử nói: *đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*. Cũng như kinh Dịch nói: "*vô cực nhị thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi [3] sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái bát quái sinh vạn vật* " (cực không mà lại rất lớn, cực rất lớn sinh âm dương, âm dương sinh bốn hình tượng, bốn hình tượng sinh tám quẻ, tám quẻ sinh vạn vật). Đó là quy luật biến thiên theo nguyên lý nhị phân: 2 mũ 0 (= 1), 2 mũ 1 (= 2), 2 mũ 2 (= 4), 2 mũ 3 (= 8) . . . trong sự sống sinh học. Số 1 là thể thống nhất hỗn mang chưa phân chia, nhưng thống nhất trên hai mặt đối lập và tất yếu phải sinh ra một mặt thứ ba, hoặc thể này hoặc thể kia, nếu không thì chúng triệt tiêu, không còn tiến hóa. Đó là sự khẳng định và phủ định: khẳng định của khẳng định là phủ định; và phủ định của phủ định là khẳng định mới.

Trong đời sống hóa sinh cũng như trong cơ chế vật lý, cơ chế xã hội, không thể có một mặt (nhất nguyên, một yếu tố) Vì một ( 1 ) không thể phát triển, tăng trưởng. Ví dụ: 1 mũ 1 cho đến mũ một trăm, một triệu thì vẫn là 1 . Một điểm dù lớn, thì quay bao nhiêu cũng không tạo thành diện tích tăng trưởng. Tới hai điểm tạo nên đoạn thẳng trong vòng tròn (phạm vi không tăng trưởng) tạo ra một cạnh thứ ba. Nhưng sự phát triển (quay) cũng chỉ do cạnh này tăng lên, cạnh kia thu lại cho tới lúc chúng trở thành một tam giác đều, thì diện tích là lớn nhất. Tăng lên n cạnh, diện tích (tích phân) cuối cùng chính là vòng tròn đó. Vòng tròn là giới hạn, cũng giống như cuộc sống trên quả đất được xác định bằng quy luật bảo toàn năng lượng. Do vậy, phải luôn luôn ở thể hai mặt (nhị nguyên) và nhiều mặt (đa nguyên) thì mới phát triển, nhưng sự phát triển đó có điều kiện.

Cũng giống như hình phải có khối. Nếu ta cứ chia vật chất nhỏ tới dạng nguyên tử, tới hạt cơ bản thì vẫn phải có khối lượng. Cho tới khi vật chất sang một trạng thái khác, ví dụ: sóng. . . thì vẫn là pha khác mà thôi. Bởi vậy ta cần nhận thức cho đúng rằng: trong sự *sống* đã tồn tại cái *chết* và ngược lại có *tăng trưởng* phải có *suy thoái*, có *phải* ắt có *trái*, có *trước* phải có *sau*, có *phúc* ắt có *họa*, có *phát sinh* phải có *hủy diệt tiêu vong*. Hiên kiếp trước, kiếp sau cũng giống như trong phim khoa học giả tưởng ngày nay, con người đang ở dạng sóng, hiện hình trở lại. Như vậy có câu hỏi phải lý giải là các vật chất khác (không phải con người) thì sao? Bởi vậy, ở một góc độ nào đó ta phải thừa nhận triết lý hiện sinh: ta chỉ sống ở thì hiện tại. Nhưng ta là hiện sinh cha ta. Con ta sau này là hiện sinh của ta. Do đó có thể nói "*đạo*" của Lão tử chính là sự vi diệu của tự nhiên, ta không thể can thiệp. Phải có

thái độ, có cái nhìn "vô vi", tức là "vô nhân vi". Quan niệm kiêu mãn, cực đoan của con người là mình có thể cải tạo thế giới là sai lầm, là phản quy luật. Bởi vì loài người giỏi lắm chỉ tồn tại trên hành tinh này với độ dài thời gian tính bằng con số triệu năm. Nhưng vũ trụ thì có tuổi thọ tính bằng hàng tỷ năm ánh sáng hay vô cùng, không thể tính được thời gian. Loài người dù xây nên Kim Tự Tháp, Vạn Lý Trường Thành, làm ra người máy, lên thám hiểm các vì sao . . . thì cuối cùng vẫn có thể biến mất bởi một sức mạnh siêu nhiên, bởi chính mình gây ra hoặc bởi những con virus nhỏ tới mức mình không nhìn thấy được.

Vấn đề trung tâm tư tưởng của Lão gia chính là sự huyền bí, là sự diễn tiến của đạo từ vô (trống rỗng, hư = empty) sang hữu (đây, doanh= surplus) và ngược lại.

## 2. Phúc Họa đi liền nhau, đó là lẽ tự nhiên

禍 兮 福 之 所 倚,

福 兮 禍 之 所 伏

*Phiên âm:*

**Họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề, họa chi sở phục.**

*Chú Giải:*

Đây là phân câu trong chương 58 của Đạo đức kinh

- Họa (hào): không may mắn, không tốt lành (disarter).
- Phúc (fu): may mắn, tốt lành (happiness).
- Hề (xi): trợ từ, tiếng phương Nam như hỉ của phương Bắc. Có thể dịch là *chừ, vậy*.
- Ỗ (ỷ): dựa vào, nhân tố gây nên.
- Phục (fu): ẩn nấp, che giấu, rình rập.

*Dịch:*

Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là nơi ẩn náu của mỗi họa đang rình rập.

*Bình:*

Câu này Diệp Châu (tác giả *Lão tử đích trí tuệ*) bỏ về quan trọng ở cuối nên không lý giải được hết cái sâu xa của triết lý *phúc họa* theo quan điểm nhất nguyên. Về cuối như sau: "*Thực tri kỳ cực kỳ vô chính tà*" (孰知其極其無正耶) nghĩa là: ai mà biết đạo lý phúc họa tới cực điểm thì biết chính danh của phúc họa. Nó không có chính tà (tức họa phúc, phúc họa), không phải là mặt nọ mặt kia của đồng tiền (nhị nguyên) mà là hai nửa của một hòn bi (khối) lăn tròn vì phúc tận là họa, họa tận là phúc (nhất nguyên).

Theo quy luật tự nhiên, thì phúc họa có tính ngẫu nhiên và quân đều, nửa này nửa kia vận động (quay) như quả dật quay. Ta chỉ biết sáng tối nhưng không biết đầu ngược xuôi vì ta đã dính chặt vào sức hút của quả dật.

Trong phúc có tiềm ẩn họa, trong họa lại có cái nhân của sự tốt lành. Ta tạm gọi tính nhân quả theo triết lý Phật vậy. Xác suất là 50/50. Dân gian ta có câu: ai giàu ba họ, ai khó ba đời là vậy.

Đây là quan điểm, quy luật tối cao của sự bình đẳng của *thị-phi, thiện-ác, tốt-xấu, sống-chết*. . . mà

con người phải luôn nhớ, không thể giành lấy phần hơn về mình. Bởi vì khi ta thấy rằng nó tốt thì nó đã xấu rồi (*thiên hạ giai tri mỹ vi mỹ tư ố hĩ*). Đây là cách nhìn biện chứng. Trạng tử đã dành hẳn một chương tức là chương *Tề vật luận* để diễn giải cái nguyên lý không thay đổi này của vạn vật, nguyên tắc tùy thuộc, lợi dụng tự nhiên, phát triển bền vững . . . để cân bằng phúc họa.

Trở về với triết lý thực tiễn cuộc sống là nay ta phải thụ hưởng ít đi, biết tiết kiệm là để tránh bớt những tai họa cho con cháu, cho xã hội, cho nhân loại mai sau. Ví dụ về vấn đề năng lượng. Dầu mỏ, than đá là những thứ thiên nhiên không thể tái tạo ngay được mà phải mất hàng triệu năm. Con người hiện đại dùng nó để chạy máy, để phát động phương tiện đi lại, để sưởi ấm, để làm mát, nghĩa là xài một cách xả láng. Thử hỏi đến đời sau con cháu chúng ta dùng cái gì?

Tục ngữ ta có câu "đời cha ăn mặn, đời con khát nước" chuyện đó không phải là phúc họa từng nhà mà là cả nước, cả thế giới. Bởi vì những thứ hiện có trên hành tinh này đều do thiên nhiên ban tặng cho cả muôn loài (con người, muông thú, cây cối, côn trùng. . .). Con người không có quyền độc chiếm. Ngày nay những nước ở đầu nguồn ra sức ngăn sông, đập đập để sản xuất điện, tưới tiêu. . . bỏ mặc cho các nước cuối nguồn khan nước, bị nhiễm mặn, hóa chất... Trước mắt, có thể nói đó là ta giành lấy phúc đây họa sang cho người.

Như vậy có ngày ta sẽ phải trả giá. Tới lúc thiên nhiên gây địa chấn, làm vỡ đập thì sao? Nó sẽ nhấn chìm, đào thành biển ngay dưới chân ta. Lúc đó lại là: ta chết, người thoát.

Ấy chính là nguyên lý cân bằng phúc họa vậy.

Mất cân bằng ở nước ta rõ nhất là hình thể sông biển và núi rừng, miền xuôi và miền ngược, điều kiện sống giữa thành thị và nông thôn, chênh lệch quá lớn giữa giàu và nghèo . . . Ai không thấy phúc họa tiềm ẩn ở đó là thiếu tri thức. Thấy mà làm ngơ là vô trách nhiệm, ích kỷ.

Ta không thể so sánh một căn nhà lầu ở phố gần hàng chục cái máy lạnh với một căn nhà tranh tre nửa lá ven suối! Con người ta sống với đất, biển, rừng, chết lại về với biển, rừng, sông với núi. Đó là lẽ tự nhiên. Nhưng ta không thể cam chịu với những tai họa do chính ta tạo ra mà dân nghèo phải gánh chịu trước tiên. Không được phép đứng đưng trước thảm trạng hàng năm các vụ lở đất, chìm tàu do bão lũ gây ra ngày càng nhiều lên do công nghiệp hóa. Cam chịu tình trạng phúc quan hưởng họa dân chịu như thời phong kiến được.

### 3. Thế giới biến đổi như cái bóng theo mình

有 無 相 生 難 易 相 成 長 短 相 形 高 下 相 傾 音 聲 相  
和 前 後 相 隨

*Phiên âm:*

**Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu trong chương 2 của Đạo đức kinh.

- Tương (xiang): cùng
- Sinh (sheng): phát sinh, nảy nở.
- Nan (nán): khó.
- Dị (yì): dễ. Âm khác đọc là *dịch* nghĩa là biến đổi: kinh Dịch.
- Thành (chéng): xong, nên, hoàn thành, hoàn tất.

- Trường (cháng): dài;
- Đoản (duǎn): ngắn
- Hình (xíng): bóng của vật.
- Khuynh (qīng): nghiêng.
- Âm (yīn): tiếng vang rền (sound).
- Thanh (shēng): tiếng (voice).
- Hòa (hé): trộn lẫn với nhau.
- Tùy (suí): theo nhau.

*Dịch:*

Có - không cùng sinh, khó - dễ cùng được tạo thành, dài - ngắn cùng bóng dáng, cao - thấp cùng nghiêng bên nhau, âm - thanh cùng hòa với nhau, trước - sau cùng theo đuôi nhau.

*Bình:*

Đây là quy luật đối lập mà bù trừ cho nhau, là *âm dương tương sinh tương khắc* với nhau, biến đổi hình thành trong sự hỗ trợ cho nhau, sự việc đột khởi lên rồi diễn tiến như sóng nối đuôi nhau tiến vào bờ.

Những hiện tượng vật lý đó diễn ra hàng ngày. Lão tử quan sát thấy bóng cây trước ngõ cứ ngắn dần từ sáng đến trưa rồi lại dài ra từ trưa sang chiều và biến mất hẳn khi màn đêm buông xuống, nên ông mới suy ra khái niệm trường đoạn tương hình, cao hạ tương khuynh, tiền hậu tương tùy và cuối cùng là hữu vô tương sinh, âm dương sinh khắc có tính trừu tượng của triết học. Khái niệm âm dương có ba mặt:

- Thuộc tính âm: như đen tối, cong queo, trở ngại, mềm yếu, mảnh mai . . . là thuộc tính của giống cái (female), lấy khái niệm từ cái sinh thực khí đàn bà, với hình tượng là hai vạch đứt (- -)

- Thuộc tính dương: như sáng sủa, thẳng ngay, thông suốt, cứng rắn, thô sơ. . . là thuộc tính của giống đực (male), biểu hiện cái sinh thực khí đàn ông với hình tượng một nét liền (-).

- Thuộc tính trung gian giữa âm và dương, vật hỗn hợp, bao hàm trong nhau, bài xích lẫn nhau, phi âm phi dương hoặc bán âm bán dương, giả âm giả dương (neutre). Trong triết học gọi đó là phi thường thái (trạng thái không bình thường) biến thiên dựa vào nhau, theo nhau (tương tùy) sự thống nhất tương đối giữa hai mặt đối lập, trong thế tương đối với nhau. Thật vậy khi ta nói cao thì đã có khái niệm so với thấp, nói trước thì phải nghĩ đến sau... Nói có mà không nói không thì vô nghĩa. Chính đó là nguyên động lực phát triển. Sức nước có thể chuyển hóa thành điện chính nhờ có thế cao thấp. Xã hội phát triển nhờ có thế cạnh tranh. Cái thế đó ở mức bao nhiêu là có lợi, bao nhiêu là có hại? Mà cũng nên hiểu một cách tương đối mà thôi. Vì theo cách nói ngược của Lão thì lợi - hại tùy thuộc vào nhau. Quy luật đó con người chỉ có thể tìm hiểu, lợi dụng nó chứ không thể thủ tiêu nó. Sự cạnh tranh trong sản xuất là do quy luật giá trị, cung cầu chi phối. Thiện ác, phúc họa ta cứ tạm đồng ý do quy luật nhân quả chi phối. Bởi vậy, sự phát triển của sự vật, của con người quyết định bởi hai nhân tố:

1. Trạng thái xung đột giữa hai cực như cao - thấp, trước - sau, giàu - nghèo, thiện - ác v .v. . tức là xung đột giữa hai cực: âm và dương.

2. Trạng thái sinh trưởng của hai cực đó, tức là trạng thái giao hoán tương sinh, tương hình, tương hòa, tương tùy như Lão tử gọi.

Bí mật của tự nhiên chính ở chỗ này. Ta từng gặp những loài sinh sản vô tính như một số cây cỏ hoặc trung tính, không đực không cái, ví dụ loài ong, kiến, mối... Để phát triển sẽ có một cá thể được biến dị theo những điều kiện nhất định, theo mùa sinh sản. Lại có trường hợp, vì một lý do nào đó một giống bị mất đi, lập tức một cá thể trong giống kia sẽ biến tính, ví dụ cái biến thành đực hoặc ngược lại. Giới tính của loài người được phân theo tỷ lệ 50:50. Hiện tại do sức ép dân số, hạn chế sinh đẻ và tập tục, nên loài người đã mất dần tỷ lệ cân bằng đó. Ngày nay, hiện tượng hôn nhân đồng tính, mai dâm gia tăng là do biến đổi sinh lý, tâm lý hay là vấn đề suy đồi đạo đức? Do tất cả đã biến thành hàng hóa hay hiện trạng khủng hoảng giữa vật chất và tinh thần, trái với quy luật tự nhiên? Nay đã đến giai đoạn các nhà khoa học có thể lấy nhân tể bào bất cứ bộ phận nào trong cơ thể của động vật, thực vật đến con người để nhân bản vô tính (cloning). Vậy vấn đề này phải được các nhà khoa học, đạo đức học nghiên cứu mô xẻ, không thể giữ thái độ lẩn tránh được.

## 4. Lấy mềm thắng cứng, lấy yếu thắng mạnh

將欲歙之必固強之將欲弱之必固強之將欲廢之必固興之將欲奪之將固與之

*Phiên âm:*

**Tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi; tương dục đoạt chi, tương cố dữ chi.**

*Chú giải:*

Đây là phần câu chương 36 của Đạo đức kinh.

- Tương (jiang): sắp sửa.

- Dục (yu) : muốn.

- Hấp (xi): hút, hít vào. Cùng một nghĩa với 吸 (đọc là hấp).

- Trương (zhang): nở, phồng lên.

- Nhược (rùo): yếu.

- Phế (fèi): bỏ

- Cường (qiáng): mạnh.

- Hưng (xìng): hưng.

- Đoạt (duó): cướp, giật.

- Dữ (yù): cùng, đến gần, góp vào.

*Dịch:*

Muốn hít vào tất phải trương lên, muốn làm yếu tất phải làm mạnh, muốn vứt bỏ tất phải hưng khởi lên, muốn đoạt tất phải góp thêm vào.

*Bình:*

Theo "*Lão tử dịch văn*": Tương dục hấp chi là: "*Yếu thu lượm*[\[4\]](#) *đích, tất tiên trương trì nhất hạ*" (nghĩa là muốn thu lượm tất trước hết phải trương lên) (要收 敛 的 必 先 张 驰 一 下)

Suzuky dịch: "*That which is about to contract has surely been expanded*".

Đây là câu khá bao quát khái niệm "*nhu thắng cương, nhược thắng cường*" (mềm thắng rắn, yếu thắng mạnh) với hình tượng là "*nước*" của Lão tử. Ông nói: "*Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật hựu bất tranh*" (nghĩa là: nước là tốt nhất, nước lợi cho muôn vật lại không hay tranh giành) và "*thiên hạ nhược nhược mạc quá ư thủy, nhi công kiên cường mạc chi năng thắng*". (nghĩa là: trên đời này có gì mềm yếu hơn nước? mà để thắng cứng rắn có cái gì mạnh hơn nước?) Kinh tân ước cũng có câu tương tự: "*Quiconque s'élève sera abaissés et quiconque s'abaisera sera élevé*" (kẻ nào leo lên cao sẽ bị hạ xuống thấp, kẻ nào hạ xuống thấp sẽ được nâng lên cao) và "*Ainsi les derniers seront les premiers, et les premiers seront les derniers*" (kẻ nào đi sau sẽ là người đứng trước và kẻ nào đứng trước sẽ là kẻ đi sau).

Kết luận có tính triết lý này của Lão tử là do ông quan sát hiện tượng *nước chảy đá mòn* mà có. Tuy

nhiên, nước muốn trở thành phát động lực phải được tích áp và có thể năng. Cha ông ta có câu: "*tức nước vỡ bờ*" là thế. Ở trạng thái tĩnh, toàn bộ áp suất phụ thuộc vào độ cao cột nước, tác dụng lên thành ống. Nhưng ở trạng thái động thì áp suất đó là tích của vận tốc và cửa thoát nên sức công phá càng lớn. Sức mạnh tổng hợp của sự mềm yếu của nước là vậy. Người ta ví nước mềm yếu như quân chúng nhân dân bị trị, vốn ở chỗ thấp. Nhưng nó làm cho tầng lớp thống trị phải dè chừng. "*Nâng thuyền là nước nhưng lật thuyền cũng do nước*" là một câu nói bất hủ. Sức mạnh của nước là sự tích áp rất lớn ở hai cực. Mặt khác ta phải chú ý đến một trạng thái thứ ba, đó là hiện tượng dao động, lúc ngả bên này lúc ngả bên kia (lúc âm lúc dương) ví như nước êm sóng vỗ. Thế năng không lớn nhưng sự xói mòn cũng không nhỏ. Về kỹ thuật, các nhà khoa học đang nghiên cứu hiện tượng này để chế tạo các loại bơm, máy phát điện kiểu lắc. Mô hình cân bằng động đó được Charles de Gaulle (1890 – 1970), tổng thống Pháp áp dụng vào trong sinh hoạt chính trị xã hội, đưa ra học thuyết nổi tiếng là *chính sách hai giọt nước* (politique de deux gouttes d'eau) để làm cân bằng thế lực giữa hai phe tả - hữu.

Nghiên cứu thuyết "*nhu nhược thủy*" của Lão tử ta phải nắm bắt cho được ý nghĩa của nó theo tính thời đại. Đó không chỉ là nước của một cái ao tù mà là nước sông, nước biển, nước của đập thủy điện. . . tiềm ẩn thế năng rất lớn. Ví quân chúng nhân dân như nước cũng vậy. Trong một xã hội phát triển, bùng nổ thông tin toàn cầu, nhân dân không còn là những đám dân đen ít học, dễ áp đặt như xưa nữa. Đó là điều mà ta cần rút ra khi nghiên cứu câu nói này của Lão tử.

## 5. Trong cái không làm gì (vô vi)

### thai ghen cái làm lớn (đại tác vi)

聖人處無為之事行不言之教

*Phiên âm:*

**Thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.**

- Xử (chủ): ở, phân biệt sự việc.
- Vô vi (vô wei): không làm gì sai quy luật.
- Hành (xíng): đi theo, thi hành
- Bất ngôn (vô yán): không nói.
- Giáo (jiào.): dạy dỗ.
- Hành bất ngôn chi giáo. Viên Phổ chú là:  
"*Bất dĩ thanh sắc hựu bất trụ tướng nhi dĩ thân tác tác dã*"

不以聲色又不住相而以身作則也

Nghĩa là: không dựa vào thanh sắc cũng không dựa vào hình tượng mà lấy thân mình làm nguyên tắc dạy.

Suzuki gọi chương này là sự *tự giáo dưỡng* (self culture) và dịch:

*The holy man abides by non-assertion in his affairs and conveys by silence his instruction.*

Tác giả "Lão tử dịch văn" chú giải:

"Thánh nhân thi hành đích giáo hóa, thị siêu hồ nhất thiết ngôn ngữ chi ngoại đích giáo hóa".

聖人施行的教化是超乎一切言语之外的教化

Nghĩa là: sự giáo hóa mà thánh nhân thi hành là sự giáo hóa vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ.

*Dịch:*

Thánh nhân lấy "vô vi" (không làm việc gì trái quy luật của tạo hóa) để xử lý công việc, lấy "bất ngôn" (không nói) để dạy người đời.

*Bình:*

*Vi* là làm, là trị (*vi quốc* là trị nước) nhưng cũng có thể đọc là "*vi*" nghĩa là vì. Khái niệm "vô vi" của Lão tử không dễ gì mà nắm bắt đúng được. Vương Bật giải thích vô vi là "*Thuận tự nhiên dã*" (thuận quy luật tự nhiên) còn *vô bất vi* là *vô bất do vi* (không có cái gì không có nguyên nhân). Các học giả phương Tây như Legge, Suzuki, Goddard. . . đầu thế kỷ trước hiểu là không gắng sức, không khẳng định: *Not forcing thing* hay *Non - assertion*. Diệp Châu giải thích vô vi là lấy *cách vật* làm tiền đề để xử lý công việc.

Ông ví giống như ta đi đường gặp phải một hòn đá chắn ngang, nếu biết vắn nó đi là hữu vi, còn nếu không tiếp cận, không tác động lên nó là vô vi. Đây là cách hiểu dung tục và dùng khái niệm cách vật là không đúng vì cách vật là *lý giải tận cùng sự vật* chứ không phải là tránh. Phần lớn các nhà Lão học hiện nay hiểu vô vi là vô nhân vi, nghĩa là con người không nên chủ quan tác động lên tự nhiên, hòng cải tạo tự nhiên mà phải thuận theo quy luật tự nhiên. Những đạo gia tu luyện võ hay khí công xưa nay vẫn lấy ý niệm *nhu đạo, nội lực yếu* để thắng *ngoại lực mạnh*. Nhưng suy cho cùng nó chỉ là một khát vọng có khi là do tưởng tượng, như lực của *chưởng* trong sách kiếm hiệp vậy. Giá trị thực tiễn đó là sự hoạt động không gây nên xung lực quá lớn.

Nhưng trong cơ học cũng như trong sinh học, hoạt động có xung thì mới tạo nên sự kích thích cao độ, sự bứt phá, sáng tạo mới. Bởi vậy có thể nói, hoạt động với xung lực yếu chỉ thích hợp với một giai đoạn trong quá trình trưởng tiêu ví như trong đường đời, khi đã về già, để thời gian sống của con người dài thêm mà thôi. Bởi vì công (hay diện tích) do lúc tạo nên, nếu là một hằng số, thì xung (giá trị trên trục tung) càng cao thì thời gian (giá trị trên trục hoành) càng ngắn. Điều này lý giải vì sao có những hiện tượng thiên nhiên bị tàn phá (lũ lụt, sục đất . . .) hoặc sức khỏe con người về già hay bị đột quy. Đó là do người ta đã làm trái quy luật tự nhiên, làm mất cân bằng sinh thái, tạo nên những xung cộng hưởng tức thời gây nên.

## 6. Nắm và buông công việc ở đời

取天下者常以無事及其有事不足以取天下

*Phiên âm:*

**Thủ thiên hạ giả, thường dĩ vô sự. Cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ.**

*Chú giải:*

Đây là phần câu của chương 48 của Đạo đức kinh.

- Thủ (quả): lấy, được, cai trị.
- Thiên hạ (ian xia): quần chúng, đất nước.
- Thường (cháng): thông thường.
- Vô sự (wú shì): không có việc gì, nghĩa là vô vi.
- Hữu sự (yǒu shì): có việc, hữu vi.
- Túc (zú): đủ. Ở đây *bất túc* có nghĩa là không thái quá

*Dịch:*

Kẻ cầm quyền biết trị nước thường không cưỡng bức (vô vi) dân chúng. Còn như nhiều sự (hữu vi) thái quá thì sẽ không thể quản lý được đất nước.

*Bình:*

Xưa nay các học giả đều hiểu chữ *thủ* ở đây nghĩa là *trị* và *vô sự* là không làm việc trị nước một cách cưỡng bức hoặc không nhiều sự đối với nhân dân.

Viên Phô chú: *Vô vi giả đắc chi, hữu vi giả thất chi, giá thị thiên lý đích công đạo* (無 為 者 得 之 有 為 者 失 之 這 是 天 理 的 公 道). Nghĩa là theo vô vi thì được, theo hữu vi thì mất. Đó là đạo của trời.

Suzuki đặt chương này là "*vong tri*" (忘 知 : Forgetting Knowledge: quên hiểu biết) và dịch "*vô sự*" là no diplomacy tức là không cần tài ngoại giao, xử lý sự vụ:

*When he takes the empire, it is always because he uses no diplomacy. He who uses diplomacy is not fit to the the empire.*

Trang tử có nói: "*Thích lai, phu tử thời dã, thích khứ, phu tử thuận dã. An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng dân dã. . .*" (nghĩa là người hiểu biết khi thích hợp thì nắm lấy thời cơ, không thích hợp thì cũng phải thuận theo thời mà xử thuận, buồn vui không ép dân.) Lương Khải Siêu - nhà cải cách của Trung Quốc cũng nói: "*an thường xử thuận, dĩ vi xã hội nhất kiện toàn phân tử, dĩ từ từ phát đạt, nhân tận năng chi*" (xử lý sự việc thuận theo lẽ thường, dựa vào phân tử kiện toàn trong xã hội mà phát triển từ từ thì dân chúng đều gắng sức đi theo).

*Phân tử kiện toàn* ở đây có thể hiểu là phân tử trí thức (tầng lớp có tầm nhìn xa trông rộng trong xã hội), nghĩa là trước tiên ta phải nâng cao dân trí, mà không nên nóng vội cực đoan. Tư tưởng này của Lương Khải Siêu cũng như của nhà chí sĩ Phan Chu Trinh (Việt Nam) từng bị xem là cải lương. Nhưng xét thấy, đó chính là sự hành xử thuận theo quy luật phát triển tiệm tiến của vật chất. Bởi vì mặt trái, sự tác động xấu của chính trị, khoa học kỹ thuật, kinh tế v.v. . . lên xã hội bao giờ cũng bị chậm pha, như các đợt sóng lừng sau bão, động đất. Những sự kiện hủy hoại của cải xã hội cũng như tiêu cực ngày nay là kết quả của sai lầm 3, 4 chục năm về nước và sai lầm hiện nay sẽ tác động lên đời sống con cháu chúng ta nhiều năm về sau. Tóm lại, xử lý sự vụ gấp gáp là do thiếu tri thức, thiếu hiểu biết về dự báo và sẽ gây tổn thất khôn lường.

## **7. Không chiếm công lại là có công lớn**

萬物作焉而不辭生而不有為而不特功成而不居夫唯不居是以不去<sup>(\*)</sup>

(\*) Bản của Vương Bật đời Tấn viết là "phát" 弗

*Phiên âm:*

**Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi bất cư, phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ.**

*Chú giải:* Câu này trong chương 2 của Đạo đức kinh.

- Vạn vật (wan wu): muôn loài.

- Tác (zuo): làm, tác động.

- Từ (cí): chối bỏ. "*Bất từ*" bản "Lão tử dịch văn" viết là "*bất vi thủy*" (不為始 = không vì mở đầu)

- Thị (sát): cậy công.

- Cư (iu): Ở - Bất cư (bujū): không chiếm lấy một mình.

- Bất khứ (bu qù): không bỏ đi.

*Dịch:*

Đạo tác động nên muôn loài mà không hề từ nan, nó sinh ra nhưng không giữ cái gì, làm mà không kể công, xong rồi thì không ở lại. Nói rằng không ở lại, tức là không bỏ đi.

*Bình:*

Hầu hết những câu nói của Lão tử đều biểu hiện tính nghịch lý, phi logic ví dụ như câu "*bất cư thị bất khứ*" này, chúng mang một triết lý sâu sắc. Bởi thế mà Khổng tử từng khen, đại ý là: tư tưởng của Lão như rồng bay, lúc ẩn lúc hiện vậy.

Một trong những mệnh đề được Lão tử nhấn mạnh là "*công thành bất cư*", (việc thành rồi mà không giữ), "*vạn vật vi xô câu*" (muôn loài đều như con chó cồ). Nó toát lên cái ý là thế lực siêu nhiên tạo nên vạn vật rồi hủy bỏ chúng đi một cách vô tình. Thật vậy, ta xem trên ti vi cảnh bãi biển Phuket Thái lan thì rõ: người người đang bơi lội tung tăng trên bãi biển tươi vui, hạnh phúc xiết bao! Nhưng chỉ một đợt sóng thần, như những cái vòi khổng lồ của bạch tuộc liếm tới là xóa đi tất cả, hoang tàn chết chóc xảy ra ngay sau đó.

Quy luật tự nhiên thật khắc nghiệt, vô tư, vô tình.

Thuận với nó thì an bình tương đối, nghịch với nó thì phải trả giá cao gấp bội. Do vậy mà Lão tử mới nói "*bất cư thị dĩ bất khứ*" nghĩa là tạo hóa không ở nhưng mà không bỏ đi, không bỏ mặc cho loài người muốn làm gì thì làm. Con người cậy có bom đạn, súng ống thì cứ tàn phá hết cây cối chim muông đi, rồi xem!

Thời cách mạng văn hóa, người ta đã đuổi diệt hết chim sẻ, nên sau đó bị chuột, sâu bọ phá hoại mùa màng đến tan tành.

Sự sống trên quả đất tuân thủ theo một quy luật cạnh tranh sinh tồn nhưng lại tùy thuộc vào nhau, sống dựa vào nhau. Đó là quy luật *sinh - khắc, bất cư - bất khứ* của tự nhiên.

## 8. Quy luật vơi đầy

夫唯不盈故能蔽而新成

*Phiên âm:*

**Phù duy bất doanh, cố năng tế nhi tân thành.**

*Chú giải:*

- Doanh (yíng): đầy
- Tế (bì): che, chứa.

*Dịch:*

Do không đầy (vơi) nên mới có thể che chở tạo nên cái mới.

*Bình:*

Đây là một khái niệm rất vĩ đại trong tư duy của Lão.

Ông từng nói đại ý: công dụng của cái bình chính là do nó rỗng. Bởi vậy có thể nói, thuyết của ông là học thuyết về trạng thái *Rỗng*, *Vơi*, là khái niệm chuyên hóa. Có *vơi* mới có *đầy* và ngược lại *đầy* thì phải xả bớt cho *vơi* đi. Sự vật ở trạng thái đầy là tận cùng, là sắp hủy diệt. Ta gọi chủ nghĩa kinh nghiệm, bảo thủ tự mãn (tự cho mình đầy) là sự kìm hãm xã hội phát triển là vì thế.

Trong thời đại kinh tế tri thức, quan điểm này mang một ý nghĩa hoàn toàn mới. Theo nghiên cứu, kiến thức của nhân loại cứ năm năm lại tăng lên gấp đôi, nhưng bộ óc con người là hữu hạn. Nó chỉ có gần 30 tỷ neuron và được con người sử dụng với hiệu suất cỡ 1 đến 2 %. Bộ óc vĩ đại như Bismark, Einstein cũng chỉ huy động được dưới 10%. Tại sao vậy ? Bởi vì tế bào não trong suốt cuộc đời không phân chia, chỉ thoái hóa đi. Chúng mang thông tin và xử lý thông tin như những hạt điện tử trên băng hình, nhưng lại để lại nếp nhăn vết xước, không dễ xóa. Bởi vậy muốn cho nó nhận được thông tin mới, dành cho nó những khoảng trống chưa ghi, phải nén lại, nghĩa là phải làm rỗng bộ óc. Quá trình học tập là nạp vào bộ nhớ những thông tin của nhân loại đã tích lũy hàng nghìn năm, để giúp cho tư duy logic xử lý, tạo nên những thông tin mới, ý tưởng mới, sáng tạo mới. Giữa nhớ và sáng tạo có quan hệ tỷ lệ nghịch, nên yêu cầu của thời đại mới, con người phải nhớ ít, sáng tạo nhiều.

Thật là một nghịch lý. May mắn thay, loài người đã có những bộ óc điện tử ngày một tinh xảo hơn, đó là computer, có khả năng dung nạp, nhớ, xử lý logic (không sáng tạo) hàng chục tỷ phép tính trong một giây. Tương lai còn mạnh hơn nữa, thay thế phần lớn nhiệm vụ nhớ của óc con người, dành khoảng trống cho nó phát triển tư duy phi logic, sáng tạo cao hơn nữa. Nghĩa là trong tương lai con người ngày càng phải vệ sinh, dọn dẹp bộ óc thường xuyên, tránh tư duy lối mòn, kinh nghiệm, bảo thủ để có thể sống còn và phát triển không ngừng. Cuộc chạy đua giữa các cộng đồng người trong thời đại mới chính là ở chỗ này, nhất là khi tài nguyên thiên nhiên trên hành tinh ngày càng bị cạn kiệt, chỉ còn bộ óc con người là chưa khai thác hết mà thôi. Vì thế ta có thể nói: chủ nghĩa kinh nghiệm, bảo thủ đã, đang và sẽ trở thành kẻ thù số một, cản trở sự phát triển của nhân loại vậy.

## 9. Giữ cho lòng trống rỗng.

聖人之治：虛其心實其腹弱其志強其骨。常使人無知無欲，使夫智者不敢為也。

Phiên âm:

**Thánh nhân chi trị: hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử nhân vô tri vô dục, sử phu trí giả bất cảm vi dã.**

*Chú giải:*

Phần câu này ở chương 3 của Đạo đức kinh.

- Hư kỳ tâm (xu qí xīn): làm cho lòng trống rỗng.
- Thực (shí): chắc, đầy.
- Phúc (fù): bụng,
- Nhược (ruò): yếu
- Chí (zhì): ý chí
- Cường (qiáng): mạnh
- Cốt (gǔ): xương
- Vô tri (wú zhì): không biết.
- Vô dục (wú yù): không ham muốn.
- Trí giả: người thông minh.

*Dịch:*

Đạo của thánh nhân là: làm cho cái tâm rỗng, cái bụng người ta thì đầy, chí mềm, xương rắn. Khiến cho con người không biết, không ham muốn, khiến cho kẻ hiểu biết không dám làm.

*Bình:*

Đây là một câu rất khó truy nguyên ý của Lão tử, bởi vì vỏ ngoài ngữ nghĩa của nó là chính sách ngu dân. *Vô tư vô dục* được Vương Bật chú là "thủ kỳ chân" (nghĩa là giữ cái chân thực), còn câu "*hư kỳ tâm, thực kỳ phúc*" ông chú là: "Tâm hoài trí nhi phúc hoài thực, hư hữu trí nhi thực vô tri dã" tức là tâm thì mong kiến thức, mà bụng thì mong cơm nên làm rỗng cái có (trí thức) mà đầy cái không (vô tri) vậy.

Suzuki dịch là "*...empties the people's hearts but fills their stomachs*", nghĩa là: làm rỗng con tim nhưng làm đầy dạ dày của người ta.

*Lão tử dịch văn* chú giải là: làm cho dân luôn luôn ở trạng thái không cầu hiểu biết, không ham muốn thì khiến cho bọn bán trí khôn cũng không làm dối được.

人人们常常处于不求知无所欲的状态那么即使有卖弄智慧的人也不能胡作非为了

Phái Nhô Mặc đều chủ trương trọng hiền, đề cử nhân tài, còn Lão tử ngược lại, cho rằng dân có trí thức sẽ dẫn đến hám lợi, là đầu mối của loạn. Tức là ông chủ trương dân chúng chỉ cần *ăn no vác nặng* là được!

Người ta giữ cho lòng mình rỗng, ít tạp niệm là đúng, vì tâm trí loạn thì hành động dễ sai lầm. Vì vậy hư kỳ tâm của Lão tử là giữ cho lòng mình không tham dục còn thực kỳ phúc là làm bụng người no ấm, vì thế mà không tranh giành. Trang tử có nói: "*thủy tĩnh do minh, hà hướng tinh thần*" nghĩa là làm cho tinh thần sáng như nước trong tĩnh lặng.

Trong chương này, điều đáng bàn là ở câu "*Bất thương hiền sử dân bất tranh*" và "*Sử dân vô tri vô dục*". Chính sách của "bậc thánh nhân" (người cầm quyền) mà không sử dụng người tài, xem nhẹ mở mang dân trí để dân khỏi tranh giành nhau hoặc khiến cho cuộc sống tinh thần của dân chúng giản đơn, nghèo nàn đi, chỉ chú trọng đến cái bụng, tức là kìm hãm tri thức, thi hành chính sách ngu dân, hạn chế nhu cầu hiểu biết của con người, là ngược với nhu cầu thời đại văn minh. Thời đại ngày nay là xã hội kinh tế tri thức, xã hội tiêu dùng, có xu hướng toàn cầu hóa. Nhu cầu ăn uống giảm xuống một cách tương đối, nhu cầu sản phẩm văn hóa ngày càng tăng lên. Nhưng nếu như không có tri thức hướng dẫn, không có cái đầu của chính mình phân biệt trắng đen thì phần lớn sẽ sa vào vòng văn hóa đồi trụy. Do vậy, không thể chủ trương như Lão tử được. Nó sẽ làm cho cuộc sống tinh thần của xã hội thấp kém đi, dẫn tới càng suy đồi về đạo đức, người với người ít thương yêu nhau hơn, đối xử với thiên nhiên càng thêm tàn bạo. Mọi tệ nạn từ đó sẽ phát sinh không kiểm soát được và loài người sẽ đứng trước nguy cơ bị diệt vong nhanh chóng.

Học thuyết của Lão tử tán dương cuộc sống thuần phác là vì ông chỉ thấy mặt trái của cuộc sống văn minh.

Cũng giống như ngày nay nhiều nhà khoa học phản đối công nghiệp hóa, điện hạt nhân, phát triển các giống lai v.v.. cò súng mọi người trở lại với phương thức canh tác xưa. Họ không thấy bài toán nan giải về sức ép dân số, nhu cầu năng lượng gia tăng, cân bằng thiên nhiên với năng suất cây trồng, vật nuôi đang đặt ra ngày càng cấp bách trước nhân loại. Trong xã hội loài người, cũng như các giống loài khác, ưu thế trội chỉ chiếm khoảng 1/1000. Đó là sự cạnh tranh sinh tồn, phát triển. Chủ trương đánh đồng, "*dại bầy hơn khôn một*", coi thường trí thức, khoa học tiên bộ . . . là xu hướng tệ hại của kẻ cầm quyền, nhuộm màu sắc nông dân của xã hội phong kiến phương Đông.

Đây là một nhầm lẫn của bộ óc triết gia lớn như Lão tử. Câu này cũng giống như câu "*Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi*" (dân có thể khiến theo cái lý đương nhiên phải làm mà không thể khiến cho họ hiểu biết vì sao phải làm) của Khổng tử. Quan niệm này đã kéo dài và ngự trị trong đầu các chính trị gia Trung Quốc và các nước phương Đông theo Nho - Lão đến mãi thời Tôn Dật Tiên và Mao Trạch Đông.

Xã hội mở ưu việt hơn xã hội đóng bởi vì nó đòi hỏi con người tự xử lý, chọn lọc thông tin theo mô hình *tự động điều chỉnh* tức là cần có *tri thức* và không bị *áp đặt*.

## 10. Được mất chỉ một tiếng cười mà thôi

名與身<sup>(1)</sup>孰親<sup>(2)</sup>? 身與貨孰多? 得與亡孰病? 甚愛(愛)必大費多藏必厚亡. 故知足不辱知止不殆可以長久.

*Phiên âm:*

**Danh dữ thân thực thân? Thân dữ hóa thực đa? Đắc dữ vô (vong) thực bệnh? Thậm ái tất đại phí, đa tàng tất hậu vô. Cố tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu.**

*Chú Giải:*

- Thân (shen)<sup>(1)</sup>: thân mình.
- Thực (shú): ai, cái nào.
- Thân (qin)<sup>(2)</sup>: gần, thân thiết.
- Hóa (huo): đồ vật, hàng hóa.
- Bệnh (bìng): bệnh, ở đây nghĩa là xấu.

- Thâm ái (shên ài): yêu quá mức.
- Phí (fèi): mất mát.
- Tàng (cáng): cất giấu.
- Hậu (hòu): dày.
- Vô (wú) (hoặc vọng): mất, không.
- Nhục (rủ): xấu hổ.
- Tri túc (zhi zú): biết thế nào là đủ.
- Tri chỉ (zhi zhǐ): biết dừng.
- Đãi (dài): nguy hiểm, sợ.
- Trường cửu (cháng jiǔ): dài lâu.

### Dịch:

Tên và thân mình, cái gì thân thiết hơn? Được và mất cái gì xấu hơn? Đam mê quá thì thiệt lớn, cất giấu nhiều tất mất mát nhiều. Vậy nên, biết thế nào là đủ thì không nhục, biết dừng ở đâu sẽ không sợ. Như thế mới có thể dài lâu được. Trên đường đời ai mà chẳng được mất? Cần phải xem đó là chuyện bình thường, là quy luật cân bằng, là phúc trong họa, họa trong phúc, không nên quá ưu tư hay mừng vội. Bởi vì tất cả đều từ cát bụi rồi lại trở về với cát bụi.

Chuyện đời chỉ là một giấc mơ, một trò đùa của tạo hóa, như cách ví của Trang tử mà thôi.

Khi nhìn cảnh thành Thăng Long đổ nát, Bà Huyện Thanh Quan đã hạ những câu thơ đầy triết lý:

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường,

Đền nay thâm thoát mấy tình sương.

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương!

Vua chúa với cuộc sống trên nhung lụa có sướng hơn chú mục đồng ngồi trên lưng trâu, giữa đồng quê gió mát hay không?

Ở Trung Quốc có chuyện Thạch Sùng. Lão ta vốn là thọt công thần đời Tây Tấn dẫm ra sức vơ vét của cải nhân dân để làm giàu. Lão ngấm ganh đua với vua. Đồ đạc trong nhà làm toàn bằng vàng bạc. Thấy vua trải bốn mươi dặm đường bằng lụa tía, thì Thạch Sùng liền trải 50 dặm đường bằng gấm. Vua được tin, bảo với Thạch Sùng rằng: nếu như ta tìm thấy trong nhà người có vật gì không phải bằng vàng bạc hoặc ngọc thì ta sẽ tịch biên hết tài sản của nhà người. Thạch Sùng yên chí cười ha hả... Nhưng cuối cùng quân lính cũng tìm ra được một cái nõ (ống lọc nước mắm) là làm bằng tre. Do đó toàn bộ gia sản bị mất.

Thạch Sùng uất quá mà chết, biến thành con thạch sùng (thằn lằn), suốt ngày lẩn trốn trên xà nhà mà kêu: "tiếc, tiếc". Đó là chuyện dân gian được hư cấu thêm, nhưng có tác dụng răn đe nhất định.

Hòa Thân hoạn quan đời vua Càn Long, chắc ai cũng biết qua phim "Tể tướng Lư gù". Ông ta không chỉ nổi tiếng tham nhũng ở Trung Quốc mà theo Hoàng Lê nhất thống chí thì sau khi đánh tan 50 vạn quân Thanh, Quang Trung vẫn phải cho người sang hối lộ để ông ta khuyên Càn Long không cất quân lần thứ hai, cho nước ta được đỡ nạn binh đao! Khi kiểm kê gia sản, của cải ông ta lớn hơn cả ngân khố triều đình Càn Long, nhưng cũng không thoát được cái chết thảm trong ngục.

Do đó ở đời, chúng ta cần phải có một cái nhìn biện chứng về *Đẹp - Xấu, Phúc - Họa, Được - Mất* như Lão tử nói thì tâm hồn ta mới có thể thanh thản được.

*Tri túc tri chỉ* là câu nói đầu cửa miệng của các đạo gia, nho gia trước kia cho đến kẻ có chức có quyền hiện nay, nhưng mấy ai thực hiện được?

Lão tử còn một câu nói nổi tiếng khác là: "*Ngũ thập viết lão, thân thoái, thiên chi đạo*" (nghĩa là: Năm mươi tuổi gọi là già, thoái lui là cái đạo của trời). Ngày nay, tuổi thọ gia tăng thì đến sáu mươi, ta cũng nên biết thoái lui, nhường chỗ cho lớp trẻ. Nhưng tiếc thay, hầu hết mọi người, nhất là kẻ có quyền lực, đến khi cuộc đời tuột dốc hoặc bị sức khỏe phủ định thì mới tỉnh ngộ. Đó là loại người không biết quy luật, không có trí tuệ vậy.

## 11. Có thể và không có thể.

# 為 無 為 則 無 不 治

*Phiên âm:*

**Vi vô vi, tắc vô bất trị.**

*Chú Giải:*

Đây là phần câu chương 3 của Đạo đức kinh.

- Vô vi (wú wei): không làm gì trái quy luật, không gắng sức quá.
- Trị (zhì): yên bình, ổn định.

*Dịch:*

Làm việc mà không trái quy luật (quá gắng sức) thì không có cái gì là không ổn định.

*Bình:*

Viên Phò chú: *Bách tính đắc thánh nhân chi giáo hóa cá cá hành vô vi chi diệu đức tắc thiên hạ chí hĩ.*

百 姓 得 聖 人 之 教 化, 個 個 行 無 為 之 妙 德 則 天 下  
至 矣.

Nghĩa là, dân chúng được sự giáo hóa của thánh nhân, mọi người hành động theo đạo vô vi thì thiên hạ đạt tới sự hoàn thiện cực điểm.

Suzuki dịch: Then he acts with non-assertion there is nothing ungoverned.

(Khi thánh nhân thì hành sự khoan dung thì không có gì không quản lý được).

Lão tử cho rằng mọi hành vi lời nói, lễ nghi của người đời, nhất là bọn vua chúa đều là sự giả trá, nguy trang, giả dối. Ông cho rằng: "*trí tuệ xuất, hữu đại nguy*" (trí tuệ xuất hiện là có sự giả dối lớn). Đây là một cách nhìn cực đoan, tuy nhiên không phải không có căn cứ. Nếu như ta đi sâu phân tích động cơ, cử chỉ bố thí thường ngày của bọn nhà giàu, kẻ cầm quyền thiếu lương tâm thì có thể thấy phần lớn họ đều làm với động cơ vị kỷ, như để cầu phúc, lấy tiếng, để giảm thuế thu nhập cá nhân hoặc tập đoàn của mình. Những khoản tiền đó của họ đều do buôn gian bán lận, ăn cắp, ma túy, tham nhũng mà có!

Bởi vậy Lão tử chủ trương *vô vi* còn có thể hiểu là *vật nguy* nghĩa là đừng có giả trá. Nhưng thật- giả (chân- nguy) là hai mặt đối lập, tồn tại cùng với tâm thức con người, nhất là con người thời đại "văn minh", có trí tuệ cao. Còn người bộ tộc thiếu số thì ít giả trá hơn. Nhưng cũng không phải vì thế mà ta đồng ý với chủ trương trở lại xã hội sơ khai của loài người như Lão tử được.

## 12. Biết người không bằng biết mình.

知 不 知, 尚; 不 知 知, 病 也. 聖 人 不 病, 以 其 病 病. 夫 睢  
病 病, 是 以 不 病

*Phiên âm:*

**Tri bất tri, thượng, Bất tri tri, bệnh dã. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh...**

*Chú Giải:*

- Thượng (尚 Shang): trên, hơn.

Bản Đạo đức kinh của Vương Bật viết là 上

- Kỳ (qí): đại từ thay thế danh từ (thánh nhân) trước đó.
- Bệnh (tùng): sai, tật xấu, nhục.

*Dịch:*

Biết cái tốt là tốt. Không biết cái tốt là xấu. Thánh nhân không sai lầm, bởi vì biết lo mình có sai lầm. Lo cái sai là để không sai vậy.

*Bình:*

Lão tử cho rằng biết cái chưa biết của mình là tỏ rõ sự sáng suốt của mình. Khổng tử cũng có câu tương tự: "*Bất tri chi viết bất tri, thị tri dã*" (không biết nói không biết, chính là biết vậy). Dân gian ta có câu: "biết thì thừa thốt, không biết dựa cột mà nghe". Đó là thái độ của những người biết tiếp thu, học hỏi. Câu này của Lão tử rất khó hiểu ở mấy chữ "*Tri bất tri bất tri tri*" và chữ "*bệnh*". Độc giả có thể hiểu tùy theo cách ngắt câu khác nhau.

Dwight Goddard (1919) dịch thoát ý câu này như sau :

*The wise man is wise because he understand his ignorance and grieved over it* (thánh nhân sở dĩ là thánh bởi vì họ biết cái không biết của mình và đau khổ về nó).

Biết người không dễ, tự biết mình rất khó. Biết và tự chỉ trích càng khó gấp bội. Tô Thức (tức Tô Đông Pha 1037-1101 ) danh sĩ đời Tống có bài thơ nổi tiếng như sau:

*Hoành khán thành lĩnh trắc thành phong,  
Viễn cận cao đê các bất đồng.  
Bất thức Lư sơn chân diện mục,  
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.*

橫 看 成 嶺 側 成 峰,  
遠 近 高 低 各 不 同.  
不 識 廬 山 真 面 目,  
只 緣 身 在 此 山 中.

(Nghĩa là: núi Lư nhìn ngang là ngọn, nhìn nghiêng thành, đỉnh cao chót vót. Gần xa, cao thấp khác nhau, ta không biết bộ mặt thật của nó, là vì thân ta ở trong núi vậy).

Tục ngữ Trung Quốc có câu: "*Bàng quan giả thanh, đương sự giả mê*" (kẻ ở ngoài thì rõ, kẻ ở trong thì mê muội), "*Phá sơn trung tắc dị, phá tâm trung tắc nan*" (đánh địch trong núi dễ, đánh địch trong lòng khó). Lỗ Tấn từng nói: " Tôi có lúc phân tích người khác, nhưng thường xuyên phải nghiêm túc mổ xẻ bản thân mình ", chính là vị như trên đã nói, lời và hành động của con người, kể cả "thánh nhân" phần lớn đều giả trá. Họ che giấu người xung quanh được càng nhiều càng tốt. Bởi vậy, phương thuốc trị bệnh dối trá trong xã hội là cần phải có cơ chế mở, tức là công khai minh bạch (Transparency = thấu minh, trong suốt, công khai) nhờ hệ thống tranh luận trên báo chí, kiểm tra chéo, niêm yết minh bạch của cải tài sản trên các hệ thống tài chính ngân hàng, thị trường chứng khoán v.v. . . Đó là thước đo đời sống chính trị, kinh tế của xã hội dân sự hiện đại.

## 13. Không làm việc quá độ

道 冲 而 用 之, 或 不 盈

*Phiên âm:*

**Đạo xung nhi dụng chi, hoặc bất doanh.**

*Chú Giải:*

- Xung (chong): nạp, súc tích, dồn vào.
- Dụng (yòng) : dùng.
- Hoặc (hùo): ngờ, hoặc là.
- Doanh (yíng): đầy tràn.

Câu này còn phân sau là "*... uyên hê tự vạn vật chi tông*" nghĩa là sâu thẳm như cội nguồn của vạn vật.)

*Dịch:*

Đạo được nạp, mà cứ như không bao giờ tràn đầy (nó uyên sâu như cội nguồn của vạn vật vậy).

*Bình:*

Viên Phổ hiểu "xung" ngược với "doanh" nên viết là 盅 (đọc là trung) tức là làm trống rỗng (虛化). Ông cho rằng viết "xung" (𡗗) nghĩa là nạp mà giải nghĩa trống rỗng (hư), là sai từ chương.

Suzuki dịch: *Đạo thì trống rỗng nhưng dùng không cạn* (Reason is empty, but its use is inexhaustible). Ở đây ta gặp lại khái niệm Hư kỳ tâm của Lão tử. Nó có nhiều tầng ngữ nghĩa:

- Đề cho lòng trống rỗng, ít tạp niệm thanh thản để nhận ra cái lý của cuộc đời.
- Đề cho trong đầu còn chỗ mà dung nạp thông tin, tiếp thu cái mới.

Trang tử người kế tục phát huy học thuyết Vô vi của Lão tử cũng có câu:

"*Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tùy vô nhai dĩ dĩ hĩ*" (nghĩa là cuộc đời ta có bên mà sự hiểu biết thì vô bờ. Đề cái hữu hạn tùy thuộc vào cái vô hạn là đáng sợ). Như vậy, có người (như Viên Phô) cho rằng ở đây chữ *xung* như *trung* nghĩa là cái chén rỗng. Nhưng xét ra hiểu xung là nạp đã đủ. Có vơi mới nạp. Người ta không biết vơi (nhận mình còn khiêm khuyết) mà luôn luôn tự mãn (cho mình đầy) thì còn học được cái gì nữa?

Cao Bá Quát từng có câu: " thiên hạ có ba bồ chữ, ta giữ hai. Anh ta (Cao Bá Đạt) và bạn ta (Nguyễn Siêu) giữ nửa bồ. Còn nửa bồ phân phát cho thiên hạ". Nó cũng giống như câu thơ khác của ông:

Ngán cho cái mũi vô duyên,  
Câu thơ thi xã [5] con thuyền Nghệ An.[6]  
Đó là câu nói bất mãn với đời, thậm xưng, ngậm chề văn tài và thơ thù tạc của giai cấp quý tộc.  
Nhưng ông vua hay chữ - Tự Đức thì đánh giá rất công bằng:  
*Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán, Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường.*  
(Văn của Cao Bá Quát và Nguyễn Siêu thì Tiền Hán không thể so sánh được. Thơ của Tùng Thiệu Vương và Tuy Lý Vương thì đến thơ thịnh Đường cũng phải thua). Tiếc thay, ông lại quá kiêu căng!

## 14. Làm cho dao bớt sắc

挫其銳, 解其紛

*Phiên âm:*

**Tỏa kỳ duệ, giải kỳ phân.**

*Chú Giải:*

- Tỏa (cùo): dũa, mài bớt.
- Duệ (rùi): nhọn
- Giải (jie): gỡ.
- Phân (fen): rối k
- Kỳ (qí): đại từ, chỉ *Đạo*

*Dịch:*

Mài bớt nhọn, gỡ bớt rối, đó là nguyên lý của Đạo.

*Bình:*

Trong Đạo đức kinh, ba đoạn trích ở trên là một mạch câu thuộc chương 4. Lão tử bàn về *thể* và *dụng* của học thuyết *vô vi* của ông.

Viên Phổ giải thích: "*Duệ vi nhân tâm trung tự tư tự đại chi phản thường hành vi, cố yếu suy trị nhân chi tiêm duệ. Giải kỳ nhân tâm trung đích phân loạn*" (*tâm vô phân loạn tất thị lý trí*) (銳為人心自私自大之反常行為, 故要揣治人之尖銳. 解其人心中的紛亂 (心無紛亂必是理)).

Nghĩa là: Cái nhọn là hành vi phản thường tự cao tự đại trong nhân tâm, cần phải mài bớt nhọn, gỡ bớt rối trong lòng người (tâm không rối tất thị là có lý trí vậy).

Suzuki dịch: "*It will blunt its own sharpness, will its tangles adjust; It will dim its own radiance. And be one with its dust*". Dao sắc dễ đứt tay, tài quá dễ chủ quan, đẹp quá người đời dễ ghen ghét. đó cũng là thuyết tài mệnh tương đo:

Mở đầu Truyện Kiều, đại thi hào Nguyễn Du viết:

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

*Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Và toàn bộ 3255 câu thơ lục bát độ, ông đã chứng minh rằng: cuộc đời bất hạnh 15 năm trôi dạt của Thúy Kiều là do cô xinh đẹp quá, sắc sảo quá gây nên! Trong xã hội loài người có phân chia giai cấp, phân hóa giàu nghèo, giả trá... ắt có sự bất công.

Những nhà cách mạng chủ trương đấu tranh triệt để, loại bỏ giai cấp để xóa bóc lột.

Kẻ tiêu cực thì chủ trương thủ tiêu đầu tranh, tu hành, xuất thế, quan điểm khác là trung dung, đứng giữa mà người ta quen gọi là cải lương. Nhưng thực chất đây là quan điểm cân bằng, dung hòa, không thái quá. Lão tử gọi đó là "*mài bất nhon, gờ bất rới để hòa đồng*". Có lẽ trong thế kỷ tới quan điểm bất tranh, bất bạo động là thích hợp với điều kiện thế giới đã trở nên chật hẹp quá rồi.

## 15. Người biết nói không biết rộng

### Người biết rộng nói không biết

知者不博, 博者不知

*Phiên âm:*

**Tri giả bất bác, bác giả bất tri.**

*Chú Giải:*

- Bác (bó): rộng, học rộng, uyên bác, bác học.

*Dịch:*

Người thông thái không tỏ ra là mình biết rộng. Kẻ biết rộng không tự cho mình cái gì cũng biết.

*Bình:*

Chữ "bác" có nhiều nghĩa tưởng như mâu thuẫn nhau.

Thứ nhất là rộng, thông suốt như uyên bác, bác học. Thứ hai là cờ bạc và cuối cùng là chuốc lấy như *đĩ bác nhất tiếu* (chuốc lấy một tiếng cười).

Tự kiêu là thói xấu nhất của người đời. Loại người này ta thường liệt vào hạng là *mục hạ vô nhân*, nghĩa là dưới con mắt mình không có ai, coi thường hết tất cả. Ta từng nghe nói trong kinh Phật cũng có câu: "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*" (trên trời dưới đất chỉ có mình ta là đáng chí tôn).

Không rõ đây có phải lời của Phật khi đã *ngộ*, hay đây là câu của người đời sau thêm thật vào?

Vì quá kiêu căng mất cảnh giác mà Quan Vân Trường thua ở trận Kinh Châu, phải chết không toàn thân trước quân Ngô.

Tự mãn, cho mình đầy đủ kiến thức nên mới sinh ra tự kiêu. Vậy người ta làm thế nào để luôn luôn cảm thấy mình còn nhiều chỗ hổng? Ấy là phải gạt mọi kiến thức kinh nghiệm, phải đọc và học không ngừng. Dù tuổi tác đã cao cũng không ngừng cố gắng tiếp thu cái mới. Học trong trường đời, trên sách vở. Trẻ phải học là dễ hiểu. Nhưng người già, dù đã trên 70 tuổi, vẫn nên học. Học và quên để cho đầu óc chậm lão hóa, học những cái mà cháu chắt mình đang học, để gần và hiểu chúng hơn.

Georges Sand - nữ văn hào Pháp có câu: *Un livre a été pour moi un ami, un conseiller, un consolateur éloquent et calme* (Một quyển sách đối với tôi luôn luôn là một người bạn, một kẻ khuyên răn, một người an ủi hùng hồn và trầm lặng). Câu này có lẽ là một trong vài câu châm ngôn xử thế trọn đời của ta vậy.

Mặt khác, giai cấp thống trị cũng đã lợi dụng phương châm "*mài bất sắc*" để kìm hãm nhân tài. Trường hợp Nguyễn Công Trứ là một ví dụ. Ông đã từng đánh đông dẹp bắc, giữ vững ổn định cho

triều đình nhà Nguyễn. Nhưng có lần ông đã bị cách tuột hết chức tước xuống làm anh lính chạy hiệu. Chuyện kể rằng, có lần ông giết chó mời các quan ăn cơm. Các quan đến tề tựu. Ông giờ tay nói :  
- Các bác cứ tự nhiên, toạ là chó cả đây mà!  
Biết bị chửi khéo nên nhiều quan tím cả mặt.  
Khi về trí sĩ, ông thường đốt đuốc đi giữa ban ngày.  
Ai hỏi, ông bảo:  
- Tôi đi tìm con người ?  
Có lần ông cưỡi bò đi chơi. Ông buộc một cái mo nang vào đuôi bò. Nhiều người tò mò hỏi. Ông đáp:  
- Tui che miệng thế gian đó mại. Bởi vậy trong những trường hợp như trên, ta lại phải thông cảm với cái kiêu ngông, vì họ bị đời vùi dập.

## 16. Hòa cùng ánh sáng và cát bụi.

和 其 光, 同 其 塵, 湛 兮 似 或 存

*Phiên âm :*

**Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần, tràm hề tự hoặc tồn.**

*Chú giải:*

Đây vẫn là phần câu trong chương 4 của Đạo đức kinh.

- Hòa (hé): trộn lẫn.
- Quang (guang): ánh sáng.
- Đồng (tóng): cùng
- Trần (chén): bụi
- Tràm (zhan): sâu, trong suốt.
- Tự ( si ) : tựa như
- Hoặc (hùo): nghi ngờ. Bản in của Goddard viết là *nhược* nghĩa là *như*.
- Tồn (cún): còn

*Dịch:*

Hòa mình cùng với ánh sáng và cát bụi, tới chỗ sâu thẳm nhưng vẫn còn có Đạo.

*Bình:*

Viên Phổ chú: "*Dung hợp nhất thiết quang sinh (thị pháp bình đẳng). Bất khí nhân đồng ư trần tục (nhất thể động nhiên). Đại đạo tràm tịch, vô thanh vô xú hảo tượng hữu cá sinh sinh hóa hóa đích căn bản tồn tại "*

(融合一切光明(是法平等)不棄人同於塵俗(一體同然).大道湛寂,無聲無臭,好像有個生生化化的根本存在.

Nghĩa là: hòa với mọi ánh sáng (tức là theo sự bình đẳng). Không loại trừ con người sống trong trần tục (hòa với tự nhiên). Đạo lớn rất tĩnh lặng, không tiếng không mùi hôi, giống như sự tồn tại căn bản của sự sống và cái chết.

Ánh sáng là sóng, hay nói cách khác là dạng phát huy hấp phụ màu sắc, là "tinh thần" của vật chất, nhưng không phải vật chất nào cũng có thể phát huy ánh sáng. Còn cát bụi là vật chất, là sự sống đã lui tàn, tiêu vong. Dưới con mắt của Lão tử, vua chúa với bao nghi trượng rồi cũng như con chó cỏ, mang áo mũ đỏ nhung rồi sẽ bị vứt ra đường cho người đời đạp lên mà thôi. Ông xem buổi rạng đông cũng như cảnh chiều tà. Vinh quang rực rỡ cũng như đen tối lắm than, nên mới chủ trương con người phải hòa đồng cùng ánh sáng và cát bụi, xem cuộc sống là đang chết, tồn tại cũng như không tồn tại. Thái độ đó khác với tư tưởng yếm thế. Yếm thế là trải qua thất bại trong đời mới sinh ra ghét đời, còn đây là xem sự vật từ *cát bụi lại trở về với cát bụi*, là quy luật tự nhiên.

Vì vậy, con người không nên sống buông thả, cũng không tham quyền cố vị, nhưng phải biết tự do tự tại, không ước thúc câu nệ với mình cũng như với người khác.

Bởi đời là sự ràng buộc bởi sự giả trá. Không nên vênh váo với phú quý giàu sang, cũng không nên buồn tủi vì nghèo hèn, không quy cho số phận mà phải biết san sẻ với những mảnh đời bất hạnh.

Cụ ôn Như Hầu từng có câu:

"Con quay búng sẵn có trên trời,  
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm."

Nguyễn Du khi sắp mất bảo người nhà sờ xem chân, đã lạnh chưa. Khi người nhà bảo là "đã". Ông bảo: "được!" Thế rồi ông cứ thế nằm yên cho tới lúc tắt hơi không một lời trần trối, bình thản như đi vào giấc ngủ.

Các bậc thánh nhân khi sống thường giúp ích cho đời nhưng không kể công lao. Chết không tiếc nuôi. Suy cho cùng họ chỉ vì cuộc sống của người lao khổ mà thôi.

Mấy nghìn năm trước, Lão tử đã từng chủ trương: "*tồn kỳ dư, bổ bất túc*" (lấy cái thừa của người, bù cho kẻ thiếu) hoặc "*hòa kỳ quang, đồng kỳ trần*" đó chính là nguyên tắc giống như đánh thuế thu nhập cao, để giúp đỡ người nghèo của xã hội văn minh ngày nay.

Ở trên đời, kẻ quyền cao chức trọng nếu chỉ biết lo làm giàu cho cá nhân, gia đình mình, không hiểu nổi nguyên lý sẻ chia sơ giản đó thì chẳng khác gì anh hề múa may với cái bóng, trước ngọn đèn vậy. Thật đáng xấu hổ thay.

## 17. Im lặng là vàng.

多言数穷,不如守中

*Phiên âm:*

**Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu của chương 5 Đạo đức kinh.

- Đa (duo): nhiều.
- Ngôn (yán): lời, lời nói.
- Số (shù): nhiều, bao nhiêu, nhiều điều phiền.
- Cùng: (cóng) cùng tận.
- Bất như (bù rú): không như là.

- Thủ (shủ): giữ.

*Dịch:*

Nói nhiều cũng không hết lý (của Đạo), không bằng giữ lại ở trong lòng.

*Bình:*

Nguyễn Duy Cần chú giải: *Đa ngôn số cùng tức là nói bao nhiêu cũng không hết cái công dụng vô tận, cái hư không của Đạo.*

Viên Phồ chú giải: *Nói tới không cùng có tác dụng gì? Không bằng giữ lấy lý vốn có của đạo trời đất.*

說得那麼徹底有什麼用呢？不如守著天地間本有中道就是了。

*"Lão tử dịch văn" chú là: nói nhiều thì có sai do từ không đạt ý, chỉ bằng ngừng đúng lúc là tốt nhất.*

(活多有失, 辞不达意, 还是适可而止为妙)

Trong đời xử ở đời, thường ta không cần nhiều lời, chỉ bằng vài cử chỉ đồng tình hay phản đối, mà có thể làm cho người đối diện với mình thông cảm hoặc phải suy nghĩ.

Nhà triết học người Áo Ludwig Wittgenstein (1889 - 1951) từng nói : *"Phàm những điều có thể nói thì nói cho hết; những điều không thể nói thì phải ngậm miệng lại "*.

Trong lời tựa truyện *"Cổ đại"*, Lỗ Tấn viết:

*"Khi trầm tư ta cảm thấy chắc đây; khi sắp mở miệng ra thì đồng thời ta cảm thấy trống rỗng. "*

(富我沉默的時候, 我覺得充實, 我將開口, 同時感到空虛)

Châm ngôn Pháp có câu: *Tournez sept fois la langue avant de parler.* (Hãy uốn lưỡi bảy lần trước khi nói.).

Đa ngôn là tật bệnh của nhiều người. Ta thường có câu *" nói dài, nói dai, nói dai"*. Cùng với *Vô vi*, Lão tử chủ trương *Vô ngôn*. Thực tế, nói là để trao đổi thông tin. Phát sóng âm để trao đổi thông tin là động thái vốn có trong nhiều loài vật, nhưng không có loài nào có ngôn ngữ phong phú như con người, bởi con người có khả năng tiếp nhận thông tin, tư duy xử lý và sản sinh ra thông tin mới. Nhưng nếu như hạn chế lời, đi đến vô ngôn thì con người cũng còn có khả năng truyền cảm nhất định bằng nhiều hình thức khác như cử chỉ của tay, chân, mắt (liếc, trào nước mắt. . .), mũi, gò má đỏ lên; da thịt tiết ra mùi vị (hormone) . . .và gần đây hơn, người ta không thể không công nhận là có giác quan thứ sáu, có sóng nhân điện. Tuy nhiên nếu như khả năng này phát triển thì khả năng kia thui chột đi, đó là quy luật. Ta hãy thử nghiệm ở một đôi trai gái yêu nhau. Họ có thể ngồi hàng giờ không nói với nhau một câu nào nhưng mà lại nói lên tất cả. Những giây phút đó có lẽ thiêng liêng nhất của cả một đời người và chỉ mãnh liệt nhất ở mỗi tình đầu tiên, chưa bị tạp niệm, nhục dục, giả dối và lợi dụng nhau xen vào mà thôi.

Trong chuyện chưởng, Kim Dung tưởng tượng ra ba vị sư khổ hạnh ngồi trong hốc cây mà có thể ra

đòn bằng môn võ phối hợp theo tâm ý.

Lâm Đái Ngọc về Dương Châu chịu tang. Khi quay lại Giả phủ gặp Giả Bảo Ngọc. Đôi trai gái này không nói với nhau một lời mà chỉ im lặng nhìn nhau và trào nước mắt ràn rụa. Có lẽ bí mật, được mã hóa đó theo hai người cho tới khi cô gái chết, còn anh chàng thì sống trong cảnh hư vô, cùng với Tiết Bảo Thoa, người được gia đình gán ghép cho, một thời gian sau rồi bỏ đi tu tiên.

Nhiều người cả tin về vấn đề nhân điện, về việc nhờ thầy đi tìm mồ mả người thân. Thực ra đó chỉ là một sự an ủi, một cách giải thoát tâm linh. Bởi vì con người cũng như mọi động vật, sự sống vô cùng bí mật nhưng cũng rất giản đơn. Cho đến nay ta mới biết được nó chi phối bởi gen, sự phân chia tế bào, các hormon, các dưỡng chất, sóng thông tin (bao gồm sóng não, tim, hồng ngoại . . .). Khi chết là mất. Còn giác quan thứ sáu, linh cảm. . . nếu có là do sự thăng hoa vật chất hay là sóng ta chưa rõ! Nếu như ta cho rằng con người còn tồn tại một dạng sống nào đó sau khi chết, khi vật chất đã phân hủy mà vẫn có khả năng mạng thông tin của sự sống, khác với phát xạ cacbon phốt pho . . . thì ta cũng phải giải thích cho được đối với trường hợp các loài vật khác. Chúng chết rồi có hồn không? Nhất là với loài voi tinh tinh, cá heo . . . vốn vẫn giữ được giác quan thứ sáu cao hơn loài người nhiều. Đây là ranh giới nhận thức giữa chân khoa học, phi khoa học và ngụy khoa học. Nhưng ta cũng nên nhớ cái ý niệm *chân*, *phi* và *ngụy* đó là sản phẩm của bộ óc, tức là thuộc về cá nhân và có tính tương đối lịch sử.

Ta lại trở về câu chuyện giữa Trang tử và Huệ tử trao đổi với nhau về cá bọ lợi dưới nước vui hay không vui mà soạn giả đã có lần nhắc đến trong sách *Mây kiến giải về triết học khoa học*. Đó là bí mật của sự sống muôn loài mà nhận thức con người chỉ mang tính chủ quan. Ta hãy mặc nhiên công nhận tính tương đối về những giả tưởng là cây hoa trước cửa sổ nhà ta cũng biết nghe nhạc. Nhà vật lý nọ lúc sống cho rằng mình là hiện thân của một nhà bác học ở mấy thế kỷ trước. Soạn giả cũng đã tin rằng mình có sự đồng cảm với Lưu Vũ Tích khi mới ngoài 20 tuổi:

*Kim nhật hoa tiên âm,*

*Cam tâm tư số bơi.*

*Đạn sâu hoa hũu ngữ.*

*Bất vị lão nhân khai.*

Hôm nay uống rượu trước hoa,

Cạn đôi ba chén gọi là mua vui.

Chỉ e hoa nói lên lời:

"Em không phải nở cho người già đâu!"

(Đỗ Thơ Anh dịch - 1968)

Khi ta ngồi tĩnh tâm, bóng ta ngã theo bóng cây ngoài sân.

Ta không nói, nhưng trong tâm ý ta lại "nói" rất nhiều. Ta "nói" với người thương, cha mẹ, người yêu đã khuất. Mọi cảnh trí hiện ra trong óc ta như một cuộn phim cũ được quay lại.

Còn như nhờ người khác, thì ta không thể biết được có đúng là thầy cúng đang nói chuyện với người thân của ta hay không? Khoa học có lúc sẽ đo được sóng não, nồng độ hormone . . . của thầy, xem thầy nói thật hay là bịa!

## 18. Sau thành trước

聖人後其身而身先,外其身而身存.非以其無私邪?故能成其私

*Phiên âm:*

**Thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn. Phi dĩ kỳ vô tư tà? Cố năng**

# thành kỳ tư.

## Chú giải:

- Thánh nhân (shèng rén): chỉ vua chúa, người có tài trí đức độ. Các bản dịch của các tác giả phương Tây kể trên thường dùng là *holy man*.
  - Hậu (hòu) : sau, đặt sau.
  - Thân (shēn): thân mình
  - Tiên (xian): trước.
  - Ngoại (wài): ngoài, đặt ngoài.
  - Tôn (cún): còn.
  - Tư (sì): riêng.
  - Tà (xié): nghiêng, không ngay thẳng.
  - Thành (chéng): nền, trở thành.
- "*Dĩ kỳ vô tư thành kỳ tư*" tức là lấy cái vô tư để đạt tới tư tâm.

## Dịch:

Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà thành trước, để thân mình bên ngoài mà thân còn. Vì không riêng tư mà nó lại có riêng tư.

## Bình:

Viên Phổ chú: *Hậu kỳ thân nhi thân tiên*: bởi vì thánh nhân xử sự là thể hiện cái đạo trời đất, trước vì người sau mới vì mình. Không đặt mình trước thiên hạ mà mọi người trong thiên hạ đều suy tôn ngưỡng mộ mình. *Ngoại kỳ thân nhi thân tôn* là cho bề ngoài của mình chỉ là giả sắc, không hiển vinh gì, nên thân mình mới còn".

Suzuki dịch:

*The holy man puts his person behind and his person comes to the front. He surrenders his person and his person is preserved. Is it not because he seeks not his own? For that reason he can accomplish his own.*

Trời đất rất vô tư. Không khí cho ta hít thở, nước cho ta uống, mặt trời cho ta nguồn sáng, đất cho ta điểm tựa để đứng lên v.v . . . , tất cả, tất cả . . . thiên nhiên đều không thu phí. Chỉ có khi loài người gọi là văn minh, có tà tâm chiếm lấy thì mới sinh ra sự thu phí, tranh giành nhau, chém giết lẫn nhau.

Lão tử khuyên Thánh nhân *vô tư tà* là vì vậy.

Nhưng *tư tâm* (tâm lòng riêng biệt, không ai giống ai) lại là cái vốn có và cần có để phát triển của con người. Lão tử chỉ chống lại *tà tâm* mà thôi. Kinh Phật cũng viết: "*nhất niệm chi giác tỉnh*" tức là để cho người đời nhận thức (nhận biết) tự ngã (cá nhân mình). Tự ngã đó là cái tư tâm, cái tâm lòng riêng, cái thiện ác có trong lòng mình. Khi con người có tư tâm sẽ tự mình tìm cách định vị, cân bằng, cạnh tranh quyền lợi cho mình. Tư tâm làm cho con người giác tỉnh và nhận thức tự ngã. Tư tâm cũng làm cho con người vươn lên.

Triết gia cổ Hy Lạp Myson đi trên đường thấy hòn đá thì cúi đầu vái. Có người hỏi, ông trả lời: bởi vì đá không có tư tâm nên trường cửu hơn cả vua chúa.

Ngày nay ai mà làm vậy có lẽ sẽ bị dẫn đến nhà thương điên.

Nếu như không còn tư tâm đúng thì không có con người văn minh, tức là con người không vượt qua được bản năng của loài vật và sẽ đánh mất chính mình, mất cân bằng tương đối của xã hội. Bởi vì có thể nói sự *cào bằng mọi quyền lợi* là triết lý không tưởng.

Đây chính là điểm mà ta cần hiểu và phân tích cho rõ tư tâm và tà tâm của Lão tử cũng như phân biệt triết lý *diệt dục* của Phật giáo và *tiết dục* của Khổng giáo vậy.

## 19. Biết dùng sức người khác.

善用人者,為\*下.是為不爭之德.是謂用人之力,是謂:配天古之極.

*Phiên âm:*

**Thiện dụng nhân giả, vi hạ. Thị vi bất tranh chi đức.**

**Thị vi dụng nhân chi lực, thị vị: phối thiên cổ chi cực.**

(\*) Theo sách của Vương Bật thì câu này thiếu chữ chỉ. (Thiện dụng nhân giả vi chi hạ.)

*Chú Giải:*

- Thiện (shàn): tốt lành, biết cách.
- Dụng (yòng): dùng.
- Bất tranh (bù zheng): không tranh chấp.
- Đức (dé): biểu hiện bề ngoài của "đạo". Nó không mang khái niệm "đức" như trong Khổng giáo.
- Lực (lì): sức.
- Phối (fèi): kết hợp lại.
- Thiên cổ (tịan gủ): xưa cũ, đã từ lâu.
- Cực (jí): đầu, tận cùng.

*Dịch:*

Biết dùng người là biết lắng nghe người dưới. Đó là cái nguyên lý bất tranh, là dùng sức người, là đỉnh cao của sự phối hợp từ xưa vậy.

*Bình:*

Dùng người là mượn trí và mượn sức của người, biết quy luật dùng người cũng như mượn thể năng (sức) gió, sức nước vậy. Phải biết chỗ mạnh chỗ yếu của người. Do đó phải lắng nghe, phân tích cho được người ta nói về người đó như thế nào, trong những trường hợp nào, động cơ nào. Đó là một nghệ thuật, là sự xử lý thông tin theo nguyên tắc 5W, tức là *who* (ai), *what* (thế nào), *why* (tại sao), *when* (khi nào) và *where* (ở đâu).

Xưa Khổng Minh dùng người rất thận trọng, thường theo cách khích tướng, nhưng cũng đã dùng sai người như trường hợp dùng Mã Tốc chốt giữ Nhai Đình. Người đời sau thường khoác cho Tào Tháo cái tính đa nghi, nhưng thực chất ông đã phân tích và dùng người rất khoa học. Ông đã không cho quân đuổi theo Quan Vân Trường, kẻ võ biên kiêu hùng nhưng đây nghĩa khí ấy khi đi qua sáu cửa ải, chém mất bảy tướng. Nên sau này ông mới thoát chết ở Hoa Dung.

Lịch sử nước ta, thời Trần cũng có rất nhiều bài học về dùng người. Trước thế mạnh của quân Nguyên, có không ít quan chức trong triều đã gửi mật thư hàng. Nhưng khi giặc thua, quân sĩ bắt được những lá thư đó, vua Nhân Tông đã sai đốt hết mà không truy cứu, nên nhà Trần mới giữ được tình đoàn kết, trên dưới một lòng. Có lẽ triều đại kém nhất là Lê, Nguyễn. Thời cực thịnh, Lê Lợi cũng như Nguyễn Anh đã giết oan nhiều cộng thần. Đến khi mặt vận thì Lê Chiêu Thống vì tư thù họ Trịnh mà đốt tan tành cả phủ chúa và hầu hết các di tích lịch sử thành Thăng Long.

Nay tới thời cận đại, ta cần phải có sự minh bạch của một xã hội mở, có tính đồng thuận cao, như thặng cường, thì chúng ta mới rút tía được những bài học lịch sử trong sử dụng nhân tài, trí thức để tiếp tục đưa đất nước đi lên. Bởi vì hiện nay, vốn trí thức cao của chúng ta, tiếp cận được công nghệ mới, có tới hàng chục vạn đang ở nước ngoài. Con người là vốn quý nhất. Vì mục tiêu cao cả vĩnh

danh tổ quốc, nếu mọi người là trí thức cũng như dân thường, dù có quá khứ như thế nào mà chúng ta biết "*hậu kỳ thân nhi thân tiên*" thì ta vẫn có thể hợp tác, đồng thuận cùng nhau chung sức đưa đất nước tiến kịp các nước khác trên thế giới.

## 20. Như nước mềm nhưng mạnh

上善若水. 水善利萬物而不爭, 處眾人之所惡, 故幾於道

*Phiên âm:*

**Thượng thiện nhược thủy. Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ u đạo.**

*Chú Giải:*

- Thượng thiện (shang shàn): tốt nhất, cực tốt (superior goodness), nghĩa như chí thiện, cực thiện.
- Nhược (rùo) : như
- Lợi (lì) làm lợi.
- Vạn vật (wàn wù): muôn loài
- Xử (chủ): ở
- Chúng nhân (zhong rén): mọi người, đông người.
- Ố hoặc ác (è): xấu, ghét.
- Cơ (jì): cơ hồ, cơ cảnh, tình huống.

*Dịch:*

Cực tốt là nước. Nước làm lợi cho muôn loài mà không tranh giành. Vậy nên nó gần với Đạo.

*Bình:*

Nước và không khí là nguồn gốc của sự sống. Đâu có nước là vạn vật sinh sôi. Nước mềm, gặp chỗ thấp trũng thì chảy vào, cao đầy thì chảy ra. Người đời ví nước như quân chúng. Lão tử cho nước có tính bất tranh như Đạo.

Nước biến thiên theo nhiều dạng: thể nước, khí dung (hạt nước li ti lẫn với không khí) và thể hơi, từ thấp lên cao, nhưng quán quýt với đất trời. Trong bầu không khí, nước cũng chỉ tồn tại ở thể hơi trong vòng 10km độ cao nhưng nó là động lực làm biến thiên khí hậu của quả đất. Mưa, sấm chớp, điện tách không khí ra thành N<sub>2</sub> (nito) và O<sub>2</sub> (Oxy), do đó mới tạo nên sự sinh trưởng phát triển tốt tươi cho vạn vật.

Quan sát sự hình thành một cơn giông ta mới thấy hé mở ra một phần sự sống. Không khí tích điện dương trên không đuổi theo trường điện âm dưới đất. Trời đất giao hoạn cũng như mọi loài, nhưng dữ dội kỳ vĩ. Sự thực nêu chỉ có nước (H<sub>2</sub>O) mà không có N<sub>2</sub> Và O<sub>2</sub> (do sấm chớp tạo thành và tan trong nước) thì cớ lẽ cũng không có những đơn tế bào sống ra đời, cây cối không thể quang hợp để tươi xanh và ra hoa kết trái. Bí mật của tự nhiên là vậy.

Lão tử gọi đó là Đạo và nó huyền diệu vô tận. Con người không thể giải thích được với cuộc sống hữu hạn của mình cho dù loại người có sinh ra những bộ óc siêu việt như Darwin, Einstein v.v . . .

Ta gặp khái niệm *nhu - mềm như nước* nhưng nó có thể bào mòn núi. Ta cũng gặp cặp từ *đất nước* để chỉ nơi ta sinh ra. Con người gắn bó với đất nước quê hương là vì vậy. Mà không chỉ có người, trên quả đất còn nhiều loài như cá, động vật có vú, côn trùng v.v. ..., có tập quán về sinh và chết nơi mình ra đời. Hồi nhỏ chúng ta đã thuộc lâu bài văn trong Quốc Văn giáo khoa thư rằng không có nơi nào đẹp bằng quê hương. Lớn lên ta thuộc bài ca *Quê hương là chùm khế ngọt* và nhiều người trong cảnh tha hương lữ thứ đã khóc khi đọc lại, nghe lại những bài ca, khúc nhạc đó.

Người về quê khác với người đi du lịch. Về quê là ta được xem lại cuộn phim ký ức tuổi thơ đã xa vời. Nhưng ký ức không phải lúc nào cũng đẹp, vui tươi, hạnh phúc.

Bên cạnh cây đa yên bình, mái đình thân thuộc có khi nó gợi lại trong ta cảnh chết chóc, đau thương, hành hạ lẫn thau của con người. Dĩ vãng gồm những cung bậc vui buồn đan xen, lẫn lộn..

Sự sống vốn đã khắc nghiệt, nhưng do có con người nên lại càng khắc nghiệt hơn. Có lẽ tạo hóa bắt loài người phải biết cái đau khi sinh nở và phải khóc khi chào đời là vì thế. Bởi vậy, một đất nước, một dân tộc mà không vun đắp được tình người, trước hết là tình mẹ, tình cảm quê hương, lòng vị tha, sự đồng thuận. . . mà chỉ biết chạy theo thị hiếu vật chất. . . thì tương lai dân tộc đó không còn. Vì đối với quê cha đất tổ, họ không có cuộn phim ký ức. Họ chỉ có cảm giác như những khách tham quan, thấy cái đẹp của phong cảnh, như mọi cảnh đẹp khác, dừng dừng không còn cảm giác trào nước mắt và nhớ lại. . . Thật đáng sợ thay cho những người tã đánh mất quá khứ và không trao được cho thế hệ sau nguồn "gen" tình cảm đó cho dù vì nguyên nhân gì !

## 21. Tự tạo ra thiên thời với nhân hòa.

居 善 地 動 善 時

*Phiên âm:*

**Cư thiện địa, động thiện thời.**

*Chú Giải:*

Đây là một phần câu trong chương 8 của Đạo Đức kinh.

- Cư (jù): Ở
- Thiện (shàn): ưa thích, thuận theo lẽ phải.
- Địa (dì): đất, nơi
- Động (dòng): hoạt động, làm việc.
- Thời (shí): giờ, lúc.

*Dịch:*

Lựa chỗ ở lành, làm việc phải hợp thời.

*Bình:*

Câu này Diệp Châu (tác giả *Lão tử đích trí tuệ*) chỉ lấy một phần trong chương 8 của Đạo đức kinh. Theo Vương Bật thì chương 8 ngoài câu 21 trên còn tiếp nối một phần như sau: "...*tâm thiện uyên, dĩ thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng...* *Phù duy bất tranh, cố vô vu* " (lòng

chịu chỗ đất sâu, xử thế theo điều nhân, nói năng giữ điều tín, chính sự cần thái bình thịnh trị, phụng sự theo khả năng... Vì không tranh giành nên không lo lầm lỗi.). Nhiều bản trên mạng không có đoạn "*phù duy bất tranh*".

"*Động thiện thời*", Viên Phổ chú là: "Hành động của nước không vi phạm thiên thời, lúc cần làm thì làm, khi cần nghỉ thì nghỉ".

(水之行動不違天時,皆行則行皆止則止也).

Suzuki dịch là: *The movements of goodness keep time.*

Xưa nay các nhà chính trị thường nhân mạnh tới thiên lời, địa lợi, nhân hòa. Thiếu một trong ba yếu tố đó thì khó mà thành công trọn vẹn. Có thành công cũng chỉ là tạm thời, nhất là khi thiếu nhân hòa. Bởi vì theo quy luật, nhân định có thể thắng thiên.

Lão tử đề cập tới "cư thiện địa, động thiện thời" như là một nguyên lý sống cân bằng, giữa người và tự nhiên.

Nếu ta biết quý trọng vun đắp cho mảnh đất ta đang sống, biết hành động hợp với thời cuộc thì ta mới mong có cuộc sống cộng đồng bền vững, dài lâu.

Lời nói thì dễ. Bất cứ lý thuyết gia, chính trị gia nào cũng có thể nói ra lời hay ý đẹp đó. Nhưng tới khi hành động thì vì quyền lợi nhỏ nhen ích kỷ của mình, của giai cấp mình, vì tâm hiểm biết chiến lược thấp mà đã chuốc lấy những thất bại cay đắng, thậm chí để lại hậu quả lâu dài.

Khi còn ở nơi lều tranh, Gia Cát Lượng đã nói với Lưu Bị rằng: "Thế nước đã chia ba, thiên thời thuộc về Tào Tháo, địa lợi nằm trong tay Ngô Quyền, Ngải (tức Lưu Bị) chỉ còn có nhân hòa". Lý luận thì như vậy nhưng ông đã không biết dưỡng sức dân, không biết lo chính đôn nhân sự. Quân ít lương thiếu (vùng Tứ Xuyên lúc đó chỉ có khoảng ba bốn triệu dân mà thôi) nhưng hàng năm ông vẫn cứ tiến ra Kỳ Sơn để đến nỗi sau khi ông chết, chỉ có mấy năm với mấy trận đánh nhỏ mà Đặng Ngải và Chung Hội đã có thể vượt qua sạn đạo (đường ghép bằng cây ở lưng chừng núi), chiếm Thành Đô. Đó là do Thục Hán không còn giữ được nhân hòa nữa vậy.

Trong thời đại kinh tế trí thức, mọi hoạt động tăng trưởng phải tuân theo xu hướng công nghệ tốn ít nguyên liệu, năng lượng và có hàm lượng chất xám cao, bảo vệ được môi trường. Có nhiều vùng trên thế giới hiện nay chạy theo con số tăng trưởng hai chữ số. Giỏi lắm thì họ thu được vài chục tỷ đô la tăng trưởng GDP /năm nhưng đã phá tan hàng triệu ha rừng, làm hoang mạc hóa đất nước, giết chết nhiều con sông, con suối v.v . . . , thì sự tổn thất đó có thể lớn gấp hàng nghìn lần cái mà họ thu được. Con cháu họ phải tốn những khoản kinh phí cực lớn và mất hàng trăm năm mới tái sinh lại môi trường mà có thể vẫn không cứu vãn nổi.

Vùng Trung cận đông cách đây hàng nghìn năm là mảnh đất phì nhiêu do các con sông Nile, Tigris, Euphrates bồi đắp nên. Nhưng chỉ do sai lầm về chăn nuôi dê cừu quá sức mà nay hầu hết đã trở thành sa mạc.

Hiện tượng thiếu nước ngọt, bão cát, nhiệt độ tăng lên. . . đang đe dọa chính mảnh đất của ông tổ thuyết cân bằng, người đề cao cái nhẹ, cái mềm yếu của nước. Có thể vùng đồng bằng ở đó sẽ có nhiều nhà chọc trời hơn, chen chúc sầm uất hơn, giàu có hơn. Nhưng nếu rừng mất, than, dầu mỏ hết, nước khan và ô nhiễm... thì làm sao mà tái tạo đi được sự cân bằng giữa núi và biển ? Bởi vì đó là công trình hàng triệu năm của tạo hóa ?

## 22. Coi trọng thiên hạ hơn thân thể mình.

貴以身為天下,若可寄天下;愛以身為天下,若可

# 托天下。

*Phiên âm:*

**Quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.**

*Chú giải:*

- Quý (gùi): quý trọng.
- Thiên hạ (tian xia): nghĩa đen là dưới gầm trời, tức là từ chỉ chung đất nước và con người.
- Ký (jì) gửi.
- Thác (tù): giao phó.

Kẻ nào biết quý thiên hạ như quý thân mình thì ta có thể giao thiên hạ cho họ được. Người nào biết thương yêu thiên hạ như thương yêu thân mình thì ta có thể gửi gắm thiên hạ cho họ được.

*Bình:*

Câu này Lão tử bàn về cái tôi, cái vinh và cái nhục.

Theo ông cả hai đều đáng sợ vì con người chỉ biết tới cái tiểu ngã tức là cái thân của mình mà không thấy được rằng con người chỉ là hạt cát trong vũ trụ. Cho nên ông mới chủ trương "*vô thân*" (xem không có thân mình). Đã xem không có thân mình nên còn phải sợ gì nữa? Vô thân tức là hòa đồng thân mình cùng vũ trụ. Các bậc thánh nhân nếu biết quý trọng đất nước hơn thân mình, biết xả thân cho thiên hạ thì ta có thể gửi cả tính mệnh cho họ được.

Như phân trên đã bàn, Lão tử cho đời là một sự giả trá, là một màn kịch. Ta chỉ là kẻ lừa dối và bị lừa dối mà thôi. Vậy nên câu này của ông là một nghịch lý, tự ông mâu thuẫn với ông. Vì trong lịch sử có mấy vua chúa biết quý thiên hạ hơn quý thân mình?

Lê Lợi có thể gọi là một ông vua anh minh. Khi quân mới có một nhóm thì biết quý những người như Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi . . . vốn là tôn thất nhà Trần. Khi đã có ngôi báu liền ngụy tạo nên những án phản nghịch để giết công thần. Trong lịch sử, nước ta chưa bao giờ có được một sử quan độc lập, nên chúng ta không rõ được tại sao những danh tướng có trí thức như Trần Nguyên Hãn khi có quân trong tay, không mưu khôi phục lại nhà Trần mà đợi đến lúc Lê Lợi đã lên ngôi, khi sự nghiệp đã thành mới phản?

Chuyện Hàn Tín ở thời Hán cũng tương tự, nhưng đã có Tư Mã Thiên minh oan. Tư Mã Thiên trở thành bậc thầy, là gương sáng cho tất cả các sử gia của muôn đời là vì vậy.

Ta từng thấm thía với câu nói: "đầu thân chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo" hoặc "Bệ hạ muốn hàng, trước hết xin hãy chém đầu thần đi đã" của Trần Thủ Độ và Trần Hưng Đạo. Đó là những câu nói trở thành lời hịch cho cả nước xông lên đánh giặc, khi lợi ích tập đoàn thống trị cũng chính là lợi ích đất nước. Nhưng ta chưa từng gặp được những tấm gương của kẻ có chức có quyền biết chia sẻ nỗi đau của dân chúng trong cảnh nghèo ở thời bình.

Họa chăng sử sách mới chèn được một vài cử chỉ như của Lý Thánh Tông khi vi hành, đã cởi áo bào ra đắp cho một kẻ ăn mày. Đó thật là hành động không chút giả trá, nhưng cũng chỉ có như thế mà thôi!

## 23. Đây thì phải xả bớt

持为盈之,不如其已

*Phiên âm:*

## **Trì vi doanh chi, bất như kỳ dĩ.**

*Chú giải:*

- Trì (chí): nắm giữ.
- Doanh (yíng): đầy.
- Như (rú) : như
- Dĩ (yǐ): đã, đừng để.

*Dịch:*

Giữ bình nước đầy chẳng bằng không giữ, cứ để nó vơi.

*Bình:*

Chữ "trì" trong bản của Viên Phổ viết là "thực" 植 và chú thích 植而盈之 là trồng cây quá dày, có lẽ ông đã đi xa văn bản.

Học thuyết của Lão được diễn tả trên nhiều mặt như *vô vi, nhu, trống rỗng, làm bớt sắc nhọn, phúc tức là họa, bất tranh, đặt mình ở phía sau tức là đến trước* v. v . . .

Soạn giả rất tâm đắc quan niệm giữ cho đầu mình có nhiều khoảng trống, để du nạp cái mới, tức là không để tâm thức mình ở trạng thái bất doanh, không đầy tràn.

Có thể nói cái học của cha ông ta ngày xưa chỉ chú trọng nạp đầy tràn chữ nghĩa của "thánh hiền" nên mới ít sáng tạo chẳng?. Tư duy triết học phương Tây khác phương Đông có lẽ chủ yếu ở chỗ: triết học phương Tây coi trọng thực nghiệm, thực chứng và giả chứng, tìm cách chứng minh cái sai mà không tuyệt đối hóa cái trước.

Gallileo lên dàn thiêu của cơ đốc giáo vẫn đồng dặc tuyên bố là quả đất quay, mặc dù thực tế ông cũng không thể quan sát được mà chỉ bằng thực nghiệm thả quả cầu từ trên chòi cao.

Chính nhờ có cơ học lượng tử, thuyết tương đối Einstein, phủ định cơ học Newton trong hệ quy chiếu ngoài quả đất ở vận tốc cao, nên người sau mới tính toán chính xác đưa được vệ tinh lên vũ trụ.

Tư duy phương Đông thì trái lại. Hàng nghìn năm, những bộ óc kiệt xuất vẫn chỉ biết chứng minh lời thánh nhân là tuyệt đối đúng ở mọi nơi mọi lúc. Tư duy đã đóng băng thì như dòng nước ngừng chảy, máu không lưu thông, sự sống không thể tồn tại lâu dài được. Mô hình xã hội của Trung Quốc bị kim hãm, chậm phát triển hàng nghìn năm là vì thế. Đây thuộc lý thuyết về "cắt cánh" (take off). Nó không thuộc phạm vi quyền sách này.

Ngày nay, nếu như phương pháp giáo dục của ta không được cải tiến theo hướng tự do tư tưởng, lấy học sinh làm chủ thể, thì ta càng bị tụt hậu lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Muốn cho đất nước mạnh, ta phải nâng cao dân trí, mạnh dạn dọn sạch trong óc mình những kiến thức vô bổ, kinh nghiệm, bảo thủ . . . thì ta mới có khả năng giúp cho thế hệ trẻ tiếp nhận thông tin thời đại có sáng tạo,

Đối với tài nguyên của cải cũng vậy. Nếu cứ phát triển đất nước trên công nghệ tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu là đi vào ngõ cụt.

Ở Á Rập có câu chuyện thần thoại như sau: Một người bắt được chiếc bình đầy ngọc trên có ghi dòng chữ: "Hãy lấy đủ những viên ngọc vụn rồi đập nắp lại". Vì quá tham lam anh ta lấy thật nhiều. Ngọc cứ tràn ra mãi và chôn vùi luôn anh ta. Nước ta cũng có chuyện cổ tích Cây khế. Vì không tham nên túi vàng của người em tuy vơi nhưng đã giúp anh ta làm ăn ngày càng khấm khá, còn người anh thì tham cô nhét cho đầy túi nên đại bàng không công nôi, đã rút xuống biển chết.

Giữ cho đầu óc không đầy, của cải vừa đủ . . . cũng giống như giữ cho hồ nước, bình chứa còn khoảng lưu không. Đó là biết tuân thủ quy luật cân bằng động của vật chất.

Trong kinh Dịch, quẻ Càn, thuận dương được xếp liền với quẻ Khôn, thuận âm. Quẻ Ký Vị tề (đã qua) đứng cùng quẻ Vị tề (chưa qua). Đó là quy luật biến dịch nghịch đảo, quy luật cùng tắc biến.

Trong cuộc sống, chúng ta thiếu những thước đo, những chỉ số . . . để giúp chúng ta biết trạng thái cân bằng động này, tức là biết trạng thái bấp bênh trong gang tấc giữa sự sống và cái chết. Do đó mà tai họa mới ập đến bất ngờ. Những trường hợp bị đột tử hoặc tàn phế do huyết áp, tim mạch . . . chỉ là do

sự tràn đầy vật chất hoặc tinh thần mà ra. Vậy nên, càng về già ta càng phải sống theo những lời khuyên của Lão tử.

## 24. Chỉ cần có tình thì không sợ đời không hiểu

知我者希,則我者貴.  
是以聖人被褐懷玉

*Phiên âm:*

**Tri ngã giả hy, tắc ngã giả quý, thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.**

*Chú Giải:*

- Tri (zhi): biết.
- Ngã (wǒ): ta
- Hy (xì): hiếm.
- Quý (gùì): coi trọng.
- Hạt (hé): áo vải thô, kẻ nghèo hèn
- Hoài (huài); mang.
- Ngọc (yù): đá quý.

*Dịch:*

Rất ít người hiểu ta thì ta mới quý. Là thánh nhân, ngoài mặc áo vải thô mà trong người thì mang đầy ngọc.

*Bình:*

Kể ra về văn bản, đọc Đạo đức kinh của Lão tử không khó Cái khó là hiểu cho được tư tưởng của ông. Nó đầy mâu thuẫn. Khái niệm Đạo của ông là những cái gì huyền bí của trời đất, không thể lý giải được bằng lời, không thể đặt tên, là sự trống rỗng như thiên không, là khái niệm thuộc hình nhi thượng (siêu hình = meta physic), là nhất nguyên luận. Nhưng mà để lý giải ông, lại phải dùng lời, bàn tới cái dụng, khái niệm về đức, về thánh nhân, về thiện nhân, về ngọc ngà, về nhà buôn giỏi phải biết cất giấu hàng hóa v. v . . . Đó lại là những khái niệm hình nhi hạ (vật chất, vật lý = physic) thuộc nhị nguyên luận.

Ta phải thoát ra khỏi cái tiểu ngã, cái trí trá, nguy hiểm, "*khoa học - phi khoa học*", "*tương đối - tuyệt đối*" để trở lại làm một con người suy nghĩ thuần phác . . . thì may ra mới hiểu được ông. Ví dụ: mấy chữ *thánh nhân* hoặc *thiện nhân*, ông đâu muốn dùng để chỉ vua chúa, người tốt! Vì trong ông không có khái niệm thiện ác, tốt xấu, vua quan. . . mà chỉ có khái niệm những con người thông hiểu *Đạo - Vô vi* mà thôi. *Đạo* và *đức* là những chữ ông dùng miễn cưỡng.

Bởi vậy mà ông nói: người hiểu ông rất hiếm. Chúng ta lại sống cách ông hơn hai nghìn năm. Các khái niệm đã bị khúc xạ theo thời gian mà muốn giải thích học thuyết của ông không thể không vận dụng đến những khái niệm vật lý mới, theo khoa học tiên bộ, theo khái niệm cân bằng sinh thái hiện đại. Ta không thể theo quan điểm chống lại cái mới, trở về với cái hoang sơ. Cũng giống như nghiên cứu về Không tử, ta không thể tán dương thời Nghiêu Thuấn và Chu Văn Vương. . . mặc dù ta cũng không thể nói tiên bộ khoa học kỹ thuật hiện nay là cứu cánh cho loài người hay là nguyên nhân sẽ hủy diệt nhân loại. Vì khi loài người tìm ra các hạt cơ bản thì đồng thời đã chế ra bom nguyên tử và đang tìm cách chế bom trung hòa tử. Khi loài người giải mã được một phần cơ chế sống, thì con người liền

đứng trước vấn đề phản lại quy luật tự nhiên, từ lai tạo cây con, nhân bản vô tính cừu dê đến tế bào gốc rồi có thể đến cả việc phục chế con người (human cloning) nếu như vấn đề triết học đạo đức không được loài người coi trọng. Sai lầm không chỉ dừng lại ở sự gian dối như của một vị giáo sư nhân bản vô tính tế bào gốc con người của Hàn Quốc, mà còn có thể đi đến sự xuất hiện những đên lạ, phá vỡ quy luật sản sinh ra sự sống. Vì vậy cuộc đấu tranh giữa quan điểm vô vi và hữu vi là không cùng. Cách tiếp cận tư tưởng của Lão tử rất khó là vì vậy.

## 25. Thấp núi càng nhọn, càng dễ đổ.

揣而銳之,不可長保

*Phiên âm:*

**Súy nhi duệ chi, bất khả trường bảo.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu của chương 9 Đạo đức kinh.

- Súy (chuai): đo lường. Chữ này theo Thiệu Chửu còn có các âm *tuy* (nghĩa là vò nát) và *đoàn* (nghĩa là đọng lại).
- Duệ (lùi): nhọn, nhanh nhẹn như tinh duệ hoặc đọc là tinh nhuệ.
- Bảo (bảo): giữ

*Dịch:*

Thấy đỉnh nhọn thì biết nó không thể giữ được lâu dài.

*Bình:*

Chương 9 của Diệp Kim Sơn khác với bản của Vương Bật mấy chữ "thực", "nhược", "đoàn" . . . chưa rõ nguồn gốc ở đâu :

植而盈之,不若其己;短而 [7] 之,不可長葆

之 "*thực nhi doanh chi, bất nhược kỳ dĩ. Đoản nhi thiểu chi, bất khả trường bảo chi* " (nghĩa là trồng dày quá, bất nhược không trồng. Thấp mà cành lá rồi thì không thể mọc tốt lên được).

Lão tử cho rằng phàm những vật gì sắc nhọn thì không thể tồn tại lâu dài. Vì thế ông chủ trương phải làm cùn, làm thấp nó đi. Đỉnh núi cao nhất thế giới là ngọn Everest (tức là ngọn Chomolungma) thuộc Himalayas. Đó là ngọn núi được hình thành trong kỳ đệ tứ do hai mảng địa tầng trôi dạt va chạm nhau tạo thành. Vì vậy, núi cao ắt phải liên biến sâu. Vùng biên Philippine có độ sâu tương tự.

Nhưng rồi qua thời gian, thiên nhiên (năng, gió, sóng biển, động đất . . . ) sẽ bào mòn bớt chiều cao núi, lấp dần biến sâu. Đó là quy luật của tạo hóa.

Quá trình biến thiên bốn mùa của thời tiết cũng theo quy luật tranh chấp giữa nhiệt độ, độ ẩm, gió . . . Sự biến thiên đó nếu theo Chu Dịch (tháng 11 được xem là tháng tỵ, nhất dượng sinh), tháng 10 chỉ có một quẻ đó là quẻ Khôn, thuần âm. Tháng 4 chỉ có một quẻ Càn là tháng thuần dương. Trên biểu đồ tần suất phân bố của các quẻ trong tháng thì đây là hai điểm cực trị, đạo hàm bằng không và đổi chiều. Các tháng khác là tháng tranh chấp giữa âm và dương, lạnh khô hoặc nóng ẩm mưa, gió mùa . . . Có tháng xuất hiện tới 16 quẻ.

Về sức khỏe con người cũng vậy. Trong một đời người (cứ tính tròn là 60 năm) thì cực trị là khoảng 49 tuổi. Người nào không biết triển cuộc sống ra cho bớt nhọn (luôn luôn bị xung lực, ví dụ bia nhiều,

bươn trải quá mức), thì rất dễ bị đột quy do cộng hưởng (thời tiết, huyết áp, tình dục, tâm lý buồn bực ...).

Một nước mà phát triển kinh tế quá nóng, bất chấp sự mất cân bằng sinh thái thì tất yếu sẽ không bền và phải trả giá.

Ý nghĩa của câu "thấy nhọn (cực điểm) là biết không tồn tại được lâu của Lão tử chính là ở chỗ này.

## 26. Việc khó làm từ dễ, việc lớn làm từ nhỏ

天 下 難 事, 必 作 於 易.  
天 下 大 事, 必 作 於 細

*Phiên âm:*

**Thiên hạ nan sự, tất tác ư dị; thiên hạ đại sự, tất tác ư tế.**

*Chú giải:*

- Nan (nán): khó.
- Sự (shì): việc.
- Dị (yì): dễ.
- Tế (xì): nhỏ.

Làm việc khó, bắt đầu từ chỗ dễ; làm việc lớn bắt đầu từ chỗ nhỏ.

*Bình:*

Biển Thước là một danh y thời Xuân Thu thường là tân khách của các vua chư hầu. Có một hôm, ông tiếp kiến Sái Hoàn Công. Thấy sắc mặt của ông vua này, ông nói: "Quân hầu bị bệnh rồi, hiện nay đang ở ngoài da, nếu như không chữa trị, bệnh chạy vào trong thì không chữa được nữa", Sái Hoàn Công cười và nói: "Ta có bị bệnh gì đâu. Biển Thước lui ra, Sái Hoàn Công còn nói với quần thần rằng:

"Thầy thuốc nào cũng tìm cách chữa cho người không có bệnh để chứng tỏ ra rằng ta là bậc danh y".  
Mấy hôm sau, Biển Thước lại đến gặp Sái Hoàn Công và nói:

"Bệnh của ngài đã vào đến cơ bắp". Vua vẫn không nghe.

Lần sau nữa Biển Thước đến gặp thấy Sái Hoàn Công liền bỏ chạy. Vua cho người đuổi theo hỏi, Ông trả lời: "Bệnh ngoài da có thể lấy thuốc nước bôi. Tới cơ có thể dùng châm cứu, tới tỳ vị có thể dùng thuốc uống để phát tán ra ngoài. Nay bệnh của nhà vua đã vào tới xương tủy thì trời cũng không cứu được nữa". Quả nhiên vài ngày sau Sái Hoàn Công chết. Người đời đều biết rằng việc làm cũng như chữa bệnh, phải bắt đầu từ dễ, từ nhỏ. Bệnh phải phát hiện sớm, chữa trị lúc còn chưa nặng. Việc làm nhỏ như con ong, con chim xây tổ cũng phải từ viên sỏi, con rơm đầu tiên. Con người xây nhà bắt đầu từ viên gạch. Những công trình đồ sộ của loài người như Kim Tự Tháp hay Vạn Lý Trường Thành cũng vậy, phải từ viên đá tảng. Có biết bao công trình phải qua nhiều thế hệ mới hoàn thành, con nối tiếp cha mới làm xong. Trên thế giới sở dĩ tồn tại nhiều lâu đài có tuổi thọ hàng trăm năm là do các thế hệ biết cùng nhau gìn giữ. Đại loạn như cách mạng văn hóa nhưng hình như người ta không đụng đến đền đài miếu mạo.

Đất nước ta thời tiết khắc nghiệt. Ta lại quen đập phá nhiều hơn xây. Cứ tính trong mấy năm gần đây, từ công cho đến tư, người ta xây rồi lại phá, thay đổi nhà ở như thay áo mới vậy. Ngoài vài công trình nhà ở, rạp hát, nhà thờ ... của Pháp xưa kia, dân ta không có những căn nhà xây nào toàn vẹn được 100 năm.

Thật đau xót mà nói rằng di tích triều Lý trong thành nội còn gì nữa ngoài đôi rồng đá? Chùa Một Cột thì ngày càng thấp bé và bị lún sâu dần!

Lão tử nói việc làm từ dễ đến khó, đó là quy luật. Quy hoạch là ý tưởng xây dựng, là suy nghĩ của con người sao cho hợp với quy luật đó. Khi một công trình có giá trị thẩm mỹ cao thì trở thành di sản quốc gia bất kể là nó thuộc triều đại nào, vua quan độc ác nào. Dân Hà Nội rất quý ngọn tháp giữa Hồ Gươm. Đó là vì di vật tuy nhỏ bé nhưng không thể thay thế bằng một kiến trúc hiện đại khác, mặc dù biết rằng nó chỉ là cái tháp do một ông thông biện xây nên khi chùa Báo Ân bị Pháp phá mà thôi.

Lê Chiêu Thống và thực dân Pháp đã phạm tội ác lớn là hủy mất nhiều di tích của Thăng Long có nghìn năm lịch sử. Bom đạn chiến tranh và việc tiêu thổ kháng chiến sau đó đã hủy nốt những gì còn lại. Chùa Phật Tích, trung tâm phật giáo Lữ Lâu cũng như chùa Một Cột đã bị Pháp bắn và đặt mìn trước khi rút chạy... Thế hệ hiện nay phải phục chế cho được một phần trong muôn một những công trình đó vì tồn tại của đất nước chứ không phải tu sửa bôi bác nhằm kinh doanh du lịch. Nếu đã bị lún thấp, như chùa Một Cột, chùa Kim Sơn. . . nên có cách kích cao lên cho tương xứng, hòa hợp với cảnh quan xung quanh. Đó cũng chính là việc lớn phải làm từ nhỏ vậy.

## 27. Dành những khoảng trống để phát triển.

三十輻共一轂,當其無有車之用也 (\*)

*Phiên âm:*

**Tam thập phúc cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng dã.**

(\*) Cô vẫn không bao giờ có dấu ngắt câu. Do đó đọc cô vẫn rất khó. Hiện nay các tác giả tùy theo cách hiểu mà đặt chấm phẩy khác nhau. Câu này Diệp Châu đặt dấu phẩy sau chữ "hữu". Xét thấy không đúng với các bản của Nguyễn Duy Cần và các học giả phương Tây (Bản *The Canon of Reason and Virtue* của James Legge dịch là *(Thirty spokes unite in one nave and on that which is non-existent depends the wheel's utility.)*) nên soạn giả sửa lại.

*Chú Giải:*

Đây là phần câu trong chương 11 của Đạo đức kinh.

- Phúc (fù): nan hoa xe đời xưa

- Cốc (gǔ): trục xe

*Dịch:*

Ba chục cái nan (cầm) hợp lại nơi lỗ trục xe, nhưng nhờ cái lỗ trống đó mới có tác dụng của xe (làm cho bánh xe quay).

*Bình:*

Lão tử biện luận rằng: cái bình khác với hòn đất nung có thể chứa đựng được là nhờ nó rỗng. Bánh xe quay được là nhờ trục xe có lỗ. Đạo trời đất có chỗ dụng là nhờ ở sự trống rỗng.

Mọi vật quay là nhờ có tâm quay. Nếu như mọi thứ đều đặc thì không thể quay được. Trong vũ trụ mọi vật thể quay là nhờ tổng hợp của các lực hút của thiên thể. Nếu chỉ có riêng mặt trời và quả đất thôi thì chắc rằng quả đất đã bị hút vào lò lửa đó rồi. Phải có mặt bão (vùng gần như chân không tạo sức hút lên, gọi là dòng đối lưu) thì không khí mới xoáy tạo thành cơn bão và ngược lại.

Lão tử là một ông quan coi kho sách đời Chu. Có lẽ ông đã như là một sử quan, thường xuyên quan sát và cảm nhận được bầu trời với hàng tỷ ngôi sao quay như một cái bánh xe khổng lồ. Nay với giả thuyết vật lý hiện đại Big Bang và Hố đen cũng được xây dựng trên những tâm rỗng đó: tâm quay rỗng

đẩy các thiên thể ra xa (nổ lớn giãn nở - Big Bang) và khi hết quay, hết giãn nở thì các thiên thể sẽ bị hút lại trong cái hố đen hủy diệt.

Như vậy ta có thể nói: có khoảng trống thì mọi vật mới quay, mới biến thiên, phát triển.

Khái niệm *rỗng* của Lão tử - nhà triết học phương Đông cũng trùng hợp với khái niệm của nhà triết học Hy Lạp vĩ đại: Một lần, Socrates uống rượu với học trò là Platon. Ông ngồi đắm đắm suy tư khi nhìn bầu rượu vơi dần. Platon thấy lạ hỏi thầy. Socrates trả lời:

- "Bầu vơi thì ta mới có thể say sưa mãi".

Platon ngỡ ngác. Socrates giải thích: "Bình mà đã đầy thì không còn có khả năng chứa được rượu nữa".

Platon hiểu ý thầy nên không bao giờ ông coi kiến thức mình là đủ, ông miệt mài học và nói được chí thầy.

Vậy nên, cái "hố đen" hủy diệt của mọi người, của nhân loại là khi ta không còn "quay", không còn vận động, phát triển, tức là không còn chỗ trống, độ tự do nữa.

## 28. Sống thanh thoi, chết bình thản.

歸 根 曰 靜, 靜<sup>(\*)</sup> 曰 復 命. 復 命 曰 常, 知 常 曰 明, 不 知  
常 妄 作 凶

*Phiên âm:*

**Quy căn viết tịnh, tịnh viết phục mệnh. Phục mệnh viết thường, tri thường viết minh, bất tri thường vọng tác hung.**

(\*) Bản của Vương Bật và Nguyễn Duy Cần không có chữ "*tịnh*" mà là: "*thị vị viết phục mệnh. Phục mệnh viết thường, tri thường viết minh, bất tri thường vọng tác hung*".

*Chú Giải:*

- Quy (gùi): về.
- Căn (gen): rễ.
- Tịnh (jìng): lặng (rest).
- Phục mệnh (fù mìng): theo mệnh, định mệnh (destiny).
- Thường (cháng): bất biến, vĩnh cửu (eternal). Có thể đọc hằng như chú giải ở đầu sách.
- Minh (míng): sáng, khai sáng (enlightenment).
- Vọng (wàng): không biết, không rõ, mơ hồ.
- Hung (xióng): dữ.

*Dịch:*

Trở về cội rễ gọi là "tịnh", tức là "phục mệnh". Phục mệnh là "thường"... Biết thường gọi là "minh". Không biết đạo thường mà làm càn sẽ gây họa.

*Bình:*

Người ta ai cũng phải chết. Bởi vì không lý giải được cái chết, nghĩa là ta lại trở về cái *không* theo quy luật không - có - không (hay là *sắc sắc không không* của Phật) nên ai cũng sợ chết. Vì thế ta mới tự lừa dối ta, sống thiện thì linh hồn lên thiên đàng còn ác thì phải xuống địa ngục.

Triết lý của đạo Lão là nhất nguyên luận, không phân biệt thiện ác, nguyên tắc sống của môn phái này

là luyện cho lòng mình trống rỗng. Nhưng tín đồ Phật giáo thì theo nhị nguyên. Có thiện có ác, có thiện đàng và địa ngục. Họ chủ trương tu nhân tích đức. Thái độ của Lão tử và Trang tử là rất yêu sự sống nhưng xem chết là lẽ thường. Họ xem chết là trở về cội rễ (quy căn), trở về tịnh không, là phục mệnh, là sự vĩnh hằng. Biết được lẽ thường này thì sẽ sáng lòng.

Nếu không biết thì sẽ gặp hung họa. Hung họa có nghĩa là đi cầu xin trời đất, đau khổ, lo sợ về cái chết nên càng chết mau hơn.

Vì không hiểu quan niệm của Lão tử nên ở Trung Quốc rất phổ biến những dòng tu tiên, tìm thuốc trường sinh bất lão. Tiểu thuyết Trung Quốc hư cấu nên Thái thượng lão quân (hình ảnh bất tử của Lão tử) hoặc những nữ tu sĩ sống tới hàng mấy trăm năm mà vẫn trẻ như con gái. Tần Thủy Hoàng đã bắt không biết bao nhiêu thầy thuốc đi lên rừng tìm các loại thuốc bất tử cho mình và tự thân lên biển bắc bắn cá voi về để luyện kim đan. Lý Thái Bạch có bài thơ châm biếm như sau:

*Từ thị tải Tần nữ  
Lâu thuyền kỷ thời hồi  
Đán kiến tam tuyên hạ,  
Kim quan tang hàn hồi.*

Tạm dịch:

Thuyền rồng chở đám gái Tần,

Về nơi Từ thị biết bao lần.

Chỉ thấy suối sâu nơi âm phủ

Quan tài vàng chói chứa tro than.

Có người hỏi đến cái chết, Khổng tử cũng đã thản nhiên trả lời: "*Chưa từng biết sống phải ra sao mà đã hỏi cái chết như thế nào!*" Thực ra sống là ta vay nợ thiên nhiên, đã tiêu tốn thiên nhiên bao của cải thì chết là ta trả lại cho thiên nhiên những thứ ta đã mượn mà có. Từ vua quan cho đến thứ dân lúc sống đều đồ tiền của ra để xây mồ mả, nhưng thử hỏi chúng tồn tại được bao lâu? Ở Ấn Độ có phong tục chết thì hỏa thiêu rồi đem tro rắc lên dòng sông Hằng. Hay như ở Mỹ, mộ của hai anh em Kennedy chỉ là hai phiến đá được đặt trên đồi cỏ.

Nước ta mạng nhiều yếu tố tam giáo đồng nguyên.

Bởi vậy nhiều bài thơ của các nhà sư nổi tiếng thời Lý phản phát triết lý vô vi, hòa mình với thiên nhiên cây cảnh. Có khi lại coi thường Phật pháp nữa, ví như bài *Cáo bệnh thị chúng* của sư Viên Chiếu (999- 1091): [8]

Xuân đi trăm hoa tàn,

Xuân tới trăm hoa nở.

Việc đời ruồi qua trước mắt,

Tuổi già hiện trên mái đầu.

Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết ,

Đêm qua sân trước nở nhành mai.

(Lê Văn Hảo dịch).

Hay bài kệ *Sinh lão bệnh tử* của nữ thiền sư Lý Ngọc Kiều (1041- 1113):

Sinh lão bệnh tử là lẽ thường xưa nay

Muốn cầu siêu thoát càng bị trói buộc thêm,

Vì mê muội mới cầu Phật, vì lầm lẫn mới cầu thiền,

Chớ nên cầu thiền cầu Phật làm chi

Mà nên mím miệng không nói là hơn.

(Lê Văn Hảo dịch)

Kệ *Cảm hoài* của thiền sư Bảo Giám (?- 1173)

Đạt được chính giác ít khi nhờ vào tu hành,

Tu hành chỉ là giam cầm cái ưu việt của trí tuệ.

Trí tuệ như trăng soi sáng giữa trời,

Như cây cỏ sum suê trên ngọn núi phủ khói chiều.

(Lê Văn Hảo dịch)

Kệ *Đừng theo bước Như Lai* của thiền sư Quảng Nghiêm ( 1121 - 1190) :

Thoát được tịch diệt rồi hãy bàn chuyện tịch diệt,

Vào được cõi vô sinh hãy nói tới vô sinh.

Làm trai tự mình có cái chí tung trời,

Đừng đi theo bước đi của Như Lai.

(Lê Văn Hảo dịch)

Sự cân bằng sinh thái trước hết là cân bằng vật chất, tinh thần của con người với thiên nhiên. Hiện nay ở nước ta, mọi người, mọi dòng họ, mọi địa phương đang đua nhau xây lăng mộ, đài liệt sĩ cho thật to, thật đẹp, nhưng không có một bóng cây, một hồ nước mà đứng phoir chang chang giữa nắng cát và gió Lào. Họ có biết đâu rằng đó chính là một lãng phí lớn của cải và phá vỡ mất sự cân bằng môi trường.

## 29. Nhìn từ chỗ vi diệu

視之不見名曰夷,聽之不聞名曰希,搏之不得名曰微.此三者不可致詰([9]).故混而為一.

*Phiên âm:*

**Thị chi bất kiến danh viết di, thính chi bất văn danh viết hi, bác chi bất đắc danh viết vi. Thử tam giả bất khả trí cật. Cố hỗn nhi vi nhất.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu chương 14 của Đạo đức kinh

- Thị (shi): nhìn.

- Di (yi): Thấp hèn, mọi rợ.

Xưa, phong kiến Trung Quốc gọi các bộ tộc miền Nam là *man*, *di*; phía bắc là *nhung*, *địch* là những bộ tộc kém văn minh. Xét chữ *di* gồm có chữ *cung* và *nhân* dùng để chỉ chung các bộ tộc sống ở Quý Châu, Vân Nam, Bắc Việt (Giao Chỉ) là người miền núi quen săn bắn, đi rừng.

Chữ Di ở đây Diệp Châu (tác giả *Lão tử đích trí tuệ*) hiểu là tiêu tan, nhưng Charles Muller (Đại học Gakuen Tokyo) hiểu là *khoảng cách mờ nhạt* (The distant), Peter A.Merel hiểu là dạng *thấp kém* (beneath form), James Legge dịch là *không màu* (colorless).

- Bác (bó): đánh, tát tai, bắt lấy.

- Hi (xi): hiêm, lạ, tĩnh mịch, không có tiếng (rare, beneath sound, soundless).

- Vi (wei): rất nhỏ, mảnh mai, không hình dáng. Các dịch giả phương Tây hiểu là *mơ hồ* (subtle, beneath felling) hoặc *bodiless* (không hình dáng).

- Cật (jé): căn vặn.

- Hỗn (hùn): trộn, lẫn lộn.

Toàn bộ câu trên Vương Bật chú: " *Vô trạng vô tượng vô thanh vô hưởng cố năng vô sở bất thông vô sở bất vắng bất đắc nhi tri cánh dĩ ngã nhĩ mục thể bất tri vi danh cố bất khả trí cật hỗn nhi vi nhất* " (không hình, không dáng, không tiếng, không vang tức là không gì không thông, không gì không đến, không bắt mà biết, càng không dựa vào lỗ tai, con mắt của mình không biết tên. Không thể cật vặn được tên, nên ta phải gộp lại làm một).

Nhìn mà không thấy là "*di*". Lắng mà không nghe gọi là "*hi*". Bắt mà không nắm lấy gọi là "*vi*". Ba cái đó không thể phân tách mà phải gộp lại làm một.

*Bình:*

Ba chữ *di*, *hi*, *vi* là những chữ mượn miễn cưỡng của Lão tử, cũng như chữ *đạo* và *đức*, để chỉ sự vi diệu của tự nhiên. Thậm nhuần nguyên lý của Đạo cũng giống như người nhạc sĩ nghe nhạc không lời, nhà họa sĩ xem tranh ẩn tượng. Họ có cái tai, con mắt thâm âm, thâm sắc rất cao, không cần dùng đến lời, đến hình dáng thực mà trong óc họ vẫn có sức truyền cảm mãnh liệt như nhìn thấy, nghe thấy tất cả. Chữ "*vi*" thường đi với chữ "*thúy*" tạo nên một hình ảnh vừa mảnh mai vừa yếu ớt vừa phải nâng niu, có thể bay đi mất như sợi tơ trên mái tóc thề.

Lý Bạch có bài thơ rất hay về cảnh chiều tà như sau:

暮 從 碧 山 下  
山 月 隨 人 歸  
卻 顧 所 來 徑  
蒼 蒼 橫 翠 微

*Mộ tông bích sơn hạ.*

*Sơn nguyệt tùy nhân quy.*

*Tức cô sở lai kinh,*

*Thương thương hoành thúy vi.*

Tạm dịch:

Chiều tà dưới chân núi,

Núi trăng cùng người về.

Đường qua ngoảnh nhìn lại,

Mờ xanh màu tái tê.

(Đỗ Anh Thơ dịch)

Vương Duy cũng viết về hạt mưa bụi (ta thường gọi hạt móc) rất hay:

山 中 原 無 雨  
空 翠 滴 人 衣

*Sơn trung nguyên vô vũ,*

*Không thú tích sơn y.*

Tạm dịch:

Núi sâu chẳng có mưa đâu,

Chỉ là sợi móc dính vào áo ta.

Đỗ Anh Thơ (dịch)

Tồn tại của sự sống, nói chung là sinh thái, sinh quyền trong trời đất rất mảnh mai, vi diệu. Không biết gìn giữ thì cũng giống như sợi móc trên vai áo Vương Duy mà thôi. Nâng lên là biến mất.

## 30. Loại bỏ dục niệm

塞 其 兌, 閉 (闭) 其 門 (门) 終 身 不 勤. 開 其 兌, 濟 (济) 其

# 事終身不救

*Phiên âm:*

**Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần. Khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cứu.**

*Chú giải:*

- Tắc (sai): bịt kín.
- Đoài (dùi), cũng có thể đọc là đoái như hoán đổi, hồi đoái, quẻ đoài. Ở đây có nghĩa là phát ra lời.
- Bế (bì): đóng.
- Môn (mén): cửa. Ở đây có nghĩa là tai, mắt.
- Chung thân (zhong shen): suốt đời.
- Cần (qín): khó nhọc.
- Khai (kai): mở
- Tế (jì) : khe hở, qua, sang.
- Tế sự (jì shì): xong việc
- Cứu (jiù): giúp đỡ, thoát nạn.

*Dịch:*

Ngậm miệng lại, bịt tai mắt thì suốt đời không khó nhọc Mở miệng ra, ôm lấy mọi việc thì không bao giờ thoát nguy được.

*Bình:*

Thế giới hiện nay đang từ một xã hội truyền thống chuyển mạnh sang xã hội tiêu dùng dựa trên công nghệ thông tin, nghe nhìn hiện đại. Tai chúng ta nghe được xa hơn, mắt chúng ta nhìn được dài và nhiều hơn. Nhưng theo quy luật thì diện đã phát triển, tất phải hẹp bề sâu.

Còn người đang bị quy luật toàn cầu hóa với thiết bị đa phương tiện (multimedia) chi phối quá mạnh khiến cho nhiều nơi nhiều lúc ta không biết ta yêu cái gì, ghét cái gì, cần cái gì, làm cái gì nữa! Bởi vậy, ta luôn luôn bị tác động của hiện tượng phản cảm. Nghe nhiều, nhìn nhiều thì đâm chán ghét. Làm việc nhiều khi không có chủ đích, không tự chọn lựa mà theo trào lưu. Đó là mặt trái của cuộc sống tinh thần và vật chất hiện nay. Còn người không còn phút giây nào để ngậm miệng, bịt mắt lại như Lão tử nói mà luôn luôn đứng trước tấm gương đa chiều, trên sàn nhảy, mùa may quay cuồng với loa đài khuếch đại hết mức. Đây là sự ô nhiễm về tiếng ồn, về hình ảnh làm cho con người bị nhiều chứng bệnh phân tán, rối loạn tinh thần mà ta quen gọi là stress. Theo ước tính, trong mỗi con người bình thường hiện nay đã có tới gần 30 % suy nghĩ và hành động hăm hăm, lăm lăm.

Nhưng những câu nói như trên của Lão tử không thể lọt tai thanh niên thời đại hiện nay. Việc học tập, làm việc của họ đều giảm sút. Đời người là có hạn và đến khi ta thấy những cuộc vui chơi trên màn hình, chơi game thâu đêm là vô bổ thì đã quá muộn. Bởi vậy các bạn thanh niên hãy cố gắng dành mỗi ngày mười mười lăm phút đọc một vài câu nói của các triết gia, nghe một đoạn nhạc cổ điển, đọc một mẩu truyện ngắn nổi tiếng trước khi đi ngủ hoặc trong khi đi dã ngoại. Làm được như vậy là chúng ta đã kéo lại được chút cân bằng cho cuộc sống vậy.

## 31. Thấy đầu mà không thấy đuôi

迎之不見其首隨之不見其後

*Phiên âm :*

## Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu.

### *Chú giải:*

- Nghênh (yíng): đón.
- Thủ (shǒu): đầu.
- Tùy (súi): theo.
- Hậu (hòu): sau.

### *Dịch:*

Đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi

### *Bình:*

Rồng là một con vật huyền thoại, lúc ở trên ruộng, lúc bay lên trời. Nó tượng trưng cho uy lực của bậc đế vương.

Theo truyền thuyết nó có thể làm mây làm mưa giúp đời nhưng trên lưng có một cái vảy ngược nên rất tàn bạo. Có thể đây là loài khủng long thời cô sống ở đầm lầy và có khả năng bay đi kiếm mồi trên không. Không tử sau khi tiếp kiến Lão tử, đã nói với học trò rằng: "Lão tử như con rồng có thể thấy đuôi mà không thể thấy được đầu". Họa sĩ khi vẽ rồng thường không bao giờ vẽ hết, chỉ vẽ có đầu và đuôi còn giữa là mây. Đạo của Lão tử cũng như hình ảnh con rồng đang bay. Dừng tai, mắt và tay đều không thể nắm bắt được hình trạng của nó.

## 32. Uyên sâu không dễ nhận biết

古之善為道<sup>(1)</sup>者,微妙玄<sup>(2)</sup>通,深不可識.

(1) Theo sách của Vương Bật cũng như của các tác giả khác thì đây là chữ 士 (sĩ) và (2) là chữ 元 (nguyên thông). Còn *Lão tử dịch văn* thì (2) ghi là 玄 達 "huyền đạt".

### *Phiên âm:*

**Cổ chi thiện vi đạo giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức.**

### *Chú Giải:*

- Sĩ (shì): có nhiều nghĩa, là lính, là kẻ sĩ, là học trò. . .

Diệp Châu (tác giả Lão tử đích trí tuệ) đã đổi lại thành *Đạo*.

Ở Trung Quốc xuất hiện một bản in của giáo sư Hùng Lương Sơn chủ nhiệm khoa triết Đại học cơ giới Hoa Trung đã gây nhiều tranh cãi giữa các giới Lão học Đài Loan, Hồng Công và Hoa lục. Ông dịch chữ sĩ là binh lính.

Đây là những cách hiểu sai ý của Lão tử. Soạn giả theo cách hiểu của Nguyễn Duy Cần, James Legge đã dùng chữ masters để diễn đạt ý của chữ "sĩ".

- Vi diệu huyền thông (wei miáo xuán tong): hết sức màu nhiệm, sâu sắc, tinh tế. James Legge dùng

cụm từ *subtile, spirite, profound and penetrating*.

- Thâm (shen): sâu sắc.
- Thức (shi): hiểu.

*Dịch:*

Những người nghiên cứu hiểu rất tinh tế thông suốt cái vi diệu của Đạo. Vì nó sâu sắc nên khó dò, khó hiểu.

*Bình:*

Ở đây có những ý niệm khá mâu thuẫn như "*vi diệu huyền thông*" nghĩa là tinh tế thần bí nhưng lại dễ thông suốt, hoặc "*Thâm bất khả thức*", lập luận như thế nào cũng dễ sa vào lúc nhất nguyên luận, lúc nhị nguyên luận như câu nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật vậy.

Người đọc ngày nay chỉ nên tìm trong đó những giá trị thực tiễn tức là khái niệm hự dụng, quân bình trong triết lý của ông mà không nên câu nệ vào cái mâu thuẫn trong cách diễn đạt dễ trở nên diễn đạt sai ý của người xưa. Khái niệm của Lão tử sau này được Trang tử mở rộng còn nhiều ý, bề ngoài mâu thuẫn hơn nữa. Ví dụ "*độn đao dị cát*", nếu ta cứ hiểu đúng theo câu chữ thì phải dịch là dao cùn dễ cắt nhưng như thế sẽ không thông mà phải dịch là dao cùn dễ đứt tay. Tại sao vậy ? tại vì dao cùn gây cho chúng ta tâm lý chủ quan.

Tô Đông Pha lúc còn nhỏ đi chơi núi Nga Mi gặp một vị sư già đang mài dao phía cán, ông ngạc nhiên hỏi thì nhà sư kia chậm rãi trả lời: " mài như thế này cho khỏi đứt tay ". Tô Đông Pha không hiểu. Khi về già trải bao thất bại, thử nghiệm đường đời, ông mới hiểu ra rằng nhà sư có ý khuyên mình không nên tỏ ra quá sắc sảo dễ mang nhiều hệ lụy.

Việt Nam ta có chuyện Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt giữa đường. Vì mãi nghĩ đến binh pháp nên khi quân lính Trần Hưng Đạo đi qua không tránh đường. Quân sĩ lấy giáo đâm vào đùi chảy máu lênh láng vẫn không biết. Trần Hưng Đạo thấy lạ xuống kiệu hỏi mới phát hiện ra một tướng tài. Về sau ông lập nên nhiều chiến công và được Trần Hưng Đạo gả con gái nuôi cho.

Chuyện đây mâu thuẫn, có vẻ như không thật, nhưng đây lại là một cái cớ để tiện thân của dũng sĩ. Lão tử cũng vậy. Nói ngược là một cách để cho người đời suy nghĩ sâu để mà hiểu. Nếu không muốn cho ai hiểu cả thì ông cứ việc vào núi mà sống, cần gì phải viết ra Đạo đức kinh?

### 33. Không bị kích nộ

善 為 (为) 士 者, 不 武; 善 戰 (战) 者, 不 怒; 善 勝 (胜) 敵 (敌) 者, 不 與 (与)

*Phiên âm:*

**Thiện vi sĩ giả, bất vũ: thiện chiến giả, bất nộ, thiện thắng địch giả, bất dữ.**

*Chú giải:*

- Vũ (wǔ): vũ lực
- Chiến (zhàn): chiến trận.
- Nộ (nù): kích nộ, giận.
- Thắng (shèng): thắng, hơn.
- Dữ (yǔ): cùng, đối mặt.

Tướng biết dùng binh không thiên về vũ lực, người biết đánh trận không dễ kích nộ; kẻ chiến thắng thường không đối mặt với kẻ địch.

*Bình:*  
Tướng quen chiến trận thường dùng mưu lược hơn là dùng xương máu của quân lính, không dễ bị kích động dễ sa vào kế của địch. Thế trận cũng như thế cờ, khi tấn công phải biết phòng bị chặt. Bài học ở Phàn Thành của Quan Công là bài học để đời: vì chủ quan mà ông đã rút hết quân ra mặt trận đánh Tào để cho Lã Mông đánh úp Kinh Châu. Trong chuyện Tam Quốc, kẻ đến tướng tài ta phải tôn Tụ Mã Ý và Tào Tháo, Tụ Mã Ý thà chịu nhục, nhận chiếc váy đàn bà mà không dàn quân đối mặt với Khổng Minh vì ông biết rằng Khổng Minh tuy mưu lược đó nhưng nôn nóng. Quân lương ít nên trước sau cũng phải rút khỏi Kỳ Sơn.

Nhìn thế trận ta phải nhìn toàn cục chứ không thể manh động. Phải biết củng cố, gìn giữ sức dân mà không dựa vào sức mạnh nhất thời. Quang Trung kiệt kiệt như vậy, đánh cho Nguyễn Ánh tơi bời chạy ra tận đảo Phú Quốc, nhưng chỉ vài tháng sau khi ông rút quân thì Nguyễn Ánh tuy thua, nhưng quân lực dần dần lại mạnh lên.

Lão tử không phải là nhà quân sự, nhưng có thể là một mưu sĩ. Triết lý *bất vũ, bất nộ, bất dĩ* của ông dành để cho những nhà chiến lược quân sự tham khảo. Vì suy cho cùng thắng lợi của chiến tranh - một hành động bất đắc dĩ - không phải là ở vài trận đánh, chiếm đất chiếm thành mà là cuộc chiến vì mục đích thu phục lòng người và vì hạnh phúc con người.

Ngày nay người ta đang hù dọa nhau bằng bom nguyên tử. Đó là những hành động giả trá, man rợ. Nếu để cho những cái đầu thiếu tinh táo này, xem mạng sống con người như cỏ rác, có cơ hội hành xử thì loài người sẽ bị tận diệt. Nước có lượng Plutonium chỉ đủ sản xuất một vài quả bom hạt nhân với nước có đến 100 quả bom đều có khả năng gây ô nhiễm quả đất như nhau vì đó là ngòi nổ dây chuyền. Ta cứ nhìn thảm họa Hiroshima, Nagasaki và Chernobyl thì đủ rõ. Vì vậy, nay đã đến thời đại Nhu thắng Cương của Lão tử rồi vậy. Chỉ còn lại là ở giải pháp mà thôi.

34. Đục mà hóa trong.

濁 以 靜 之, 徐 清. 安 以 動 之, 徐 生<sup>(1)</sup>

*Phiên âm:*  
**Thục dĩ tĩnh chi, từ thanh. An dĩ động chi, từ sinh.**

(1) Câu này của Diệp Châu khác hoàn toàn với nguyên bản của Vương Bật và Lão tử dịch văn như sau:  
孰 能 濁 以 靜 之 徐 清 孰 能 安 以 久 動 (动) 之 徐 生  
(Thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh, thục năng an dĩ cửu động chi từ sinh.

*Chú giải:*  
- Thục (shú): ai  
- Năng (riêng): có thể.  
- Trọc (zhúo): đục  
- Chi (zhì): ngừng  
- Tĩnh (jìng): lặng

- Từ (xù): thông thả, chậm rãi.
- An (an): yên lành.
- Cửu (jiu): lâu dài.
- Động (dòng): hoạt động, ngược với tĩnh.
- Sinh (sheng): sống, sản sinh.

*Dịch:*

Ai có thể dừng lại ở đục, phải lắng mới từ từ trong. Ai có thể yên lành lâu dài, động mới có thể từ từ sinh ra.

*Bình:*

Đục là trạng thái có vật chất rắn lơ lửng trong nước. Do đó phải có quá trình lắng rồi mới trong được.

Nhưng yên lắng là trạng thái nghỉ. Phải có động mới sản sinh cái mới.

Không khí chứa hơi nước không lưu chuyển, không đổi lưu thì không bao giờ gây ra mưa được. Nước mà không lưu chuyển sẽ không có thể năng, không quay tua bin, tạo ra điện. Con người, các động vật . . .mà không giao phối thì không sinh con đẻ cái. Đèn như loài hoa cỏ cũng phải nhờ đèn gió, đèn chim muông, dòng nước . . .mới đưa được các phôi tử đến nơi có điều kiện sinh thái mới mà gieo mầm. Đó là quy luật cân bằng của tự nhiên, sinh tồn trong cạnh tranh.

Mọi vật không thể sống trong trạng thái tĩnh hoàn toàn, cũng không thể sống trong động hoàn toàn. Ngay như biển cả mênh mông, nếu không có sóng tạo ra ôxy thì các loài cá cũng chẳng sống nổi. Quy luật động - tĩnh là quy luật của sự sống và cái chết. Sống chết diễn ra từng phút từng giây trong mọi cơ thể chúng ta. Ta sống tức là khi ta đang ở trong trạng thái cân bằng, tế bào chết bị đào thải để cho tế bào non mới sản sinh.

Một xã hội không phát triển hay là không cân bằng là xã hội đó không có khả năng thải loại cái cũ để ượng mầm cái mới. Không có một xã hội nào hoàn mỹ cả, trong lành cả. Cũng không có xã hội nào xấu, đục cả mà chỉ có xã hội năng động hay kém vận động mà thôi. Năng động thì tiến nhanh, tiến xa, còn kém vận động thì tiến chậm. Do đó bị tụt hậu một cách tương đối. Tuy nhiên, lạc đường thì chậm lại hơn phát triển nhanh, ví dụ như vấn đề công nghiệp hóa nếu phát triển những công nghệ tốn nhiều nguyên liệu, năng lượng không tái tạo, tốn nhiều lao động như hiện nay thì thà rằng bảo tồn lao động thủ công, cơ bắp không bị ô nhiễm. Bởi vậy, chúng ta rất cần người tài, biết quản lý, biết dự báo xu hướng phát triển của thời đại.

## 35. Biết bổ túc hay chế ngự bản thân mình.

高者抑下, 下者舉(举)之, 有餘者損之, 不足者補(朴)之.

*Phiên âm:*

Cao giả ức hạ, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi.

**Chú giải:**

- Ưc (ỳ): nén xuống.
- Cử (jủ): rướn lên.
- Dư (ýu): thừa.
- Tồn (củn): đẽo bớt, giảm bớt
- Túc (zú): đủ.
- Bô (bủ): thêm, bù vào.

Cao thì cúi xuống, thấp thì ngược lên. Nếu dư thừa thì giảm bớt, không đủ thì bù vào.

**Bình:**

Đây là cách diễn đạt khác về lý thuyết cân bằng của Lão tử. Cao thấp là vóc dáng của con người, cây cỏ và thú vật. Nó mang tính di truyền do yếu tố của nòi giống và điều kiện hoàn cảnh sống. Nhưng về lâu dài mà nói, bằng biện pháp lai giống (crossié industriel), nuôi dưỡng . . . chúng ta cũng có thể cải thiện được. Từ xưa, người Nhật đều mang tiếng là lùn. Nhưng nửa thế kỷ nay chiều cao dân Nhật đã được nâng cao. Người Việt Nam ta cũng vậy, chiều cao trung bình của nam nữ thanh niên hiện nay đang được cải thiện. Xã hội hiện đại, lao động đã trở thành hàng hóa. Nhiều công việc như lái máy bay phản lực, máy xúc, vận động viên bóng đá, bóng chuyền. . . rất cần có chiều cao. Chiều cao và gương mặt dễ coi trở thành tiêu chuẩn số một và có giá của các tiếp viên hàng không du lịch, người mẫu v v . Điều đó ta không thể phủ nhận.

Mạc Đĩnh Chi ứng đáp giỏi nhất trong kỳ thi đình nhưng do bộ mặt xấu xí, vua không muốn lấy đỗ trạng nguyên. Nhưng sau nhờ bài *Ngọc tỉnh liên phú* mà vua gương cho đỗ đầu. Đi sứ gặp bao khó khăn về đối đáp, cuối cùng vua Trung Hoa cũng phải phong thêm học hàm cao quý này. Ông trở thành lương quốc trạng nguyên trong lịch sử Việt Nam.

Nhưng nay trong thời đại ưa chuộng hình thức, một nguyên thủ quốc gia, một bộ trưởng ngoại giao mà thấp lùn, xấu dạng, dù tài giỏi đến mấy, khi đứng trước ống kính cũng tự nhiên kém đi về bề thế.

Trong cuộc sống, *tồn kỳ dư, bô bất túc* là một quy luật loại trừ và bổ sung cần thiết. Có loài này thì phải có giống kia để tạo thế cân bằng. Ta cần có mèo, rắn. . . để kìm hãm sự phát triển của loài chuột.

Một số nước nhất là ở châu Á đang đứng trước nguy cơ dân số phát triển quá nhanh. Nhưng chắc chắn rằng sẽ có quy luật tự nhiên (điều kiện sống, sinh lý và tâm lý) kìm hãm lại chứ không phải là chính sách can thiệp chủ quan, chỉ cho đẻ một con của Nhà nước. Sẽ đến lúc ta mong có đứa con thứ hai mà không được như ở Pháp, Nga . . . hiện nay. Dân số giảm, người già tăng lên. Anh hiện nay đang chuẩn bị đưa ra dự luật tuổi về hưu là 68. Vì ở các nước phát triển, tỷ lệ người già rất cao. Về hưu sớm sẽ không góp đủ tiền bảo hiểm để nghỉ nữa. Cũng có thể gọi đó là quy luật đẩy- kéo (Push - pull) tự nhiên vậy. Nghe nói, nước ta đang định đưa ra dự luật hạ thấp mức đóng thuế thu nhập cao xuống ba triệu đồng và nghĩa vụ đóng thuế 5% từ 1 triệu đồng trở lên. Thật đây mâu thuẫn. Bởi vì ở nước ta đang có một nghịch lý là đa số thanh niên có học thì thất nghiệp, làm công tháng chỉ trên một triệu đồng. Nếu có đứa con gửi nhà trẻ xem như không đủ. Trong khi đó một bộ phận không nhỏ phi sản xuất, thì về hưu hưởng tới mức gần ba triệu đồng. Nếu kéo dài tuổi về hưu như các nước thì thêm bất công, vì số này không thể đào tạo lại được. Bài toán chưa có lời giải là ở đó.

## 36. Cuộc sống hư tĩnh.

致 虛 極 (扱) 守 靜 篤 (笃)

**Phiên âm:**

**Trí hư cực, thủ tịnh đốc.**

*Chú giải:*

- Trí (zhì): hết, suy đến cùng tận.
- Hư (xū): hư, trống rỗng (empty), trừu tượng
- Cực (jí): tận cùng.
- Thủ (shǒu): giữ.
- Tĩnh (jìng): lặng.
- Độc (dù): trung thực, toàn tâm toàn ý, chăm sóc (như chữ đốc học).

*Dịch:*

Đạt tới chỗ tận cùng của Hư là giữ được mình trong cái Tĩnh.

*Bình:*

Hư ở đây không có nghĩa hoàn toàn là bầu hư không mà là trạng thái sạch không, không còn tạp niệm, không vương vấn với tục lụy. Có *Hư* mới có *Tĩnh* tức là Đạo.

Trang tử mở rộng khái niệm *Hư - Tĩnh* này của Lão tử ông gọi là "*Vong Vong*". "*Nhân bất vong kỳ sở vong, nhi vong kỳ sở bất vong*" (tức là người ta không quên cái gì quên mà quên cái gì không quên).

Đây cũng lại là một triết lý của sự sống. Nếu như loài người không bao giờ quên được những hoài niệm, thì cũng không bao giờ nhớ được những ý tưởng mới nảy sinh.

Ngày ngày nhắc lại những cái mà xã hội đã quên, đã xem là dĩ vãng, đã xóa đi khỏi cuộn phim ký ức là công việc vô ích. Điều này lý giải tại sao những bài thuyết giảng tràng giang đại hải của các nhà sư hoặc các tu sĩ Cơ đốc giáo không còn hấp dẫn với thanh niên tri thức nữa mà chỉ còn có thể mê hoặc lớp người già ít học bằng cảnh thiên đàng địa ngục mà thôi. Tuy nhiên, con người khác với con vật, cần có cuộc sống tâm linh, cần có những giây phút hư tĩnh.

Nay họ thường tìm đến kinh Dịch, đạo Lão, đạo Tin lành . . .  
hơn Cơ đốc giáo là vì lẽ họ muốn gần với thiên nhiên, mơ tưởng đến những phép màu mới, muốn cứu rỗi . . . mà không bị câu thúc nặng nề bởi nhiều kinh kệ giáo lý bảo thủ.

## 37. Sự sống và cái chết.

人 之 生, 動(动)之 於(于)死 地, 亦 十 有 三.

*Phiên âm:*

**Nhân chi sinh, động chi ư tử địa diệc thập hữu tam.**

*Chú giải:*

- Động (dòng): hoạt động. Đây nghĩa là sống.
- Tử địa (sǐ dì): cõi chết

- Thập hữu tam: Vương Bật chú là: "*do vân thập phân hữu tam phân thụ kỳ sinh đạo*" (nghĩa như là nói đời người mười phần thì có ba phần thụ nhận lẽ sống). Diệp Châu cũng dịch như vậy. Nhưng ta đã từng gặp câu nói của Không tử: "*Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học*" (nghĩa là ta mười lăm tuổi đã

chuyên tâm học tập) (xem "*Những câu nói bất hủ*" của Không tử tập 1 - Đỗ Anh Thơ - NXB Lao động - Xã hội 2006) thì đây phải dịch là mười ba. Nguyễn Duy Cần dịch là 13 và giải thích là *hư, vô, thanh, tịnh, nhu, nhược, từ niệm, bất cảm, vi thiên hạ tiện, tri túc, tri chỉ, bất dục, đắc vô vi*. Hàn Phi Tử lại cho là *tứ chi* (tay chân) với *cửu khiếu* (hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng, hậu môn, sinh thực khí). Trong "*Đạo đức kinh chú giải*" ở trên mạng, thiền sư Viên Phổ giải thích: đó là số thất tình và lục dục của con người. Bảy tình là: *hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ác, dục* (vui, giận, thương, sợ, yêu, ghét, ham muốn) và sáu ham thích là: sinh, tử, nhĩ, mục, viêt, khứ (thích sống, sợ chết, tai nghe, mắt thấy, miệng nói, mũi ngửi). Xét cho cùng, đây là cách lý giải của người đời sau. Ta vẫn chưa thật rõ ý con số 13 của Lão tử. Vị Lão tử nói: "*sinh chi đồ thập hữu tam. Tử u đồ thập hữu tam*" (Đường sống có mười ba. Đường chết cũng có mười ba). Vậy số mười ba của đường chết là gì?

*Dịch:*

Người ta sinh ra sống cho tới cỗi chết cũng có mười ba.

*Bình:*

Người ta thường nói: "*nhân sinh tại thế, tự thị đồ cá danh*" nghĩa là người ta sinh ra ở đời là mưu đồ cái danh.

Nguyễn Công Trứ lặn dận chốn quan trường là thế mà cũng nói: "làm trai phải có danh gì với núi sông". Nhưng đây là những nhà nho, chủ trương nhập thế, coi trọng sự sống và danh vọng. Còn đối với Lão tử thì sao? Ông quan niệm "*xuất sinh nhập tử*" (sống là cửa vào cỗi chết, chết là cửa vào cỗi sống) và "*dĩ sinh sinh chi hậu*" (không nên coi nặng sống chết) mà nên biết *nhiep sinh* (tức là thu tinh thần giữ điều hòa sự sống). Ngủ là một hiện tượng *nhiep sinh* tự nhiên. Ngày nay ta ngồi thiền, nhập tĩnh, tập hít thật sâu thật chậm, loại bỏ tạp niệm, tập trung tinh thần vào đan điền, (vùng rốn). . . đều thuộc thuật *nhiep sinh* tức là giữ cho sự trao đổi chất ở mức thấp nhất, não được nghỉ ngơi, tim đập chậm, thần kinh thư giãn. . . để kéo dài cuộc sống.

Nhưng có một câu hỏi khó lý giải là: thời gian của con người thì có hạn (một ngày chỉ có 24 giờ) nếu ta đã *nhiep sinh* tự nhiên đủ (ngủ sâu đúng 8 tiếng) thì thực tế ta chỉ còn có 8 tiếng làm việc, 8 tiếng cho sinh hoạt khác. Kéo dài thêm thời gian *nhiep sinh*, ngồi thiền, không suy nghĩ gì, thế còn thì giờ làm việc được bao nhiêu? Theo nhiều nghiên cứu, có những phát kiến của các nhà khoa học ra đời trong khi đang nghỉ ngơi, thí dụ Archimedes đang tắm thì tìm ra định luật sức đẩy của nước. Newton đang ngồi nghỉ dưới gốc táo bỗng tìm ra định luật sức hút của vạn vật.

Đó là chính lúc nghỉ, bộ óc ta đang hoạt động theo chiều sâu ảo tưởng, ảo giác, mộng mơ, tưởng tượng . . . chứ không phải nghỉ hoàn toàn. Vào khoảng 1950, Cleyman (Mỹ) dùng điện não đồ phát hiện ra rằng giấc ngủ con người cũng như các động vật khác, không giống như trạng thái hôn mê thần trí. Lúc này hoạt động đại não ở hai trạng thái, hai phương thức ngủ khác nhau, ta gọi là giấc ngủ phi nhân động (mắt không chuyển động) tức giấc ngủ sâu và giấc ngủ nhân động (mắt chuyển động) tức giấc ngủ nông hoặc giấc ngủ mộng mị. Đi vào giấc ngủ rất giống như ta bước xuống thêm tầng hầm sâu vậy. Ở bậc thêm thứ ba và thứ tư, nhịp thở hết sức bình ổn, tim đập đều, đường sống lớn (sóng delta) của não thấy rất rõ. Ở bậc nông, vỏ đại não vẫn hoạt động và ta thường thấy mộng. Nhiều khi thấy những giấc mộng khủng khiếp, não phát tín hiệu tới thần kinh tủy sống, nhưng các chi đã nghỉ. Vì vậy, nhiều người nằm mê, bị "mộc đê" nhưng không kêu được, cử động được là hiện tượng này. Cũng có khi ta mơ tới việc làm đã qua, nghĩ ra những ý tưởng rất mới lạ. Giới văn nghệ sĩ và các nhà khoa học thường sống trong trạng thái này. Họ sáng tác nên những vần thơ, bản nhạc hay, những định luật. . . vào lúc trước giấc ngủ sâu hay sau khi dậy, đang nửa tỉnh nửa mê.

Nhưng những ý tưởng sáng tạo đó thường vụt hiện, vụt mất nếu ta không kịp thời ghi chép lại.

Con người có giấc ngủ nửa tỉnh có lẽ cũng giống như loài chim, khi ngủ thường đứng một chân, mắt nhắm chập chờn là tập tính nguyên thủy, đề phòng kẻ thù.

Thuật *nhiep sinh* ví dụ như khi ta khó ngủ thì ta phải cắt hết mọi ý nghĩ, thở thật đều, thật sâu, thiền định ở trạng thái nằm . . . ta mới có thể tạo nên giấc ngủ ngon được. Giấc ngủ ngon là giấc ngủ sâu. Nếu con người mỗi ngày đã ngủ đủ tám tiếng (kể cả khoảng nửa tiếng vào buổi trưa) thì hiệu suất làm việc cả ngày hôm đó rất cao, không cần có thời gian *nhiep sinh* thêm. Ngủ đủ 8 tiếng mà vẫn thêm ngủ, đọc sách cứ riu mắt lại, thì ta phải đề phòng đó là bệnh lý. Ví dụ như bệnh cao huyết áp, tim mạch . . .

Sự thực, ta chỉ nên kéo dài tuổi thọ khi ta còn có ích cho đời, đầu óc còn minh mẫn, chưa trở thành

hình ảnh đáng thương trong con mắt mọi người. Cho nên:

*Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,  
Bất hủ nhân gian kiến bạch đầu.*

(Người đẹp xưa cũng như danh tướng, không muốn cho người đời thấy mình khi đầu đã bạc).

Không nên kéo dài tuổi thọ thực vật, cũng không nên kéo dài tuổi thọ kinh nghiệm bảo thủ . . . Đó chỉ là tham sông sợ chết, làm vật cản bước tiến của xã hội mà thôi. Phải tôn trọng quy luật thay thế và đào thải tự nhiên.

Chúng ta thường nghe câu:

*Điềm đạm hư vô,  
Chân khí tàng chi.  
Tĩnh thần nội thủ,  
Bệnh an tàng lai.*

(Sống điềm đạm, giữ cho lòng trống rỗng. Tĩnh thần giữ ở trong thì bình yên, chân khí theo về, sẽ yên bệnh) Hoặc:

*Thanh tâm, quả dục luyện thần* (luyện cho lòng trong sạch, hạn chế ham muốn, luyện tập tinh thần).

Hải Thượng Lãn Ông có khuyên ta rằng:

*Bán dạ nhâm hơi tửu,  
Bình minh nhất trản trà.  
Nhất nguyệt dâm nhất độ,  
Lương y bất đảo gia.*

(Nửa đêm uống một chén rượu, Sáng ra dùng một chén trà, Một tháng một lần chăn gói, Thầy thuốc không phải thăm ta).

Đó là những lời khuyên rất quý của nhà y học đã thâm nhuần triết lý cao siêu của Lão tử đối với lớp người đã bước sang dốc bên kia của cuộc đời, muốn còn thời gian sáng suốt, tổng kết kinh nghiệm giúp cho lớp trẻ.

## 38. Sự quay trở về gốc.

萬(万)物 並 作, 吾 以 觀(观) 其<sup>(1)</sup> 復(复)

*Phiên âm:*

**Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục**

(1) Sách của Vương Bật và các tác giả khác không có chữ "kỳ".

*Chú giải:*

- Vạn (wàn): mười nghìn
- Vật (wù): vật
- Tịnh (bìng): cùng, hợp, sánh vai nhau.
- Tác (zuò): làm, tác động.
- Ngô (wú): ta. Lão tử tự xưng.
- Dĩ (yǐ): lấy đó, dựa vào đó.
- Quan (guān): xem.
- Phục (fù): trở lại, sự trở về gốc, căn nguyên (root).

*Dịch:*

Vạn vật đều cùng sinh ra (xoắn xuýt lại với nhau) rồi ta lại thấy nó trở về gốc.

*Bình:*

Leggs thêm vào chữ *bloom* (xoắn xuýt lại với nhau) làm cho câu văn thêm sáng lên rất nhiều: *All the ten thousand things arise, and I see them return. Now they bloom in bloom but each one homeward returned to its root.*

Vương Bật chú: "*dĩ hư tĩnh quan kỳ phản phục phàm hữu khởi ư hư, động khởi ư tĩnh cố vạn vật tuy tĩnh động tác tuy phục quy ư hư tĩnh thì vạn vật chỉ cực đốc dã* " (từ hư tĩnh mà quan sát sự trở về ta thấy phàm là có bắt đầu từ không, động khởi từ tĩnh, cho nên vạn vật mới tới chỗ cực điểm vậy).

Theo Lão tử, ở trạng thái động, trạng thái có là trạng thái bệnh, trạng thái hỗn loạn, rồi như trăm mối như tơ vò. Ta phải quay trở lại *tĩnh hư*, Đạo tức là trở về nhất nguyên. Tiếc thay, như trên đã nói, một thì không thể phát triển, chỉ có chia 2 rồi mới có thể biến thiên tới 4, 8 tới vô cùng của vạn vật.

Ngày nay con người đã khám phá ra sự phân chia của tế bào, đã có thể nhân bản vô tính (cloning) cừu, dê, bò, mèo, chó . . . Con người cũng từ động vật mà ra. Tất nhiên khoa học sẽ tới lúc có thể nhân bản vô tính người (human cloning) nhưng có thể nhân bản được tư duy người hay thông hay là sẽ làm cho con người trở lại thành con vật có hình dáng người?

Bởi vậy mà vấn đề triết học đạo đức cấp thiết phải lược đặt ra trước khi chưa quá muộn.

Anh phi công ném quả bom nguyên tử xuống Hiroshima sau đã phát điên. Nhà khoa học nuôi được trứng thụ thai trong ống nghiệm tới tháng thứ 6 đã loạn trí và sau đó phải hủy cái thai đi. *Triết học đạo đức* chính là luật đi đường để con người khám phá tự nhiên, lợi dụng quy luật cân bằng của tự nhiên chứ không phải tạo ra tự nhiên một cách chủ quan như nhiều người lầm tưởng.

Đức tin về một đấng tạo hóa, về cuộc sống tâm linh chắc chắn sẽ còn mãi mãi, kể cả đối với giới khoa học gia nghiên cứu về nhân bản vô tính tế bào gốc của con người.

Nó sẽ có tác dụng làm cho con người bớt kiêu ngạo, bớt làm càn quấy. . . để khỏi bị tận diệt bởi con dao sắc "khoa học công nghệ".

## 39. Không kể công lao

功成事遂百姓皆謂我自然

*Phiên âm:*

**Công thành sự toại, bách tính giai vị ngã tự nhiên.**

*Chú giải:*

- Công (gong): công việc, công ơn.
- Thành (chéng): xong, thành công.
- Sự (shì): việc
- Toại (sui): vừa ý, đang đến, sắp thành công.
- Bách tính (bại xing): trăm họ, dân chúng.
- Giai (jiè): đều.
- Vị (wei): nói.
- Ngã tự nhiên (wǒ zì rán): tự nhiên như chính mình.

Câu *Bách tính giai vị ngã tự nhiên* Vương Bật chú là:

"*Bách tính bất tri kỳ sở dĩ nhiên dã*" (nghĩa là: dân chúng không biết mà cho rằng tự nhiên có như vậy).

Legg dịch là *The hundred families thought: We are independent* (trăm họ đều cho rằng: ta độc lập không lệ thuộc ai).

*Dịch:*

Làm xong công việc cho dân chúng mà để cho dân chúng đều tưởng rằng tất nhiên đó là họ tự làm ra.

*Bình:*

Có thể hiểu câu "*bách tính giai vị ngã tự nhiên*" của Lão tử theo nhiều tầng ngữ nghĩa:

- Dân chúng đều cho rằng thành công là tự nhiên, là lẽ trời.
- Đạo tự nhiên giúp họ thành công.
- Cần quy thành công đó cho tự nhiên chứ không quy công cho cá nhân, người hay thần thánh.

Thường thường, từ xưa đến nay ta vẫn thường quy công cho thượng đế, đức Phật, ông trời . . . Câu đầu cửa miệng của họ là ơn chúa, ơn trời.

Như vậy tầng ngữ nghĩa thứ ba mới là triết lý thâm thúy nhất, đúng theo học thuyết *vô vi* tức là *vô nhân vi* của Lão tử. Theo ông không nên quy công và cũng không cần quy công. Thiên nhiên tuy cho đây nhưng rồi lại lấy đây một cách vô tình. Không phải *xin- cho*. Ta càng không nên quy công cho vua chúa, quan lại như thuyết *hữu vi*. Nhưng ở đời không kể công lại được dân chúng nhớ công. Còn kể kể công chưa chắc đã được người sau biết đến.

Dân ta cũng như nhiều nước trên thế giới đều có tục lập đền thờ tế trời đất (thiên thần) và người có công (nhân thần).

Đoãn Văn Tử đời Chiến quốc có viết một câu chuyện đầy tính triết lý: Câu Tiễn, vua nước Việt bị

Ngô Phù Sai lấy mất nước. Ông chịu nằm gai nếm mật, nung nấu chí phục thù. Nhưng quân sĩ vẫn khiếp sợ Ngô. Một hôm ông ta đi đường gặp và đá phải một con cóc. Con cóc quay lại phùng mang trợn mắt chống trả. Ông xuống ngựa vái nó và biểu dương ý chí dũng mạnh của con vật bé nhỏ đó trước quân sĩ. Binh lính thấy thế, tinh thần đều phấn chấn hẳn lên, không sợ nữa và đánh đâu được đó. Cuối cùng đã đánh bại Ngô, giành lại đất nước.

Tạ An vốn là một ẩn sĩ đời Đông Tấn của Trung Quốc. Ông đã từng chỉ huy quân sĩ nhiều lần đánh bại quân Tiền Tần rồi lại lui về ở ẩn. Có một lần ngao du trên biên, ông cùng bạn gặp bão. Mọi người đều kêu la, nhưng Tạ An cứ bình thản như không. Ông nói với người lái thuyền:

"Hãy cứ bình tâm xem như không có chuyện gì xảy ra cả."

Nhớ như bây giờ ai đang bay lượn kia, cắt ngang sóng gió mà đi". Người lái thuyền làm theo. Quả nhiên cả đoàn người đều thoát hiểm.

Người hiểu biết, sống bình thản coi thường mọi hiểm nguy thì phần lớn sẽ thành công trong cuộc đời. Công thành sự toại là ở đó. Thất bại không nản, thành công vẫn không kiêu căng. Đây là những người có ý chí.

Lão tử còn nói "*Công thành danh toại thân thoái, thiên chi đạo*" nghĩa là: công danh hoàn thành thì thoái lui đó là cái Đạo của trời.

Thánh nhân dạy vậy nhưng có mấy ai thực hiện được ?

## 40. Lời nói đẹp, hành động đẹp

美言可以市尊,美行可以加人

*Phiên âm:*

**Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn, mỹ hành khả dĩ gia nhân.**

*Chú giải:*

- Mỹ (mễ): đẹp.
- Ngôn (yán): lời.
- Thị (shi): chợ. Vương Bật chú là: "*Mỹ ngôn chi tắc khả đoạt chúng hóa chi giá* " (lời nói khéo thì chiếm được giá cao). Nguyễn Duy Cần dịch là *lợi*. Suzuki dịch là *sell* (bán), cũng tức là bán được giá.
- Tôn (zun): coi trọng.
- Hành (xíng): hành động.
- Gia (ja): thêm.

Ở đây có thể hiểu là: thêm nhiều người biết, cũng có thể hiểu là làm tăng giá trị con người. Hà Thượng Công chú là *biệt dị* (khác người).

*Dịch:*

Lời mời hay có thể bán được đắt giá. Việc làm hay có thể thêm nhiều người biết tới.

*Bình:*

Câu này Diệp Châu bỏ mất về sau: "*Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?*" (nghĩa là: người không tốt, ta có thể bỏ họ sao?) nên câu không trọn vẹn. Ý của Lão tử muốn nhấn mạnh rằng người tốt, lời nói đẹp làm cho con người tốt hơn. Nhưng người xấu, lời nói xấu ta cũng không thể bỏ qua. Huống hồ theo ông, lời đẹp phần nhiều là giả trá.

Không tử cũng có nói "*Xảo ngôn lệnh sắc, tiên hỷ nhân*" (lời nói bẻm mép rất ít khi có nhân).  
Tục ngữ Trung Quốc có câu: "*Thế thượng nan sự thiên thiên vạn, tối nan hoàn thị tác nhân nan*".  
Nghĩa là trên đời có vô vàn chuyện khó, khó nhất vẫn là chuyện làm người.  
Con người sống trong xã hội tức là sống trong mối quan hệ xoắn xuýt giữa các loại mâu thuẫn, lợi ích khác nhau, công cũng như tư. Ta không thể tin nổi những câu chuyện kể trước đây, có những đôi nam nữ sống hàng tháng trời trong rừng vắng mà không có hành động gì. Sự lừa dối bản thân chỉ có một mình mình biết. Không tử có nói: "*Quân tử thận kỳ độc*" nghĩa là người quân tử phải thận trọng khi ở một mình. Còn lừa dối sang địa hạt văn chương, văn nghệ là kéo dài cuộc sống không thật, là một căn bệnh nan y của toàn xã hội mà xuất phát là sự giao tiếp bằng mỹ từ, mỹ ngôn.  
Lão tử dùng chữ *thị tôn* (được đánh giá cao ở chợ) là tử cổ, nhưng rất đắt, giống như ngày nay ta nói về hàng chợ, đắt giá tại chợ vậy. Một món hàng từ chợ về nhà có khi chỉ cách có mấy bước chân mà giá trị chỉ còn lại một nửa. Thời Lão tử, thị trường chưa phát triển nhưng ông đã hơn một lần nói tới hàng hóa, tới con buôn trong tác phẩm bản về đạo của mình. Ngày nay chúng ta đang sống trong cơ chế thị trường. Hàng ngày đập vào mắt ta, tai ta . . . vô số quảng cáo. Toàn những mỹ từ, mỹ ngôn, mỹ cảnh cả. Do đó ta càng phải tỉnh táo, càng phải rèn cho tinh thần, thể xác ta đứng được ở thế cân bằng.

## 41. Đỉnh cao của học:

### Sống vô lo, hòa mình với tự nhiên

絕 學 無 (无) 憂 (忧)

Phiên âm:

Tuyệt học vô ưu.

Chú giải:

- Đây là một phần trong chương 20 của Đạo đức kinh
- Tuyệt (jue): dứt, hết. Như tuyệt tình, tuyệt tự, cao nhất, có một không hai (extreme).
  - Ưu (yiu): lo lắng.

Dịch:

Loại trừ cái học (của nho gia) đi thì không có gì phải lo lắng nữa.

Bình:

Chữ *tuyệt* ở đây của Lão tử có nghĩa thứ nhất. Vương Bật chú: "*hạ thiên vi học giả*" (hạ thấp cái gọi là sự học).

Suzuky dịch là *Abandon learnedness* (từ bỏ học vấn).

Nhưng Diệp Châu thì hiểu là "*tôi cao chí biệt đích trí giả*" (người có hiểu biết cao nhất), như vậy là sai với tư tưởng của Lão tử. Bởi vì bốn câu sau ông tiếp "*duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà, thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?*" (nghĩa là dạ với ới khác nhau chỗ nào, thiện với ác khác nhau ở đâu?) tức

là ông luôn luôn chống lại lối biện luận nhị nguyên như, *thiện - ác, quân tử - tiểu nhân* v.v... của các triết gia, học giả đương thời. Ông cho rằng càng hiểu biết thì con người càng hư hỏng. Vậy cho nên ông mới chủ trương vô vi tức là không can thiệp vào tự nhiên, sống gần thiên nhiên. Chủ trương của ông rất gần với một phái học giả hiện đại, chống lại công nghiệp hóa, công nghệ cao, tin học hóa v.v . . . Thật ra, vì quá nhân mạnh tới Đạo mà ông đã đi đến cực đoan.

Ngày nay, chúng ta nhắc lại ý kiến này của ông chỉ như là một cách điều chỉnh cần thiết của sự thái quá trong học thuật có tính duy ý chí, chủ quan, tuyệt đối hóa của con người mà thôi. Ví dụ những tranh cãi, chứng minh cái đúng, cái chân lý thuộc về- mình như duy vật với duy tâm, vật chất và tinh thần cái nào có trước chẳng hạn. Ta cần thấy cái hữu hạn của con người với cái vô hạn của tự nhiên để có thể vừa lòng với chính mình.

Mỹ là nước có nền khoa học kỹ thuật cao nhất thế giới. Họ đã có thể đưa người lên mặt trăng, cho tên lửa đáp xuống các vì sao xa xôi nhưng họ cũng đã bó tay trước sự tàn phá của cơn bão Katrina, chẳng khác gì những nước chưa phát triển cách đây hàng trăm năm vậy.

Nhà triết học Hy Lạp Diogenes O Sinopeus (404-323 TCN) có một lần đi tắm nắng cùng vua Alexander. Trong lúc vui, vua nói với ông: "Người có thể thỉnh cầu ta bất cứ một ân huệ nào!". Diogenes đang nằm trong thùng gỗ thò lưng ra nói: "Thần chỉ mong bệ hạ đừng đứng chắn mất ánh nắng của thần mà thôi". Alexander không ngờ Diogenes chỉ mong có thể nên thất vọng bỏ đi, còn nhà triết học nằm trong thùng, được ánh nắng trực tiếp chiếu lên thùng nên cảm thấy càng ấm hạn lên.

Một lần tắm nắng khác, sau khi Alexander hạ xong thành Athens, Diogenes hỏi vua sẽ tiếp tục làm gì nữa.

Alexander trả lời:  
-Ta sẽ đi đánh Ba tư.

Diogenes hỏi tiếp:  
- Sau nữa?

Vua trả lời:  
- Tận công Ai Cập !  
- Rồi sau nữa?  
- Chinh phục toàn thế giới.  
- Sau sau nữa?  
- Lúc đó ta sẽ thỏa mãn và yên vui tự tại ?

Diogenes hỏi: "Sao bệ hạ không thỏa mãn được ngay buổi tắm nắng hôm nay?" Alexander trừng mắt nhìn nhà triết học.

Diogenes đã chỉ cho nhà vua một chân lý, nhưng Alexander không muốn hiểu. Đó là: ta hãy thỏa mãn với cái hạnh phúc nhỏ nhoi mà thiên nhiên đã ban tặng như được tắm trên dòng suối quê hương, sưởi nắng sớm trên biên nghèo, cùng bà cụ già đi cào nghêu khi thủy triều xuống mỗi sáng. Ý nghĩa *tuyệt học vô ưu* của Lão cũng như triết lý của Diogenes đơn giản chỉ có vậy mà thôi!

## 42. Như sóng gợn yên tĩnh ngày đêm

澹 兮 其 若 海, 寂 兮 似 無 所 止

*Phiên âm:*

**Đạm hề kỳ nhược hải, tịch hề tự vô sở chỉ (1)**

(1) Bản của Vương Bật, Nguyễn Duy Cần cũng như nhiều tác giả khác viết: 颺 兮 若 無 止 "*Liêu hề nhược vô chỉ* " (tiếng gió vi vu như không dứt).

### *Chú giải:*

Đây là một phần câu trong chương 20 của Đạo đức kinh.

- Đạm (dan): yên tĩnh, sóng gợn lăn tăn.
- Hê (xi): thán từ
- Nhược (rùo): như
- Hải (hải): biển cả
- Liêu (liao): tiếng gió vi vu.
- Chỉ (zhì): dừng.
- Tịch (jì): lặng.
- Tự (sì): tựa như.

### *Dịch:*

Lặng yên như mặt biển, phiêu diêu như gió thổi không ngừng.

Nguyễn Duy Cần dịch:

*Điêm tĩnh dường tôi tắm. Vùn vụt dường không lặng.*

Suzuki dịch: " Desolate am I, alas ! like the sea. Adrift, alas! Like one who has no place where to stay (ta cô đơn lthư biển cả, phiêu bạt như một người không biết về đâu).

### *Bình:*

Chữ *đạm* của Lão tử vừa mô tả trạng thái động là tiếng sóng vỗ nhẹ lăn tăn vừa nói lên cái tĩnh lặng, mênh mông mà uyên sâu như biển cả. Đó là *động tịnh* của Đạo.

Biển cả là sự kết hợp động và tĩnh, động để rồi tĩnh lặng, cuồng nộ rồi yên lặng. Biển chỗ sâu chỗ nông nhưng nói chung là sâu khó dò.

Tào Tháo có câu thơ:

*Thủy hà đạm đạm,  
Sơn đảo tung trĩ.*

Nghĩa là:

Mặt nước yên tĩnh sao,  
Đảo núi đứng đơn độc mãi.

Giả Nghi (200- 168 TCN) - văn học gia, chính trị gia đời Tây Hán cũng viết: "*Đạm hồ nhược thâm uyên chi tịnh* ", đều có hàm ý tĩnh lặng nhưng sâu lắng thật khó dò.

Sách Liệt tử (tương truyền của Liệt Ngự Khâu đời Chiến Quốc) có viết: "*Phía đông Bột hải mấy vạn dặm có một dòng sông lớn (dòng hải lưu?). Nó là một cái động sâu thẳm (vùng nước xoáy?) Do nó không có đáy, nên gọi là "quy hư", nghĩa là nơi hư phế, thu nạp vạn vật về. Nước trên trái đất, nước trên thiên hà đều chảy vào đây. Quy hư chỉ hút mà không thải ra, trước nay không hề tăng giảm* ".

Sách đời xưa viết quy hư hút mà không thải. Đó là vũng xoáy giống như tam giác quỷ Bermuda cuốn hút mọi thuyền bè đến gần. Nhưng trên thực tế không có vật gì hút mà không thải cả. Chẳng qua là vì nó quá sâu, sức hút của nó quá lớn mà vật bị hút quá bé, nên ta không thể thấy mà thôi.

Lão tử nói "*đạm hê kỳ nhược hải*" để ví đạo vô vi, trống rỗng của ông sâu sắc vi diệu là thế nhưng nó lại rất dễ hiểu. Bởi vậy ta không cần phải băn khoăn về nó. Nó tự nhiên như ánh sáng, như khí trời mà thôi. Nó cũng giống như chuyện anh chàng mù với chiếc cầu gậy của Lưu Nguyên Khanh. Vì không nhìn thấy cầu mất một tấm ván lên anh mù bước sảy một chân, bị treo lơ lửng suốt nửa ngày trên cầu. Kêu khóc chận, mệt quá, anh ta vúi tay nằm xoài ra nghỉ. Khi đứng lên thì hai chân vẫn ở trên cầu. Anh reo lên và tiếp tục khua gậy bước đi. Anh mù không biết rằng mình đã sang được bên kia cầu. Sâu và nông chỉ trong gang tấc. Mê và tỉnh chỉ là nháy mắt. Ta phải sống sao cho cân bằng trong khoảng cách kỳ diệu đó.

Thật vậy mặt nước biển, sông hồ nhiều khi rất êm đềm phẳng lặng. Nó nâng thuyền cho ta lướt đi. Nhưng hãy coi chừng? Nó sâu thăm thẳm, nguy hiểm khôn lường, có thể lật thuyền ta bất cứ lúc nào. Bởi vậy mà Nguyễn Trãi từng ví đại ý là: dân là nước mà kẻ cầm quyền như con thuyền. Nâng thuyền là nước mà lật thuyền cũng là nước vậy.

## 43. Xem thường lợi

### thì có gì phải tranh giành nhau

夫 惟 不 爭, 故 天 下 莫 能 與 之 爭

*Phiên âm:*

**Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.**

*Chú giải:*

Đoạn câu trong chương 22 của Đạo đức kinh.

- Phù (fù): Đọc là phù. Nỗ đứng làm hư từ, tiếng đệm đầu câu.
- Duy (wéi): tưởng nhớ đến, nhưng mà.
- Tranh (zheng): tranh giành.
- Mạc (mò): chẳng có, đừng, không cần.
- Năng (néng) : có thể.
- Dữ (yù): cùng

*Dịch:*

Chỉ vì không tranh nên thiên hạ không ai cạnh tranh nổi mình.

*Bình:*

Khái niệm *Bất tranh* cũng như *Vô vi* của Lão tử có hàm nghĩa triết học rất cao bởi vì bất tranh nhưng lại là bất nhượng (không nhường), ví như nước chẳng tranh giành với núi, luôn chảy về chỗ trũng. Núi không thể mọc cao thêm mà ngày càng mòn đi. Còn nước, tuy bất tranh nhưng lại có thể biến hóa thành hơi nước, thành mây, thành mưa rồi lại trút xuống núi về nguồn, ra sông ra biển. Sự tuần hoàn đó là không ngừng, tự nhiên.

Người xưa quan niệm tạo nên vật chất có 5 yếu tố: *kim, thủy, mộc, hỏa, thổ* gọi là ngũ hành. Thuận theo chiều kim đồng hồ đó là *sinh*, tức là có khả năng tương sinh, tương thân, nuôi nhau. Ví dụ *thủy sinh mộc*. Cách nhau là *khắc*, là chống nhau, ghét nhau. Ví dụ *thủy khắc hỏa*. Trong năm yếu tố đó có một hành trung tính, đó là *thổ* (đất). Có lẽ người xưa chỉ hiểu đơn giản về đất đơn giản như vậy thôi. Nó không khoa học nhưng cũng không hoàn toàn phi khoa học. Ví dụ: Nhôm là thành phần chủ yếu trong đất. Nó lưỡng tính. Còn kim với mộc hủy nhau trong cuộc tranh giành nước lửa để biến thành đất. Khái niệm không tranh mà không ai tranh giành nổi nói lên quy luật của Đạo.

Đứng ở một thời điểm nào đó, một không gian nào đó, ta nhìn sự vật như đang tranh giành nhau ghê gớm lắm để sinh tồn. Nhưng đứng lên trên, đứng ở ngoài mà quan sát xem có đúng vậy không? Con bọ ngựa đang rình bắt con ve sấu. Con chim đang lăm le mổ bọ ngựa. Người đi săn đang giương súng bắn con chim. Dưới chân, trên đầu anh thợ săn, đá đang nghiêng, có thể đè chết anh ta bất cứ lúc nào!

Sự giành giật đó là vô cùng, nhưng ở thế cân bằng tự nhiên.

Mệnh đề của Lão tử *vô tranh vô bất tranh* hay là *vô vi vô bất vi* (không tranh mà không phải không

tranh, không làm mà không phải không làm) có vẻ như nói ngược, phi logic mà lại là logic vậy.  
Cạnh tranh sinh tồn đó là cân bằng tự nhiên. Phá vỡ nó, sẽ đi đến hủy diệt tất cả. Ngày nay để bảo tồn thiên nhiên, các nhà khoa học đang cố xây dựng lại mô hình cân bằng đó, nhưng cũng chỉ thành công ở một số nơi như châu Phi, nơi con người chưa can thiệp sâu vào tự nhiên mà thôi.  
Họ tái tạo lại rừng tự nhiên trong đó có các loài thú ăn lá, ăn thịt, các loài chim, giống sâu bọ. Chúng ăn thịt lẫn nhau nhưng lại là nuôi nhau. Nhưng họ chưa tìm ra mô hình cân bằng, khép kín tương tự ở đô thị, tức là mô hình sinh hoạt nhân tạo của con người, giữa sinh và khắc, giữa sản xuất và chất thải, có thể tuần hoàn trong một vòng ngắn của sinh quyển. Đó phải chăng là một bài toán chưa có lời giải?

## 44. Mưa bão dữ dội thì sẽ chóng tan

飄風不終朝,驟雨不終日

*Phiên âm:*

**Phiêu phong bất chung triệu, sậu vũ bất chung nhật.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu trong chương 23 của Đạo đức kinh.

- Phiêu (piao): thổi nhẹ, *phiêu phiêu dục tiên* (nhẹ nhàng như lên tiên.)
- Phiêu phong: gió lốc, gió xoáy (hurricane).
- Chung (zhong): hết.
- Triệu (cháo): buổi sáng sớm.
- Sậu (zhòu): chợt, đột ngột. Dáng ngựa phi nhanh.
- Sậu vũ: mưa rào, mưa giông, mưa đám mây (cloudburst)

*Dịch:*

Gió lốc không thổi hết buổi sáng, mưa rào không mưa suốt cả ngày.

*Bình:*

Tục ngữ ta có câu: *Mưa không qua ngõ, gió không qua dân* có cùng một ý với câu này của Lão tử.

Sự vật cái gì diễn ra kịch liệt và nhanh chóng thì kết thúc cũng nhanh. Mưa bão là vậy mà cuộc sống của muôn loài cũng vậy.

Nguyễn Hữu Chinh, một tướng tài của chúa Trịnh sau về hàng Tây Sơn, đã giúp Nguyễn Huệ tiến ra lấy Bắc Hà.

Nhưng sau lại làm phản bị Vũ Văn Nhậm, hữu tướng quân của Nguyễn Huệ giết. Lúc còn nhỏ ông từng làm bài thơ vịnh pháo tết:

*"Kêu lắm lại càng tan tác lắm".*

Nhiều người bình rằng nó rất nghiệm với cuộc đời ông ta.

Các nhà thơ thường than cảnh sớm nở chiều tàn của các loài hoa.

Bạch Cư Dị (đời Đường) tiếc thương cho cuộc đời ngắn ngủi của Dương Quý Phi.

Nhạc sĩ thiên tài Mozart chết khi mới có 35 tuổi. Vũ Trọng Phụng, Hàn Mặc Tử. . . của Việt Nam cũng không thọ được bao lâu. Nhưng họ đã để cho đời những sáng tác bất hủ.

Hình như đây lại là một quy luật nữa của tạo hóa.

Thời gian như bóng ngựa phi qua cửa sổ. Bởi vậy mà chúng ta không nên lãng phí thời gian. Sở từ có câu: *"thời bất khả hê sậu đặc"* (nghĩa là thời gian đi nhanh không bắt kịp). Đó là một cách nhìn đối với cuộc đời. Nhưng sống gấp, lối sống buông thả của thanh niên thời nay là thiếu trách nhiệm với

chính mình. Người Mỹ thường dùng hai chữ P.P (viết tắt của "Publish or Perish" = công bố công trình hay là chết héo) để nhắc nhở chính mình rằng việc hôm nay không nên để đến ngày mai.

Chuyện ngụ ngôn của La Fontaine kể chuyện con ve và cái kiến. Ve ca hát suốt cả mùa hè còn kiến thì cần mẫn làm việc, tích góp lương thực. Đến mùa đông mưa phùn gió bắc, ve phải đến nhà kiến vay ăn. Chuyện đó ta đọc từ nhỏ và đã nhắc nhở ta suốt đời vậy.

## 45. Học theo trời đất

人 法 地, 地 法 天,  
天 法 道, 道 法 自 然

*Phiên âm:*

**Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu chương 25 của Đạo đức kinh.

- Pháp (fǎ): học theo, bắt chước.

*Dịch:*

Người bắt chước đất. Đất bắt chước trời. Trời bắt chước Đạo. Đạo bắt chước tự nhiên.

*Bình:*

*Pháp tự nhiên* được hiểu là bắt chước, thần phục.

Suzuki: dịch chữ pháp là *tiêu chuẩn* (danh từ).

*Man's standard is the earth. The earth's standard is heaven. Heaven's standard is Reason.*

*Reason's standard is intrinsic* (Tiêu chuẩn con người là đất, tiêu chuẩn của đất là trời. Tiêu chuẩn của trời là Đạo, tiêu chuẩn của đạo là tự nhiên).

Khuôn phép để ước thúc, buộc con người phải theo là đất trời, là đạo, là tự nhiên. Luật pháp trong xã hội do người đặt ra, luật pháp đó phải phù hợp với tự nhiên, với quy luật sinh tồn và phát triển. Tín đồ Thiên chúa giáo thường xưng họ là nô lệ, là con chiên của chúa. Lão tử thì bác bỏ cả thần thánh, thượng đế lẫn vua chúa mà chỉ nói tới *pháp tự nhiên* nghĩa là con người chỉ làm nô lệ cho tự nhiên mà thôi.

Triết gia Hy Lạp Diogenes có một lần đi biển bị bọn tặc bắt đem đi bán làm nô lệ. Chủ nô lệ hỏi ông có thể làm được việc gì. Ông trả lời: "Có thể cai quản người khác". Rồi ông tự nói to: "Ai muốn mua một ông chủ không?" Một anh nhà giàu tên là Cenia mua ông về làm gia sư. Người này rất tôn trọng ông, thường nói với mọi người:

"Có một thiên tài xuất chúng đến ở cho nhà tôi". Bạn bè nghe tin ông bị bán làm nô lệ đã đem tiền đến chuộc. Ông ngăn lại mà rằng: "Làm một triết gia là làm nô lệ cho thân mình cũng là kẻ thống trị tự nhiên người khác. Giống như là người thầy thuốc phục vụ bệnh nhân và cũng là thầy của bệnh nhân".

Câu chuyện trên mang ý nghĩa triết lý sâu sắc:

- Nô lệ có thể là chủ nhân của chủ nhân.

- Làm một nô lệ giúp việc cho người ta cũng giống như làm chủ nhân bị trị vậy.

Chủ nhân cũng như nô lệ. Trên đời này chỉ có nô lệ của tự nhiên mà thôi.

## 46. Đi đường giỏi thì không để lại dấu tích

善 行 無 轍(轍) 跡(迹)

*Phiên âm:*

**Thiện hành vô triệt tích**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu chương 27 của Đạo đức kinh.

- Triệt (zhé): vết bánh xe - *xa triệt* (tiếng Anh: rut), *tả toi* - Triệt loạn kỳ phi (cờ rách tả toi). Chú ý: chữ này viết giản thể rất dễ nhầm với chữ 撤 (phiên âm La tinh: chè, âm Hán Việt cũng đọc là triệt) nghĩa là trừ khử, ví dụ: triệt tiêu triệt để.

- Tích (jì): vết, vết chân.

Vương Bật chú: "*Tu tự nhiên nhi hành bất tạo bất thủy*" (đi theo lẽ tự nhiên thì không có bắt đầu, không để lại dấu tích).

Suzuki dịch: "*Good travelers leave no trace nor track*" (những lữ hành giỏi thì không để lại dấu vết)

*Dịch:*

Đi đường giỏi thì không để lại dấu chân.

*Bình:*

Trong thiên nhiên có một số loài sống trên vùng có tuyết hoặc cát (như cáo, chồn), chúng thường dùng đuôi xóa vết chân đi. Đó là thói quen để phòng kẻ thù.

Còn ước mơ của con người là có thể tu luyện khí công, đi không dấu vết. Tiểu thuyết võ hiệp thường mô tả cảnh võ sĩ có thể đi lại trên mặt nước, trên mái nhà không tiếng động.

Kỷ xảo điện ảnh ngày nay có thể tạo nên cảnh họ đầu kiếm trên không rất đẹp mắt. Kim Dung tả đoạn Cừu Thiên Nhận giở trò bịp bợm đi trên nước thật là sinh động.

Muốn cho con người có thể đi lại nhẹ bằng bằng, bay được thì phải có môi trường trọng lực thấp hoặc những phương tiện như máy bay tạo sức nâng.

Đó là bàn về *triệt tích* trong vật lý. Còn trong xã hội, bọn tội phạm gây án bao giờ cũng tìm cách xóa mọi dấu vết để khỏi bị truy nã.

Con người làm việc thiện thì thường không để lại tên, địa chỉ. Đây là cách hành xử được hiểu là *vô vi nhi vô bất vi*, là làm mà như không làm, làm mà không kể công, không cần người đời biết. Nhưng ngày nay nhiều khi trái lại bọn tham nhũng bòn rút của dân rồi lấy một ít tiền đó làm công tác từ thiện, bố thí cho dân nghèo hoặc mua công trái dùng mọi phương tiện như đài, báo chí để quảng cáo, để tìm mọi cách xóa hết dấu vết ăn cắp, ăn cướp của chúng!

## 47. Không vì mình thì mới dài lâu

天 地 之 所 以 能 長 且 久 者, 以 其 不 自 生 也, 故 能 長 生.

*Phiên âm:*

**Thiên địa chi sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh dã, cố năng trường sinh.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu chương 7 của Đạo đức kinh.

- Tự sinh (zi sheng): sống cho mình. Vương Bật chú:

*Tự sinh tắc dĩ vật tranh, bất tự sinh tắc vật quý dã* (nghĩa là: tự sinh tất vật đua tranh cùng vật, bất tự sinh tất vật trở về cõi). Câu này Suzuki dịch là: ". . .Bởi vì trời đất không sống cho mình" (*Heaven endures and earth is lasting. And why can heaven and earth endure and be lasting? Because they do not live for themselves. On that account can they endure*).

- Trường sinh (cháng sheng): sống dài lâu.

*Dịch:*

Trời đất sở dĩ trường cửu là vì không sống cho mình nên mới có thể dài lâu.

*Bình:*

Đây là quan điểm không gian lận (công dụng của vật rỗng) được Lão tử triển khai thành lý luận *vạn vật cộng sinh*, sống tùy thuộc lẫn nhau. Ông chủ trương con người ta phải biết dành không gian sinh tồn cho người khác, loài khác. Đó là tinh thần hy sinh "*hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tôn*", mà ở trên ta đã nhiều lần đề cập tới.

Mặt trái của xã hội cạnh tranh là tính vô tổ chức, mạnh ai nấy sống, không còn biết ứng xử nhường nhịn nhau. Cạnh tranh là động lực giúp kinh tế phát triển của cải nhiều thêm. Nhưng khi người ta giàu lên thì tiền bạc lắm khi che lấp tất cả. Nhất là trong một xã hội dân trí thấp.

Hiện nay ở nước ta, nhiều nhà mặt đường mặt ngõ cứ đua nhau lấn chiếm đất công khiến cho những nhà bên trong ngõ không còn lối đi. Sinh hoạt bình thường đã khó, đáng sợ nhất mỗi khi có hỏa hoạn, ma chay, nguy hiểm hơn là bão lụt, động đất. . . thì vô phương cứu chữa.

## 48. Giàu sang không kiêu.

富 貴 而 驕, 自 遺 其 咎. 功 成 身 退, 天 之 道 也

*Phiên âm:*

**Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu. Công thành thân thoái, thiên chi đạo dã.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu trong chương thứ 9 của Đạo đức kinh.

- Phú (fù): giàu.
- Quý (guì): sang.
- Kiêu (jiào): kiêu căng.
- Di (vì): để lại.
- Cữu (jiù): xấu, lỗi Còn có âm là *cao*.
- Công (gong): công việc, công danh.
- Thành (chéng): xong, hoàn thành.
- Thân (shen): thân mình.
- Thoái (tùi): lui.

*Dịch:*

Giàu sang mà kiêu căng thì rước họa vào thân. Xong công việc thì nên thoái lui, đó là cái đạo của trời.

*Bình:*

Câu này Lão tử nhắc lại khái niệm không kể công. Nó cũng như câu "*Công thành nhi phát cừ. Phù duy phát cừ, thị dĩ bất khứ*" (Thành công rồi không ở lại. Không ở lại mà không bỏ đi) để nói lên cái đạo của tự nhiên là sau khi bày đặt nên, vạn vật thì để cho nó tự thân vận động. Ý ông là khuyên vua chúa hãy theo lẽ tự nhiên đó mà cũng không kể công với dân, không giành lấy giàu sang để hưởng lấy một mình. Nguyễn Bình Khiêm diễn lại câu này bằng hai câu: *Giàu sang cũng do trời, Ta có chi, kiêu với ai*.

Xưa đã có nhiều gương xem thường danh lợi như Phạm Lãi (Trung Quốc), Nguyễn Bình Khiêm (Việt Nam), Lev Tolstoi (Nga) . . . Ngày nay cũng không hiếm các tỷ phú trên thế giới để lại toàn bộ gia sản của mình làm của chung.

Nhiều người tình nguyện hiến tặng các bộ phận cơ thể để cứu giúp kẻ khác. Những người đó ở chừng mực nhất định cũng đã hiểu như Lão tử.

Nhưng những kẻ không hiểu, tham quyền cố vị thì bị muôn đời phỉ nhổ như Triệu Cao, Lý Tư đời Tần, lúc bị giết thịt được quăng cho chó ở Đông Môn. Người đời sau không bao giờ quên chuyện Tần Cối và Nhạc Phi đời Tống.

Trung thần Nhạc Phi bị Tần Cối hại nhưng đã để lại tiếng thơm muôn đời. Còn Tần Cối bị người ta đập tượng để ngoài Nhạc miếu để cho đàn bà con gái vút lên đó những gì bẩn thỉu nhất.

Người ta lúc sống không thể hình dung nổi những cảnh đó. Chỉ có tự nhiên, lịch sử, công chúng đời sau mới là quan tòa phán xét trung thực nhất, đúng đắn nhất.

## 49. Dục vọng đánh mất thân mình.

五色令人目盲;五音令人耳聾(聾),五味令人口爽,馳(驰)騁(骋)畋獵(猎)令人心發(发)狂;難得之貨,令人行妨;是以聖人為腹不為目,故去彼取此.

*Phiên âm:*

**Ngũ sắc lệnh nhân mục manh, ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung, ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng. Trì sinh điền liệt, lệnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương. Thị dĩ thánh nhân, vị phúc bất vị mục, cố khứ bỉ thủ thử.**

*Chú giải:*

Đây là câu trong chương 12 của Đạo đức kinh.

- Ngũ sắc (wũ sè): năm màu sắc. Còn gọi là ngũ thái, người Trung Quốc xưa gọi là chính sắc tức là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Những màu này được nhuộm để may quần áo Triều đình phong kiến quy định màu vàng dùng cho vua, các màu khác là màu áo quần quan lại để phân biệt theo cấp bậc (ngũ phẩm). Ngoài năm màu đó còn lại là thứ sắc.

- Manh (méng): mù, quáng gà, thanh manh.

- Ngũ âm (wũ yin): năm âm còn gọi là ngũ thanh, tức là cung, thương, đốc, chủ, vũ.

- Lung (lóng): điếc.

- Ngũ vị (wũ wèi): năm mùi gồm: ngọt, chua, đắng, cay, mặn.

- Sảng (shuǎng): trong sáng, nhẹ nhàng.

- Trì (chí): phi, chạy.

- Sinh (chéng): bon bon.

- Điền (tián): cày cấy

- Liệt (liè): đi săn.

- Phát (fà): phát, nổi lên.

- Cuồng (kuàng): điên, khùng.

- Hóa (hùo): hàng hóa.

- Phương (fáng): trở ngại.

- Phúc (fù): bụng. Suzuki dịch: inner : nội tâm.

- Mục (mù): mắt. Suzuki dịch: outer : bề ngoài.

- Khử bỉ (qù bì): bỏ cái này.

- Thủ thử (qủ cǐ): lấy cái kia.

*Dịch:*

Năm màu khiến người ta lóa mắt, năm giọng khiến người ta điếc tai. Năm vị khiến người ta tê lưỡi. Phóng ngựa đi săn khiến cho người ta hóa cuồng. Của cải khó kiếm, khiến cho đức hạnh ta thêm xấu. Bởi vậy, thánh nhân vì cái tâm không vì vẻ ngoài mà bỏ cái này lấy cái kia.

*Bình:*

Câu "*Trì sinh điền liệt, lệnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương*", Nguyễn Duy Cần dịch: Sải ngựa săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Của cải khóặng, khiến người gặp nhiều tai hại. Suzuki dịch: "*Racing and hunting will human hearts turn mad, treasures high-prized make human conduct bad.*" Lão tử phê phán cái tai hại của văn minh vật chất. Văn minh vật chất càng tiến bộ thì càng gây cho người ta nhiều đam mê, ví dụ màu sắc lòe loẹt, hình ảnh đôi trụy, phối khí âm nhạc ồn ào, ngưỡng âm thanh quá cao, món ăn quá kích thích miệng v.v. . . Vì thế mà những người hiểu đạo Lão thì sống trong lòng mà không sống bề ngoài, sống xa, có khoảng cách ly với chúng, dành những phút thư giãn, để phòng stress, mất cân bằng trong cuộc sống.

Xưa kia Nguyễn Du tả cảnh Thúy Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe đến đoạn:

*Trong như tiếng hạc bay qua,*

*Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,*

*Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

*Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,*

*Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.*

*Khi tựa gối khi cúi đầu*

*Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.*

Đôi trai tài gái sắc như đã đến ngưỡng, chỉ do lễ giáo phong kiến kìm hãm mà thôi.  
Tới khi bị thật thân bởi Mã Giám sinh, nàng đã thốt lên ai oán:

*Biết thân đến bước lạc loài,  
Nhiều đào thà bẻ cho người tình chung.*

Âm nhạc có tác động ghê gớm. Trách gì mà thanh niên ngày nay đã bỏ hết thời gian vào quán Karaoke, chảnh mắng cả học tập. Đã đến lúc gia đình và xã hội phải có giải pháp chấp nhận để thanh niên ta sống thật hơn, bình thường hơn, để có thể cùng giúp nhau học tập, hơn là dối cha dối mẹ . . . sống lén lút, tạo điều kiện cho tệ nạn phát sinh.

## 50. Ngưỡng cửa cuộc sống.

果而勿矜, 果而勿伐, 果而勿驕, 果而不得已, 果而勿強

*Phiên âm:*

**Quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu, quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường.**

*Chú giải:*

Phân câu này ở trong chương 30 của Đạo đức kinh.

- Quả (guo): kết quả.
- Vật (wu): chớ, đừng, cấm.
- Căng (jin): xót thương, khoe khoang.
- Phạt (fa): đánh, khoe công.
- Kiêu (jiao): ngửa lông lên, lên mặt (kiêu căng).
- Bất đắc dĩ (bù dé yì): miễn cưỡng.
- Cường (qiáng): mạnh. Còn có thể đọc là cưỡng: ép buộc.

*Dịch:*

Thắng mà không khoe khoang, thắng mà không tự phụ, thắng mà không kiêu căng. Thắng vì miễn cưỡng, thắng mà không ép buộc.

*Bình:*

Kết thúc Truyện Kiều, Nguyễn Du hạ những câu rất triết lý, có tính chất thiên và Lão:

*Ngâm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân,  
Bắt phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.  
Có đâu thiên vị người nào,  
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.  
Có tài mà cậy chi tài,  
Chữ tài liền với chữ tai một vần.  
Đã mang lấy nghiệp vào thân,  
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.  
Thiện căn ở tại lòng ta,*

*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Hàn Tín khi còn hàn vi, đã chịu nhục, chui qua hàng anh hàng thịt để giấu cái chí lớn của mình. Khi cuộc chiến Hán Sở đến hồi quyết định, lúc đó, thế lực của Hạng Vũ vẫn còn nghiêng ngửa so với Lưu Bang. Ông ta về phe nào thì phe ấy thắng và ông đã ngã theo Lưu Bang. Chinh phục được nước Tề, ông dâng sớ về cho Lưu Bang rằng: Người nước Tề giao hoạt, phương nam lại cận kề Sở. Nếu như không có tướng tài cai quản ắt sinh biến. Thần xin vì nhà vua nhận chức giả vương (vua lâm thời) nước Tề. Lúc này Lưu Bang đang bị Hạng Vũ vây chặt ở Huỳnh Dương, nhưng khi xem tờ tâu của Hàn Tín đã nổi giận chửi: "Tao đang bị khốn ở đây, ngày đêm mong người đem quân đến cứu, không ngờ người lại đòi xưng vương". Nói rồi định xé tờ tâu. Trương Lương ngồi bên, lấy chân ra hiệu cho Lưu Bang. Lưu Bang đổi giọng chửi tiếp: "Mẹ nó! đại trượng phu đã làm vương thì làm vương thật cần chi phải vương giả" Nói rồi phái người đem sắc phong đến cho Hàn Tín. Nhờ thế mà Lưu Bang được Hàn Tín tận tâm phò tá, đánh bại Hạng Vũ. Còn Hàn Tín thì bị Hán Vương mang mối nghi ngờ và tai họa chính xuất phát từ đây.

Thắng nên kiêu. Tài và tai liền đó vậy. Người đời sau vẫn thương cho Hàn Tín vô tội. Lúc trẻ đã dám chịu nhin đến thế mà lúc quyền nghiêng thiên hạ lại còn không biết lười gươm đang treo lơ lửng trên đầu. Ông không chịu về với Hạng Vũ, một tướng tài tuy vô mưu nhưng trọng nghĩa khinh tài thì cứ tự xưng vương ở Tề hoặc "*công thành danh toại thân thoái*" thì sẽ không chết dưới tay Lưu Bang, một ông vua tâm địa độc ác như vậy.

Gần đây, khi còn làm tổng thống, có một lần Clinton cùng vợ là Harry đến một trạm đồ xăng. Harry bất ngờ gặp người phục vụ của hàng lại là người yêu cũ thời học phổ thông. Thấy vợ có vẻ như còn lưu luyến với người tình cũ, khi lên xe Clinton đã mỉa mai một câu:

- Nếu như lúc đó em lấy anh ta thì nay em đâu có thể được gọi là đệ nhất phu nhân nước Mỹ!

Vốn là một luật sư, Harry trả lời rất nhanh:

- Nếu em lấy anh ấy thì nay anh ấy đã là tổng thống, chứ đâu đến phần anh!

Câu nói của bà thật cứng rắn và kiêu hãnh. Thật vậy, người đời kiêu căng thường là do họ chỉ nhìn thấy tài năng của mình mà quên công lao kẻ khác, kể cả vợ mình.

## 51. Người bền bỉ đi đường là người có chí

強行者有志

*Phiên âm:*

**Cưỡng hành giả hữu chí.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu của chương 33 .

- Cưỡng (qiáng): mạnh. Cổ văn còn có thể đọc là cường (𢦏) có nghĩa: gắng sức, miễn cưỡng.
- Hành (xíng): làm việc, đi đường.
- Chí (zhì): chí khí, nghị lực.

*Dịch:*

Bền bỉ đi đường là người có chí.

*Bình:*

Chữ cường mỗi người hiểu một khác. Suzuki hiểu là mạnh mẽ nên dịch câu này là: *who pushes with vigor has will*. Nhưng như vậy trái với học thuyết của Lão: nhu thắng cương, nhược thắng cường.

Nguyễn Duy Cần hiểu cường là cưỡng nên dịch: *Giương làm là có chí*. Nhưng hành dịch là làm cũng không thật ổn.

Ở đây soạn giả hiểu là gắng sức, bền bỉ đi đường.

Bền bỉ là dùng lực yếu nhưng kéo dài thời gian, là nhu nhược (mềm yếu) vậy.

Từ Mã Thiên sau khi bị tội cung hình (thiên), nhục cứ muốn chết. Nhưng do sự nghiệp chép sử của cha (Từ Mã Đàm) để lại, ông đã giương sống để viết nên bộ Sử ký đồ sộ nghìn năm có một, là nhờ tính kiên trì, *nhu*. Jack London (Nhà văn Mỹ) cũng vậy, ông ghi chép bất cứ lúc nào, bất cứ bằng phương tiện gì.

Tuân Tử - một triết gia Trung Quốc nói: *"Kỳ lân nhất được, bất năng thập bộ, nô mã thập giá, công tại bất xá"* nghĩa là: một bước nhảy của kỳ lân không quá 10 bộ, không bì được công một con ngựa thồ trong cỗ xe thồ mười con cùng đi đường.

Một nhà văn Pháp đã tổng kết:

"Le genie n' est qu' une longue patience" (cái tài chỉ là một sự bền chí). Trên đời rất ít người có tài xuất chúng bẩm sinh. Phần đông là do bền bỉ nỗ lực mà nên. . Ngày nay, ta không còn thỏa mãn với những bộ từ điển của các cố học giả như Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn . . . nữa. Nhưng đó lại là những công trình khai phá rất đáng trân trọng. Tâm trạng của những người leo núi khi leo lên tới đỉnh bao giờ cũng bàng hoàng nhìn xuống và tự hỏi: Sao sức mình có thể qua được những cái dốc cao như vậy?

Tục ngữ ta có câu: "Nước chảy đá mòn". Trung Quốc cũng có câu: *"Thủy tích thạch xuyên, thặng cử mộc đoạn"* (水滴石穿, 繩鋸木斷) nghĩa là giọt nước xuyên thủng đá, dây thừng cưa đứt gỗ là vậy.

Chuyện "Ngu công chuyên núi" không có thật hoặc của một ông già lắm cảm nhưng không phải không có tác dụng với đầu óc non trẻ của ta lúc ban đầu học tiếng Trung Quốc. Rồi đến bước học cổ văn ta lại phải chỉnh lại trong đầu những khái niệm của con chữ đã quen, thêm một lần khó nữa !

Ngày giờ qua đi, ta không thể đếm chính xác được như sợi tóc bạc trên đầu, nhưng ta cứ phải đứng trước gương để mà suy ngẫm về những bậc thầy của lòng kiên nhẫn.

## 52. Tấm lòng nhân hậu của con người.

是以大丈夫處(处)其厚,不居其薄;處其實(实),不居其華(华),故去彼取此.

*Phiên âm:*

**Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc; xử kỳ thực bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.**

- Thị dĩ (shi yì): đã là
- Đại trượng phu (dà zhuang fu): người đàn ông có chí lớn, có khí tiết.
- Xử (chủ): ở, xử lý.
- Hậu (hòu): dày.
- Cư (jū): Ở.

- Bạc (bó): mỏng.
- Thực (shí): thực lòng, thực chất.
- Hoa (hua): hoa, vẻ đẹp bên ngoài.

*Dịch:*

Đã là người có chí lớn thì ăn ở chỗ nồng hậu, không ở nơi bạc bẽo; ăn ở chỗ trung thực, không ăn ở chốn phù hoa. Vậy phải bỏ cái kia, giữ lấy cái này.

*Bình:*

Lão tử vốn rất ít dùng những từ như *quân tử*, *đại trượng phu*. Đây là trường hợp ngoại lệ. Với thuyết vô vi, Lão tử xem *vạn vật vi xô câu* (vạn vật đều là con chó cỏ). Ông là một lão già nông đương thời. Người ta đi ngựa, ngồi kiệu. . . thì ông cưỡi trâu. Dưới mắt ông làm gì có quân tử, đại trượng phu như quan niệm của Khổng tử ?

Từ *đại trượng phu* được Mạnh tử dùng nhiều nhất. Đó là những trang nam nhi có khí tiết, cao thượng nhưng cô chấp:

"*Hành thiên hạ chi đại đạo, lập thiên hạ chi chính vị. Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất. Thử chi vị đại trượng phu*" (Nghĩa là: đi đường cái lớn, ngồi chính giữa thiên hạ. Giàu sang không mê, nghèo hèn không dối, uy vũ không khuất phục. Đó là đại trượng phu) (Sách Mạnh tử chương Đằng văn công hạ).

## 53. Ý chí luyện từ việc nhỏ.

合抱之木, 生於(于) 毫末; 九層(层) 之臺(台), 起於壘(垒) 土; 千里之行, 始於足下.

*Phiên âm:*

**Hợp bao chi mộc, sinh ư hào mạt. Cửu tầng chi đài khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ.**

*Chú Giải:*

Câu này là một phần trong chương 64.

- Hợp (hé): khớp với.
- Bao (bào): ôm.
- Mộc (mù): cây, gỗ.
- Hào (háo) :khôe, tài.
- Mạt (mò): ngọn.
- Cửu tầng (jiu céng): chín tầng, nghĩa bóng là cao ngất.
- Đài (tái): đài, lầu đài.
- Lũy (lěi): thành đắp bằng đất.

*Dịch:*

Cây to tày người ôm, bắt đầu từ một ngọn nhỏ. Đài cao tới chín tầng, khởi đầu từ mô đất con. Đi xa

hàng nghìn dặm, khởi đầu bằng một bước chân.

*Bình:*

Câu này lặp lại ý: "*Mưu việc khó từ dễ, làm việc lớn từ nhỏ*" (đồ nan ư dị, vi đại ư tế) ở trên. Chủ đề chính là Lão tử bàn tới việc bắt đầu của công việc và học tập.

Suzuki dịch là: *The stout tree has originated from a tiny rootlet. A tower of nine stories is raised by heaping up (bricks of) clay. A thousand miles' journey begins with a foot.*

Ta thường nói: "*vạn sự khởi đầu nan*" (nghìn vạn việc đều khó ở bước đầu tiên). Xuất phát đúng cũng từ đó, xuất phát sai cũng từ đó, tiêu ma hết sự nghiệp và thời gian cũng do chọn bước đi đầu tiên này.

Nhà triết học cuối đời Chiến quốc là Tuân tử (khoảng 313- 238 TCN) có viết trong thiên Khuyên học như sau:

*Tích thổ thành sơn,*

*Tích thủy thành uyên.*

*Bất tích khuê bộ,*

*Vô dĩ trí thiên lý*

*Bất tích tiểu lưu,*

*Vô dĩ thành giang hải.*

(Gom đất thành ngọn núi, dồn nước thành vực sâu. Không bước bước chân đầu tiên, không đi được ngàn dặm. Không tích dòng nước nhỏ, không thành biển sông dài).

Chuyện kể ngày xưa có một chàng thư sinh suốt ngày chỉ nằm đọc sách, mơ tưởng tới chuyện công danh, nhà không chịu quét, thêm đê cỏ mọc đầy. Lão nhà nông bên xóm đi qua thấy vậy bèn hỏi:

- Sao nhà thầy không quét, đê cỏ lút sân vậy?

Chàng ta trả lời:

-Đại trượng phu trước hết phải nghĩ đến chuyện công danh, chinh đồn đất nước đã?

Ông lão bỏ đi, vác cày ra đồng mà mĩa mai rằng:

- Chỉ một góc nhà cũng không chịu quét, lại mơ quét dọn cả thiên hạ!

Theo Nho giáo có bốn bước công việc từ thấp đến cao là: "*tự thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*". Ngày nay ta nên hiểu đó là: học tập tự dưỡng cá nhân, sắp xếp công việc nhà, lo việc nước và cuối cùng là xử lý quan hệ bang giao quốc tế.

Đối với bất cứ người nào, cấp thấp cũng như cấp cao, ta chỉ cần nhìn từ việc nhỏ. Anh ta có lo học hỏi không, gia đình anh ta như thế nào? . . là ta có thể biết được khả năng đảm đương công việc đất nước của anh ta ra sao.

Hiem người có lương tâm, biết cách soi sậu lưng mình, biết tìm hiểu xem người đời đàm tiếu về mình, về vợ con mình . . ra sao mà chỉ lo giấu giếm việc nhỏ, thường xuyên sắm những vai diễn trong những vở kịch trên màn hình lớn ! Báo chí thường khai thác đến đời tư các chính khách như là ông ta ruồng bỏ vợ, có bao nhiêu bồ, con cái hư hỏng ra sao. . . ! Điều đó xét ra cũng đúng. Đó là hai tiêu chuẩn đầu tiên: tu thân, tề gia. Mà không riêng gì các chính khách, đến những triết gia, tu sĩ. . . thường thuyết giảng về đạo đức, họ cũng phải xem từ việc nhỏ của họ. Nhưng đã làm người thì ta phải ý thức được sự cân bằng tương đối đó, phải có cách nhìn đúng về người, giữa tốt và xấu.

Đàn ông mà chỉ ly chuyện gia đình từ tương cà đến lọ mọ mồi, . . thì chẳng làm được việc gì lớn. Nhưng mà nếu bỏ mặc cho vợ, không quan tâm tới khó khăn, cân đối chi tiêu trong nhà, cứ viện cớ bận thiên hạ sự, thì cũng là một lối mòn để đi đến vực thẳm vậy.

## 54. Giữ chữ tín

信者吾信之

*Phiên âm:*

## Tín giả, ngô tín chi.

*Chú giải:*

Câu này là một phần chương 49 của Đạo đức kinh.

- Tín (xin): tín nghĩa, thành tín, trung thực.

*Dịch:*

Với kẻ thành tín ta lấy chữ tín mà cư xử.

*Bình:*

Câu này của Lão tử còn một vẻ quan trọng nữa, đó là: "*bất tín giả ngô diệc tín chi*" nghĩa là với kẻ bất tín ta vẫn cứ tin. Ý của Lão tử là thà bị người lừa dối chứ ta không lừa dối người.

Chữ tín đứng thứ năm trong ngũ thường là "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", nhưng thực ra nó là tiêu chuẩn đầu tiên.

Giữ được lòng tín với người chính là tự tin ở chính mình.

Ngày xưa vợ thầy Tăng Sâm đi chợ, còn khóc đòi theo. Bà dỗ con: "con nín đi, ở nhà rồi bố làm thịt lợn cho con ăn".

Đứa con nín bật. Lúc bà ở chợ về thì thấy Tăng Sâm đang giết lợn thật.

Bà vợ bảo: "Tôi nói đùa nó đấy mà ông cũng tin sao?"

Tăng Sâm nghiêm nghị nói: "Bà đừng tưởng trẻ con không biết phân biệt phải trái. Cha mẹ làm gì là nó bắt chước cái đó ngay. Mình lừa nó thì nó sẽ học thói xấu đó. Ra đời nó sẽ dối cả thiên hạ".

Thật vậy, dạy con, dạy học trò . . . ta phải dạy chúng từ những cái nhỏ nhất mà trước hết đó là tính trung thực.

Sách Đại học có câu: ". . . *Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm, dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ chí, dục thành kỳ chí, tiên trí kỳ tri, trí tri tại cách vật*". Nghĩa là: muốn tu dưỡng, trước hết phải sửa lòng mình cho ngay thẳng. Muốn lòng ngay thẳng thì ý chí phải thành khẩn; muốn thành khẩn, trước hết phải hiểu sâu lòng mình, hiểu sâu lòng mình chính là tận cùng cái lý của sự vật.

Lão tử còn dạy ta "*bất tín giả ngô diệc tín chi*" tức là khuyên ta nên giữ thái độ không nên đối phó, chỉ lánh xa những kẻ bất tín mà thôi. Không như Tào Tháo đòi Tam Quốc đã lấy câu "thà ta phụ người chứ không để người phụ ta" làm triết lý cuộc sống cho mình.

Chuyện kể, do lòng nghi kỵ mà Tào Tháo đã giết nhầm cả nhà bạn của cha mình đang làm thịt lợn để chiêu đãi mình, rồi bỏ trốn. Dọc đường gặp bạn của cha mua rượu về, Tào Tháo lại lừa giết nốt. Vì thế mà mưu sĩ Trần Lâm không phục và đã bỏ Tào Tháo đi theo Lã Bố. Khi Lâm bị Tháo bắt, Tào Tháo đã mắng Trần Lâm không có mắt, không biết thờ mình chủ. Trần Lâm mắng lại rằng: Lã Bố võ nghệ cao cường nhất thiên hạ. Thua là do vô mưu nhưng ông ta trung thực, bị người lừa . . . chứ không như người là con người trí trá, chỉ biết lừa người mà thôi.

Sở dĩ nói trung tín là tiêu chuẩn đầu tiên của con người vì khi đã có chút công danh rồi con người ta dễ sa vào guồng giả trá. Luật lệ ngày xưa xử rất nặng tội bất tín và đề cao gương đạo đức khiêm cung.

Đời Bắc Tống có một văn học gia, chính trị gia tên là Yên Thù. Ông nổi tiếng thần động từ năm mới 14 tuổi nên chưa thi cử gì đã được vua vời vào triều làm thi giảng cho các hoàng tử. Đến kỳ thi tiến sĩ, ông đi thi và đứng đầu bảng. Vào điện thí, thấy còn nhỏ vua ra đề tương đối dễ. Ông xin làm một đề khó hơn và lại đỗ đầu. Ông được chính thức bổ nhiệm.

Ở triều về ông thường đóng cửa đọc sách mà không hề tham gia các cuộc yến tiệc với các quan. Vua hay tin triệu hỏi. Ông thành thực tâu:

Vì nhà nghèo không có tiền.

Vua biết ông là người tài lại khiêm tốn, trung thực nên cất nhắc dần lên tới chức tể tướng. Yên Thù trở thành tể tướng trẻ nhất trong lịch sử của Trung Quốc.

Việt Nam ta cũng có chuyện Nguyễn Hiền. Đỗ trạng nguyên rồi nhưng còn nhỏ quá nên vua cho về quê chờ bổ nhiệm sau. Mùa gió nam năm đó, trạng văn đi thả diều với bạn trẻ trong làng nên dân gian

ta mới có câu chuyện về Trang Diêu vậy.

Ngày nay trong cơ chế thị trường, ta càng phải đề cao chữ tín. Cơ quan công quyền cần phải được dân tín nhiệm.

Các doanh nghiệp cần làm cho người tiêu dùng tin thì mới có cơ hội phát triển lâu dài. Mỗi khi nó đã mất tín nhiệm do gian dối, tham nhũng, thì chỉ số giao dịch trên thị trường chứng khoán tuột dốc liên tục. Nguy cơ sụp đổ, phá sản là tất yếu, không thể tránh khỏi. Còn như do sự biến động cung cầu thì chữ tín của doanh nghiệp vẫn còn. Chứng khoán là cách thu hút vốn một cách minh bạch, còn chữ Tín là cái gốc của mọi lĩnh vực kinh doanh. Trong đời sống chính trị là cách thăm dò phiếu tín nhiệm của dân chúng.

## 55. Từ thân mình mà xét việc làng nước.

以 身 觀 (觀) 身, 以 家 觀 家, 以 鄉 (鄉) 觀 鄉, 以 國 觀 國, 以 天 下 觀 天 下

*Phiên âm:*

**Dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia. Dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu trong chương 54 của Đạo đức kinh.

- Thân (shen): thân mình.
- Quan (guan): xem xét.
- Gia (jia): nhà.
- Hương (xiang): làng.
- Quốc (guó): nước.
- Thiên hạ (tian xia): thiên hạ, quần chúng xung quanh.

*Dịch:*

Lấy thân mà xét thân, lấy nhà mà xét nhà; lấy làng mà xét làng, lấy nước mà xét nước; lấy thiên hạ mà xét thiên hạ.

*Bình:*

Câu này của Lão tử còn có ý chốt lại là: *Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai? Dĩ thử* (吾 何 以 知 天 下 之 然 哉? 以 此). Nghĩa là: ta muốn hiểu sự việc trong thiên hạ thì phải lấy phương pháp quan sát so sánh đó thì mới biết được.

Dĩ thân quan thân là lấy mình kiểm tra so sánh mình xem đã đạt được đạo lý "*kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*" (cái gì mình không muốn xin chớ đẩy sang cho người khác) hay chưa? Dựa vào đó mà quan sát việc làng việc nước. Xưa có câu: "*diên phi lệ thiên, ngư được ư yên, ngôn kỳ thượng hạ sát dã* "

(鳶 飛 戾 天, 魚 躍 于 淵, 言 其 上 下 察 也) tức là nói quan sát mọi việc như dõi theo con diều hâu bay trên trời xanh, con cá nhảy dưới vực sâu vậy!  
Ta phải lấy nguyên tắc *trung thứ* (như chính lòng mình) để xử thế một cách không thiên vị. Thực tế, quy luật tự nhiên vốn là như thế: vô tư, vô tình và khách quan.

## 56. Đạo sinh đức dưỡng.

道 生 之, 德 畜 之, 長 之 育 之 亭 之 毒 之

*Phiên âm:*

**Đạo sinh chi, đức súc chi, trưởng chi dục chi, đình chi độc chi.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu của chương 51 .

- Sinh (sheng): sinh ra.
- Súc (xù): nuôi, nuôi nấng. Gia súc vật nuôi trong nhà.
- Trưởng (zhǎng): nuôi lớn.
- Dục (yù): dạy dỗ.
- Đình (ting): nghỉ, chia đều.
- Độc (dù): hại.

*Dịch:*

Đạo sinh, đức nuôi. Cấp dưỡng đó và nuôi nấng đó.

*Bình:*

Đây là theo bản in của Vương Bật và ông giải thích là: *vị thành kỳ thực, các đặc kỳ tí ám bất thương kỳ thể hĩ* tức là làm cho kết quả, che chở cho không thương tổn thân thể. Bản in của Viên Phô thay chữ *đình độc* bằng *thành thực* 之 育 之 , 成 之 熟 之, 養 之 覆 之 (trưởng chi dục chi, thành chi thực chi, dưỡng chi phúc chi).

Nhưng Diệp Châu (tác giả Lão tử đích trí tuệ) trích dẫn hơi tùy tiện, thiếu mất đoạn chốt câu là: *dưỡng chi phúc chi, sinh nhi bất hữu. Vì nhi bất thị, trưởng nhi bất tử, thị vị Huyền đức.* (養 之 覆 之, 生 而 不 有, 為 而 不 恃, 長 而 不 宰, 是 謂 玄 德.)

Nghĩa là: nuôi đó đùm bọc đó; sinh mà không chiếm giữ, làm mà không cậy công, nuôi mà không làm chủ. Đó gọi là Huyền đức.

Câu này Viên Phô chú giải là:

*Đức chi dưỡng dục vạn vật tự thị sử kỳ trưởng thành nhi bồi dục tha môn sử kỳ thành tựu nhi thành thực kết quả. Trưởng dưỡng tha môn nhi hữu sử kỳ quy căn phục mệnh sinh sinh bất tử.*  
(德 之 養 育 萬 物 就 是 使 其 長 成 而 培 育 他 們 使 其 成 就 而 成 熟 結 果. 長 養 他 們 而 又 使 其 歸 根 復 命

生生不息).

Nghĩa là: Sự dưỡng dục vạn vật của Đức chính là làm cho nó trưởng thành mà bồi dưỡng chúng, khiến cho nó thành tựu, kết quả chín muồi. Nuôi dưỡng chúng trưởng thành rồi lại quy nó về cội nguồn. Cứ sinh sinh như thế không dứt.

Suzuki dịch: *Therefore it is said that Reason quickens all creatures. While virtue feeds them, raises them, nurtures them, completes them, matures them, rears them, and protects them.*

Trong sách Đạo đức kinh, chủ đề *sinh mà không giữ, không giữ mà không bỏ đi* như trên được lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy.

## 57. Ít riêng tư ham muốn.

見 素 抱 朴 少 私 寡 欲

*Phiên âm:*

**Kiến tố bảo phác, thiếu tư quả dục.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu của chương 19.

- Kiến (jian): thấy. Ở đây đọc là hiện 現 nghĩa là làm rõ.

- Tố (sù): tơ mộc. Nghĩa bóng là đơn thuần, giản dị, tính tự nhiên ban đầu. Đạo Phật là *phật tính*. Đạo Lão gọi là *toàn chân*.

- Phác (pủ): gỗ chưa xẻ. Nghĩa bóng là chân thực tự nhiên (bảo toàn thiên chân = toàn chân) Hai chữ này đi với nhau để chỉ sự thuần nhất, giản dị, chưa gia công.

- Thiếu (shǎo): ít.

- Tư (sì): riêng tư.

- Quả (guo): ít.

- Dục (yù): ham muốn.

*Dịch:*

Ăn ở phải giản dị, ít riêng tư, ít ham muốn.

*Bình:*

Tính chất, triết lý cơ bản Đạo của Lão tử là sự thuần phác, không trau chuốt, thô thiển dễ hiểu. Nó tự nhiên như không khí, như nước. Không ai cần hỏi nó từ đâu đến và đến cho ai. Nó chia sẻ quân đều cho mọi người, không thiên vị. Không ai chiếm không khí quá nhiều mà cũng không ai hưởng quá ít. Do đó không có sự tranh giành nhau.

Nhưng nay, lấy nước và không khí để ví về Đạo như Lão tử không còn sát đúng nữa. Khi xã hội đã phân cực giàu nghèo thì đến nước và không khí cũng không còn được chia đều. Hiện tại, người giàu nhà cửa thênh thang, máy điều hòa có tới hàng chục chiếc. Trong khi đó dân nghèo ở trong những căn buồng tối tăm, nóng nực mùi than, mùi ẩm mốc, tha hồ hít khí độc từ ô tô, máy lạnh . . .do họ xả ra. Nhà giàu ở phố dùng nước sạch làm nước vệ sinh. Còn dân nông thôn, vùng sâu vùng xa thì chịu khô hạn, đi xa hàng chục cây số mới gùi được một ít nước đục về.

Chiến tranh ở vùng Trung Đông cũng một phần do muốn độc quyền chiếm nguồn nước. Từ nay về sau sẽ còn diễn ra nhiều cảnh tranh giành nước đầu nguồn, không khí trời khốc liệt hơn.

Ngày nay, khi ăn bát cơm gạo tám thơm phức, hưởng đĩa tôm hùm lạ miệng, kẻ giàu sang mấy khi còn biết nghĩ tới người nông dân, bác thuyền chài nghèo, phải một nắng hai sương, thậm chí đối diện với cái chết luôn luôn rình rập ngoài biển khơi nữa?

Thật là:  
Cây đồng đang buổi ban trưa,  
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.  
Ai ơi bưng bát cơm đầy,  
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.  
(Ca dao)

Goeth từng nói: "*mọi lý luận đều màu xám . . .*". Thật đúng! Ở thời nay, ý nghĩa thực tiễn của câu nói "*thiếu tư quả dục*", với "*tôn kỳ dư bố hất túc*", sự quân bình mà Lão tử nêu phải được thể chế hóa bằng luật pháp chứ không phải là những lời thuyết giảng suông.

## 58. Thận trọng từ đầu.

民之從(从)事,常於(于)幾(几)成而敗(敗)之,慎終如始,則無(无)敗事.

*Phiên âm:*

**Dân chi tông sự thường ư cơ thành nhi bại chi, thận chung như thủy, tắc vô bại sự.**

*Chú giải:*

Đây là một phần câu chương 64 của Đạo đức kinh.

- Tông (cống): theo. Tông sự: làm việc.

- Cơ (jī): Chữ này có nhiều cách đọc như *ki*, *kỉ*, *ký* và nghĩa khác nhau. Chữ giản thể mượn chữ kỷ = cái ghế để thay. Ở đây *cơ thành* nghĩa là cơ hồ, gần như hoàn thành. Suzuki dịch là: *always* ([\[10\]](#)) *near completion*.

- Bại (bài): thất bại, hỏng.

- Thận chung như thủy (shèn zhong rú shǐ): thận trọng lúc kết thúc cũng như lúc ban đầu.

*Dịch:*

Người ta thường làm việc tới gần hoàn thành thì hỏng.

Biết thận trọng lúc sau cùng cũng như khi bắt đầu thì không thất bại.

*Bình:*

Chữ *dân* ở đây Lão tử dùng để chỉ khái niệm *người ta*.

Suzuki dịch là *The people*. Nhiều người dịch là *dân* nên dễ gây hiểu nhầm dân với vua chúa. Dưới con mắt của Lão tử không phân biệt vua quan. Ông chỉ dùng chữ thánh nhân để chỉ người thông hiểu Đạo mà thôi.

## 59. Mênh mông sông biển.

江海之所以能為百谷王者，  
以其善下之，故能為百谷王。

*Phiên âm:*

**Giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương.**

*Chú giải:*

Đây là phần câu chương 66 của Đạo đức kinh.

- Giang (jiang): sông.

- Hải (hải): biển.

- Bách cốc vương (bǎi gú wáng): vua trăm hang.

Suzuki dịch: *hundred valleys*.

*Dịch:*

Sông biển sở dĩ có thể làm vua trăm hang suối là do nó biết ở dưới thấp nên mới xứng danh đó.

*Bình:*

Chữ "*cốc vương*" ở đây tác giả *Lão tử dịch văn* ghi là vua trăm sông (bách xuyên chi vương 百川之王)

Gandhi (Mohandas Karamchand, 1869- 1948) nhà cách mạng chủ trương chống thực dân Anh bằng bất bạo động của Ấn Độ có một lần đi xe lửa. Do vội vàng lên tàu nên ông làm rơi một chiếc giày xuống cạnh đường sắt. Lúc này tầu đã bắt đầu chuyển bánh, không có cách gì nhặt lên nữa. Ông bèn tháo chiếc giày còn lại ở chân xuống gần chiếc bị rơi. Một hành khách ngạc nhiên hỏi, ông cười trả lời: "Như vậy là có người nghèo nào đó nhặt được giày thì đủ cả đôi đi, khỏi bỏ phí".

Suy nghĩ, cử chỉ thật đơn giản nhưng chỉ có thánh nhân, không còn nghĩ đến mình mà chỉ nghĩ đến người khác mới có thể hành động được như vậy.

Một câu chuyện khác, nhưng là của loài vật. Có một nhà nghiên cứu về tập tính gà. Bình thường gà ta nuôi con chỉ là nhờ vào thức ăn của người cho. Có một lần, ông thử cho gà mẹ ấp lần một quả trứng gà rừng. Khi gà rừng con nở, gà mẹ liên tục gọi nó ra góc vườn bới tìm sâu, còn cả bày thì bỏ mặc cho nhặt tằm cám mà con người vung cho. Như thế là gà mẹ cũng biết rằng gà rừng không quen ăn thức ăn tự nhiên. Nó cần được chăm sóc hơn.

## 60. Cuộc sống không giả tạo.

使夫知不敢,弗為而已,則無不治矣。

*Phiên âm:*

## Sử phù tri bất cảm, phát vi nhi kỷ, tắc vô bất trị hĩ.

- Sử (shǐ): khiến
- Phù (fù): tiếng đệm, không có nghĩa.
- Bất cảm (bù gǎn): không dám.

*Dịch:*

Khiến cho người ta biết không thể, không vì riêng mình thì xã hội không có gì là không yên bình.

*Bình:*

Lão tử cho rằng con người ta vốn thuần phác, chỉ do hoàn cảnh xã hội mà trở nên giả trá, nên ông mới chủ trương *phát vi nhi kỷ* (không vì mình).

Mặt trái của văn minh đã làm cho con người trở nên giả dối một cách tình vi hơn. Đó là chủ đề nghiên cứu của những nhà đạo đức học. Nhưng hình như tình hình ngày càng tồi tệ hơn, giả tạo hơn.

Vì thế xưa cũng như nay nhiều người đã quay lưng lại với xã hội. Lưu Linh (Trung Quốc) vì chán đời giả trá mà uống rượu. Ông say đến mức cội hết cả quần áo. Nhưng có ai đó trầm trồ nhìn, ông lại tỉnh táo trả lời: "*Trời đất là căn phòng, là quần áo của tôi. Ai bảo các ông chui vào đó nhìn mà cười ?*"

Ở Việt Nam cũng có trường hợp tương tự. Đó là nhà thơ Bùi Giáng. Nhiều bản dịch, kiệt tác bài thơ của ông từng được các bạn sinh viên văn khoa Huế tìm đọc ngẫu nhiên. Nhưng mỗi khi họ đi học họ lại thường bắt gặp ông nằm trần truồng trước sân trường như một thằng điên. Đó là hiện tượng say tỉnh, tỉnh say. Nhưng ta không thể nói như Khuất Nguyên: *mọi người say riêng ta tỉnh, xã hội đục cả riêng ta trong!* Phải hòa mình vào cát bụi của nhân loại mà tìm ra những giá trị giữa chôn trần ai.

## 61. Biết sửa sai lầm.

求 以 得, 有 罪 以 免 邪?

*Phiên âm:*

**Cầu kỳ đắc, hữu tội dĩ miễn tà ?**

*Chú giải:*

- Cầu (qiú): tìm kiếm.
- Đắc (dé): được.
- Tội (zuì): tội ác, lỗi lầm.
- Miễn (miǎn): tránh.
- Tà (xié): nghiêng. Ở đây có nghĩa là sai.

*Dịch:*

Đạo cầu là được, có lỗi lầm thì có thể tránh.

Ý tưởng của Lão tử trong câu này cũng gần giống như câu "quân tử quá nhi năng cải" ( T L t át ) của Khổng tử, nghĩa là: người quân tử không sợ sai lầm, sai có thể sửa.

Về chủ đề đối với lỗi lầm ta đã từng gặp nhiều câu rất nổi tiếng trong quyển "*Những câu nói bất hủ của Không tử*" (Đỗ Anh Thơ - NXB Lao động - Xã hội) nên ở đây không bàn thêm.

Viết xong tại Nguyễn Đức trai trước ngày giỗ lần thứ 61 (27/5 Ất Dậu - 27/5 Bính Tuất) của thân sinh là cụ Liên xá Nguyễn Đức Tự, trong lòng ta vẫn văng vẳng mấy câu thơ nôm mà Người ghi trên mộ của ông bà năm 1938 :

*Nhớ ơn chín chữ cao sâu,  
Vùi nông một nắm, mặc dẫu cỏ hoa.  
Lặn lần tháng trọn ngày qua,  
Tâm lòng thương nhớ biết là có nguôi.  
Còn non còn nước còn người,  
Biết bao giọt ngấn giọt dài chứa chan.  
Thân hôn chăm chút lễ thường,  
Họa là người dưới xuôi vàng biết cho.*

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>  
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>  
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Đỗ Anh Thơ 347/10 Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hè Bính Tuất (2006)  
Tel: 84.04.8341762  
Mobiphone: 0912952810

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Lão tử đích trí tuệ - Diệp Châu - Trung Quốc vật tư xuất bản xã – 2005.
- Lão tử - Đạo đức kinh - Thu giang Nguyễn Duy Cần. NXB Văn học 1988.
- Lão tử Đạo đức kinh - Vương Bất (đời Tần). Chú giải: Lục Đức Minh (đời Đường).
- Lão tử- Đạo đức kinh. Nguyễn Hiền Lê NXB Văn hóa 1998.
- Lão tử dịch văn. (www.google. com -2006).
- Đạo đức kinh cú giải - Viên Phụ (tải từ mạng www. google.com).
- Dao De Jing - The Way and its Power của các dịch giả Waley, Lau, Julien (tải từ mạng www.google.com.)
- The Canon of Reason and Virtue của các tác giả Legg, Suzuki v.v . . .(tải xuống từ mạng www.sacred- texts.com.

[1] Theo Nguyễn Hiến Lê chữ “khô” ở đây phải đọc là Hổ. Những Từ nguyên phiên thiết là (Khô ngũ) = khô. Các bản dịch tiếng Anh cũng phiên là Ku.

[2] Soạn giả bảo lưu ý kiến của Diệp Châu. Tuy nhiên theo "Thuyết văn giải tự" của Hứa Thận thì hai chữ này viết rất khác nhau.

[3] Nguyên trong sách viết là "lợng", theo tôi là "lưỡng". (qt)

[4] Chữ này có lẽ phiên âm là "*Liễm*". (qt)

[5] Thi xã nhóm thơ của Tùng Thiện Vương Miên Ứng và Tuy Lý vưon Miên Thắm

[6] Thuyền buôn nước mắm của xứ Nghệ hôi hám

[7] Chữ này không tra cứu được, có lẽ là chữ nhiễu 扰

[8] Theo như lời dịch thơ thì bài kệ này là bài "*Cáo tật thị chúng*" của Mãn Giác Thiền Sư. Còn sư Viên Chiếu (999- 1091) thì không biết là ai? Chỗ này có lẽ là một nhầm lẫn lớn của soạn giả. (qt).

[9] Chữ "Cật" phải viết là 詰. (qt)

[10] Chắc là "*Almost*". (qt.)